# CHUYÊN ĐỀ

# KỸ NĂNG XỬ LÝ CỦA KIỂM SÁT VIÊN VỀ TÌNH HUỐNG CỦA NGƯỜI THAM GIA TỐ TỤNG CUNG CẤP CHỨNG CỨ, TÀI LIỆU, ĐỒ VẬT TẠI PHIÊN TÒA XÉT XỬ VỤ ÁN HÌNH SỰ

## *Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội*

Cải cách tư pháp là một trong những chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước ta, đã và đang được tiến hành một cách đồng bộ và hiệu quả ở hầu hết các cấp các ngành, góp phần tạo nên những thành tựu quan trọng trong sự nghiệp đổi mới đất nước vì mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Thực hiện các Nghị quyết của Đảng về cải cách tư pháp và Luật Tổ chức Viện KSND, Ngành KSND đã có nhiều cố gắng trong việc nâng cao chất lượng công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp trong xử lý án hình sự và đạt được nhiều kết quả quan trọng. Đặc biệt, công tác xử lý các tình tiết phát sinh tại phiên toà xét xử án hình sự luôn được quan tâm chỉ đạo sát sao nhằm tránh oan sai cũng như bỏ lọt tội phạm. Quá trình thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự ở hai cấp, Viện KSND thành phố Hà Nội nhận thấy.

Trước hết, Kiểm sát viên muốn xử lý được các tình huống người tham tố tụng cung cấp chứng cứ, tài liệu, đồ vật ở giai đoạn trước, trong phiên toà, Kiểm sát viên phải nắm chắc các khái niệm tại chương IV BLTTHS “Người tham gia tố tụng” gồm những ai? Theo Điều 55 BLTTHS, người tham gia tố tụng gồm 20 người (từ người tố giác, báo tin về tội phạm, kiến nghị khởi tố đến người đại diện theo pháp luật của pháp nhân phạm tội, người đại diện khác theo quy định của bộ luật) trong đó có cả cá nhân, cơ quan, tổ chức. Trên cơ sở đó, ngay từ giai đoạn kiểm sát điều tra, kiểm sát viên phân loại tư cách tham gia tố tụng là gì trong vụ án để đưa họ vào tham gia tố tụng, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng cho họ, đồng thời giải thích cho họ nghĩa vụ phải thực hiện theo Điều 55 đến Điều 70 BLTTHS xuyên suốt trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử. Kiểm sát chặt chẽ việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người tiến hành tố tụng (Điều 71 BLTTHS).

Thông thường những người tham gia tố tụng ít khi cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Viện kiểm sát trước khi xét xử mà chờ đến phiên toà, khi Toà án tiến hành xét xử mới cung cấp, chứng cứ, tài liệu. Vì vậy, công tác chuẩn bị thực hành quyền công tố, Kiểm sát xét xử các vụ án hình sự phải được chuẩn bị kỹ. Ngoài việc xây dựng hồ sơ kiểm sát điều tra theo quyết định 15/QĐ-VKSTC ngày 09/01/2018 của Viện KSND tối cao; hồ sơ kiểm sát xét xử theo Quyết định 505/QĐ-VKSTC ngày 18/12/2017 của Viện KSND tối cao, Kiểm sát viên phải kiểm tra lại tư cách tham gia tố tụng của những người được Toà án triệu tập đến phiên toà trên cơ sở quyết định đưa vụ án ra xét xử. Phải nắm chắc các quy định về thủ tục xét xử các vụ án hình sự như thủ tục bắt đầu phiên toà (từ Điều 300 đến Điều 305 BLTTHS). Điều 305 BLTTHS quy định, chủ toạ phiên toà phải hỏi những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên toà xem họ có đưa thêm vật chứng, tài liệu ra xem xét không. Đây chính là nội dung liên quan đến việc cung cấp phát sinh tình tiết ở phiên toà (có thể họ cung cấp cả tài liệu CQĐT đã thu thập và tài liệu CQĐT chưa thu thập). Các tài liệu này thường liên quan đến:

- Chứng cứ thể hiện bị cáo không phạm tội;

- Chứng cứ có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm;

- Chứng cứ nhận tội do cơ quan điều tra dùng bức cung, nhục hình;

- Chứng cứ là vật chứng không đúng trong hồ sơ;

- Chứng cứ là các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ TNHS để xem xét về đường lối xét xử;

- Chứng cứ mà CQĐT chưa điều tra, v.v....

Khi những người tham gia tố tụng cung cấp tài liệu, đồ vật tại phiên toà. Toà án: “tiếp nhận chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan đến vụ án do cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp” theo Điều 252 BLTTHS bằng các hoạt động: yêu cầu họ nộp tại bàn Thư ký để chuyển lên HĐXX, Kiểm sát viên kiểm tra, đánh giá tính xác thực, hợp pháp của chứng cứ (theo Điều 108 BLTTHS), nguồn chứng cứ mà họ có được? Làm rõ lý do tại sao tại phiên toà mới cung cấp? từ đó có hướng giải quyết phù hợp, đúng pháp luật:

**1. Nếu tài liệu, chứng cứ, đồ vật cung cấp không đảm bảo tính hợp pháp**, xác thực và liên quan đến vụ án thì Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không coi đó là chứng cứ trong hồ sơ vụ án.

**2. Nếu các tài liệu, chứng cứ, đồ vật cung cấp đã đảm bảo tính hợp pháp, xác thực và liên quan đến vụ án nhưng không thay đổi bản chất vụ án,** không ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bị cáo, người bị hại, Kiểm sát viên bổ sung trong luận tội để đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khi lượng hình cho phù hợp với tính chất, hành vi phạm tội (các tình tiết giảm nhẹ như: bồi thường thiệt hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ cho bị cáo, gia đình có công cách mạng, có thành tích giúp cơ quan công an phá án...quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS; các tình tiết tăng nặng như: bị cáo tiếp tục phạm tội, có hành vi trả thù...). Ví dụ: vụ án Nguyễn Thị H phạm tội “Chống người thi hành công vụ”, Toà án sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 330 BLHS xử phạt bị cáo H 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng. Do có kháng cáo kêu oan của bị cáo, tại phiên toà phúc thẩm luật sư của bị cáo cung cấp video ghi lại hình ảnh trước thời điểm phạm tội tại nơi xảy ra sự việc: thể hiện có cơ quan Công an chứng kiến việc một số người đập phá tài sản nhưng không có ý kiến gì do vậy tình tiết này không liên quan gì đến hành vi bị cáo chống người thi hành công vụ.

**3. Nếu tài liệu chứng cứ trên làm thay đổi bản chất vụ án**, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của người tham gia tố tụng thì Kiểm sát viên căn cứ Điều 251, Điều 253 BLTTHS có ý kiến phát biểu khi HĐXX yêu cầu. Cụ thể:

**3.1. Với các chứng cứ, đồ vật có thể được xác minh, xem xét thực hiện ngay trong 05 ngày thì Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên toà để Toà án đi xác minh hoặc phối hợp cùng VKS đi xác minh.**

+ Xác minh bổ sung giấy khai sinh để đối chiếu với sổ hộ khẩu xem bị cáo có phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi hay không vì có mâu thuẫn về ngày tháng năm sinh. Ví dụ: vụ án Nguyễn Văn A phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma tuý” bị cáo kháng cáo kêu oan, trong thời gian tạm ngừng phiên toà bị cáo bổ sung hộ khẩu thể hiện khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi.

+ Xác minh bị cáo có phải người dân tộc thiểu số hay không do lý lịch của địa phương cung cấp khác với lời khai của bị cáo tại phiên toà. Ví dụ: vụ án Nguyễn Thị B phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tại phiên toà sơ thẩm, trong thời gian tạm ngừng bị cáo xuất trình hộ khẩu thể hiện bị cáo là người dân tộc thiểu số.

+ Xác minh bổ sung Quyết định đình chỉ sinh hoạt Đảng nếu bị cáo là Đảng viên do cấp sơ thẩm chưa làm. Ví dụ: vụ án Nguyễn Văn P phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, khi phạm tội, bị cáo là Đảng viên nhưng cấp sơ thẩm không đề nghị Chi bộ nơi bị cáo sinh hoạt đảng ra quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng trước khi xét xử sơ thẩm là trái với Quy định số 30/QĐ/TW ngày 26/7/2016 của Ban chấp hành trung ương về thi hành chương VIII Điều lệ Đảng viên về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng. Bị cáo kháng cáo, tại cấp phúc thẩm, KSV xác minh, bổ sung Quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng của bị cáo.

+ Tiến hành xem xét trực tiếp vật chứng khi có mâu thuẫn giữa biên bản thu giữ vật chứng và bản ảnh chụp vật chứng. Ví dụ: vụ án Nguyễn Khắc T cùng đồng phạm phạm tội “Trộm cắp tài sản” và “Cố ý gây thương tích”, Tòa án sơ thẩm áp dụng các điểm đ,g khoản 2 Điều 138 BLHS tuyên phạt bị cáo Nguyễn Khắc T 04 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngoài ra Bản án còn xét xử các bị cáo khác. Do có kháng cáo của bị cáo và người bị hại, tại phiên toà phúc thẩm, VKS đề nghị, HĐXX tạm ngừng phiên toà để trực tiếp xuống kho kiểm tra vật chứng, đã xác định vật chứng lưu giữ trong kho không giống miêu tả trong biên bản thu giữ, phù hợp với tài liệu luật sư bào chữa cho bị cáo đã trình bày tại phiên toà. Do vậy, cấp phúc thẩm không thể bổ sung được, quyết định hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

+ Xác minh tư cách của người tham gia tố tụng là bị hại hay nguyên đơn dân sự vì cấp sơ thẩm chưa điều tra làm rõ chủ sở hữu tài sản. Ví dụ vụ án Nguyễn Gia N phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Toà án sơ thẩm xác định tư cách tham gia tố tụng của siêu thị Vinmart (nơi bị mất tài sản) là nguyên đơn dân sự và áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS xử phạt N 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Do có kháng nghị của Viện kiểm sát đề nghị tăng hình phạt, tại cấp phúc thẩm, Viện kiểm sát nhận thấy việc cấp sơ thẩm xác định tư cách tham gia tố tụng của siêu thị Vinmart là chưa phù hợp, Kiểm sát viên ở cấp phúc thẩm đã tiến hành xác minh tư cách pháp nhân của siêu thị Vinmart, trên cơ sở đó đề nghị HĐXX sửa bản án sơ thẩm theo hướng xác định siêu thị Vinmart là bị hại vì theo BLTTHS 2015 thì cơ quan, tổ chức bị thiệt hại cũng là bị hại trong vụ án - khác với BLTTHS 2003 thì cơ quan, tổ chức chỉ tham gia với tư cách nguyên đơn dân sự.

**3.2. Với các chứng cứ, đồ vật cần có thời gian để xem xét, xác minh bổ sung thì Kiểm sát viên đề nghị tạm hoãn phiên toà.** Cụ thể:

+ Yêu cầu giám định tâm thần đối với bị cáo khi bị cáo xuất trình bệnh án tại phiên toà hoặc qua diễn biến phiên toà bị cáo có biểu hiện không bình thường, mặc dù trong hồ sơ thể hiện ở giai đoạn điều tra bị cáo hoàn toàn bình thường. Ví dụ: vụ án Nguyễn Văn A phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”, trong giai đoạn điều tra bị cáo không bị bệnh, giai đoạn xét xử bị cáo bị tai nạn giao thông, chấn thương sọ não phải điều trị tại Bệnh viện tâm thần. Hoặc vụ án Trần Thị M phạm tội “Môi giới mại dâm”, tại phiên toà sơ thẩm gia đình bị cáo xuất trình bệnh án thể hiện bị cáo đang điều trị bệnh tâm thần nhưng cấp sơ thẩm không hoãn phiên toà để kiểm tra chứng cứ trên mà tiếp tục xét xử dẫn đến cấp phúc thẩm không thể bổ sung được phải huỷ bản án sơ thẩm để điều tra lại.

**3.3. Trường hợp không thể bổ sung tài liệu tại phiên toà, Kiểm sát viên đề nghị trả hồ sơ để điều tra bổ sung (ở cấp sơ thẩm) hoặc huỷ bản án sơ thẩm để điều tra lại (ở cấp phúc thẩm)**

+ Người tham gia tố tụng cung cấp hình ảnh, ghi âm, ghi hình thể hiện tình tiết mới của vụ án. Ví dụ vụ án Mai An N phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo có hành vi trộm cắp tài sản tại quầy lễ tân trong khách sạn của bị hại. Ngay sau khi sự việc xảy ra bị hại khai bị mất 01 điện thoại di động và số tiền 80.000.000đ. Trích xuất camera tại khách sạn chỉ thấy hình ảnh bị cáo trộm cắp tài sản nhưng không rõ là tài sản gì. Bị cáo chỉ khai nhận lấy 01 điện thoại di động nên cấp sơ thẩm đã tách số tiền 80.000.000đ để điều tra xử lý sau. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị hại kháng cáo đề nghị xem xét lại tài sản bị chiếm đoạt. Tại phiên toà phúc thẩm, Luật sư của bị hại xuất trình 01 băng đĩa có lưu giữ hình ảnh ở thời điểm phạm tội bị cáo có chạy ra đường đưa cho 01 đối tượng (không rõ mặt) 01 vật (không xác định). Tài liệu này chưa được cấp sơ thẩm điều tra xét hỏi nên HĐXX đã huỷ bản án để điều tra lại.

+ Có dấu hiệu bỏ lọt đồng phạm. Ví dụ: vụ án Nguyễn Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích”, tài liệu điều tra thể hiện T có hành vi ném 01 ấm tích vào mặt bị hại sau khi đối tượng Đỗ Văn H có hành vi cầm một vật phủ ngoài là chiếc áo (không rõ vật gì) đánh vào đầu bị hại. Theo bị hại khai khi bị đánh vào đầu đã bị choáng, đại diện hợp pháp của bị hại kháng cáo cho rằng bỏ lọt đối tượng H vì nguyên nhân chính bị hại tử vong là do vật này gây nên. Quá trình điều tra đã xác định H có mặt tại hiện trường, có dùng tay tát bị hại nhưng Cấp sơ thẩm không xử lý gì. Tại phiên toà phúc thẩm, HĐXX không thể bổ sung, tuyên huỷ bản án sơ thẩm để điều tra lại.

+ Tình tiết mới có dấu hiệu CQĐT làm sai lệch vụ án do dựng nhân chứng giả. Ví dụ vụ án Nguyễn Đình N và đồng phạm phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Toà án sơ thẩm áp dụng khoản 3 Điều 104 BLHS xử phạt Nguyễn Đình N 06 năm tù, và 02 bị cáo khác về tội “Cố ý gây thương tích”. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo kêu oan. Tại phiên toà phúc thẩm, Luật sư bào chữa cho bị cáo xuất trình tài liệu thể hiện người làm chứng Nguyễn Viết H (nhân chứng khách quan nhất trong vụ án khai nhìn thấy Nguyễn Đình N dùng kiếm chém bị hại) đã bị cơ quan điều tra mua chuộc bằng việc cho tiền nhân chứng để bảo nhân chứng khai nhìn thấy sự việc. Trên thực tế nhân chứng không nhìn thấy sự việc, không biết bị cáo là ai. Do vậy, cấp phúc thẩm đã tuyên huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra lại. Quá trình điều tra đã tiến hành thực nghiệm điều tra lại, nhân chứng không thể nhìn thấy sự việc.

+ Định giá lại tài sản không đúng quy định tại Nghị định số 26/2005/NĐ-CP ngày 02/03/2005 của Chính phủ (nay là Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07/3/2018 của Chính phủ). Ví dụ vụ án Trần Thị Ng phạm tội “Hủy hoại tài sản”. Toà án sơ thẩm áp dụng điểm g khoản 2 Điều 143 BLHS xử phạt Ng 28 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 56 tháng. Sau phiên toà sơ thẩm, bị hại kháng cáo toàn bộ bản án do bỏ lọt tội phạm, định giá tài sản chưa đầy đủ. Toà án phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm để định giá bổ sung tài sản mà cấp sơ thẩm chưa làm. Trong quá trình điều tra lại, do có thay đổi lời khai của nhân chứng, bị hại về tình trạng tài sản đã định giá (trước đây tính giá trị là tài sản mới nay là tài sản không có giá trị sử dụng). Theo Nghị định số 26/2005/NĐ-CP ngày 02/03/2005 của Chính phủ (nay là Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07/3/2018 của Chính phủ) cấp sơ thẩm tiến hành định giá lại là không chính xác mà phải định giá bổ sung. Do vậy, sau khi xét xử sơ thẩm lần 2, bị hại tiếp tục kháng cáo, cấp phúc thẩm phải huỷ bản án sơ thẩm để định giá lại theo đúng quy định pháp luật.

+ Không tiến hành giám định nồng độ cồn của bị cáo, bị hại khi tham gia giao thông mặc dù có lời khai thể hiện việc sử dụng rượu, bia. Ví dụ: vụ án Nguyễn Hùng V phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”, tài liệu điều tra thể hiện, khi điều khiển phương tiện giao thông người bị hại có sử dụng bia rượu nhưng cấp sơ thẩm không tiến hành giám định ngay nồng độ cồn của bị hại. Tại phiên toà phúc thẩm, Luật sư của bị cáo đưa ra chứng cứ thể hiện bị hại có sử dụng bia rượu trước khi tham gia giao thông. Cấp phúc thẩm không thể bổ sung, huỷ bản án sơ thẩm để điều tra lại.

+ Không điều tra đầy đủ khi còn nhiều mâu thuẫn, chưa điều tra đầy đủ, vật chứng mô tả chưa kỹ, thực nghiệm điều tra chưa đầy đủ.....Ví dụ vụ án Hoàng Thị Ngọc Th phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Bản án sơ thẩm áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS 2015 xử phạt bị cáo Th 28 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Sau phiên toà bị cáo kháng cáo kêu oan, qua nghiên cứu hồ sơ vụ án thấy rằng đây là vụ án rất phúc tạp nhưng cấp sơ thẩm chưa điều tra đầy đủ, vật chứng là nồi cơm điện chưa được mô tả kỹ về kích thước, dung tích chứa đựng; sơ đồ hiện trường chưa thể hiện rõ khoảng cách giữa vị trí bị cáo, bị hại, và vật chứng; thực nghiệm điều tra chỉ dựa trên cơ sở lời khai của một bên; việc dựng lại hiện trường tiến hành rất sơ sài.

+ Cấp sơ thẩm truy tố xét xử sai khung hình phạt do nhầm lẫn trong việc tính xoá án tích theo Điều 70, 107 BLHS. Ví dụ: vụ án Trần Khắc H phạm tội “Mua bán trái phép chất ma tuý”, Toà án sơ thẩm áp dụng điểm p khoản 2 Điều 251 BLHS xử phạt bị cáo H 07 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma tuý”. Sau phiên toà sơ thẩm, bị cáo kháng cáo, xét thấy nhân thân bị cáo có 04 tiền án năm 2002, 2006, 2013, 2015 trong đó căn cứ điểm c khoản 2 Điều 70, khoản 2 Điều 73 BLHS, Bản án năm 2006 bị xử phạt 08 năm tù chưa được xoá án tích vì thời hạn xoá án tích của Bản án này là 03 năm và được tính lại kể từ ngày chấp hành xong hình phạt chính của Bản án năm 2015 (ngày 05/02/2017). Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 53 BLHS, bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng chưa được xoá án tích lần này lại phạm tội rất nghiêm trọng nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Cấp sơ thẩm chỉ truy tố, xét xử bị cáo theo điểm p khoản 2 Điều 251 BLHS (thiếu tiết định khung tại điểm q khoản 2 Điều 251 BLHS), cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Vụ án Nghiêm Xuân A phạm tội “Mua bán trái phép chất ma tuý”. Bản án sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo A 32 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma tuý”. Sau phiên toà sơ thẩm, bị cáo kháng cáo, tại cấp phúc thẩm nhận thấy nhân thân bị cáo có 05 tiền án liên tục từ năm 1995 đến năm 2006, các tiền án nối tiếp nhau và chưa được xoá án tích. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 53 BLHS, hành vi phạm tội lần này của bị cáo A thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Cấp sơ thẩm truy tố, xét xử bị cáo theo khoản 1 Điều 251 BLHS với tình tiết tăng nặng tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS (tái phạm) là chưa đúng quy định. Vụ án Nguyễn Văn Tr phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma tuý”. Toà án sơ thẩm áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS xử phạt bị cáo Tr 30 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma tuý”. Do có kháng cáo của bị cáo, tại cấp phúc thẩm nhận thấy: nhân thân bị cáo năm 2017, phạm tội rất nghiêm trọng do lỗi vô ý khi chưa đủ 18 tuổi, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 107 BLHS, xác định bị cáo không có án tích, phạm tội lần này không thuộc trường hợp tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

+ Tại phiên toà sơ thẩm, bị cáo và bị hại thoả thuận bồi thường, Toà án ghi nhận sự thoả thuận theo quy định của BLDS. Sau phiên toà sơ thẩm, bị cáo và bị hại kháng cáo, bị hại xuất trình tài liệu chứng minh chi phí bồi thường thiệt hại và đề nghị giải quyết phần dân sự hoặc bị cáo không đồng ý việc thoả thuận thì vụ án phải huỷ phần dân sự để Toà án sơ thẩm điều tra lại.

\***Các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng kiểm sát, xét xử án hình sự trong thời gian tới cần quan tâm:**

Các đơn vị cần bám sát chỉ thị của Viện KSND tối cao, kế hoạch công tác kiểm sát của Viện KSND thành phố Hà Nội, các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Hội đồng thẩm phán TAND tối cao. Mỗi cán bộ, Kiểm sát viên phải tự nghiên cứu, học hỏi để cập nhật kịp thời các đạo luật mới, tự rèn luyện mình trong phong cách ứng xử, tạo thói quen đối đáp đúng mực. Nâng cao vai trò, trách nhiệm quản lý, chỉ đạo hoạt động nghiệp vụ của Lãnh đạo VKS 02 cấp. Thực tế đã khẳng định vai trò, trách nhiệm và hiệu quả quản lý, chỉ đạo, điều hành hoạt động nghiệp vụ của Lãnh đạo VKS các cấp trong công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng, hiệu quả của công tác giải quyết án hình sự. Qua nghiên cứu các vụ án Tòa án tuyên hủy án, cho thấy công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo VKS 02 cấp tuy có nhiều chuyển biến nhưng vẫn còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu và là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến oan, sai. Do vậy nâng cao chất lượng quản lý, chỉ đạo, điều hành và tăng cường trách nhiệm của Lãnh đạo đối với cán bộ, KSV trong hoạt động thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử hình sự là yếu tố quan trọng nhằm hạn chế các sai lầm trong hoạt động nghiệp vụ dẫn đến Tòa án tuyên hủy án để điều tra, xét xử lại. Phối hợp chặt chẽ giữa cấp trên với cấp dưới, giữa các phòng nghiệp vụ trong việc nâng cao chất lượng tổ chức các phiên toà rút kinh nghiệm thông qua đó nâng cao kỹ năng của kiểm sát viên, nhất là cách xử lý khi có tình tiết phát sinh tại phiên toà. Tăng cường công tác phối hợp với Toà án để thống nhất quan điểm xử lý tình tiết phát sinh, đảm bảo đúng quy định pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức, phục vụ có hiệu quả nhiệm vụ chính trị tại địa phương. Thường xuyên tổng hợp các vướng mắc trong việc áp dụng pháp luật để báo cáo cấp trên, kịp thời ban hành văn bản hướng dẫn.

# CHUYÊN ĐỀ

# KINH NGHIỆM TRANH LUẬN, ĐỐI ĐÁP CỦA KIỂM SÁT VIÊN KHI THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ VÀ KIỂM SÁT XÉT XỬ CÁC VỤ ÁN NGHIÊM TRỌNG, PHỨC TẠP, DƯ LUẬN XÃ HỘI QUAN TÂM

## *Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh*

**1. Mục đích, yêu cầu và ý nghĩa của hoạt động tranh luận tại phiên tòa**

Tranh tụng là một trong những nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự, phản ánh xu hướng dân chủ, tiến bộ, đảm bảo cho việc xác định sự thực khách quan của vụ án một cách toàn diện và đầy đủ, góp phần xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, tránh oan sai, bỏ lọt tội phạm.

Hoạt động tranh tụng diễn ra xuyên suốt trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi tiếp nhận nguồn tin báo, tố giác về tội phạm và kiến nghị khởi tố vụ án cho đến khi vụ án được xét xử xong hoặc đình chỉ theo quy định. Hoạt động tranh tụng được tập trung nhiều nhất ở giai đoạn xét xử và thể hiện nhiều nhất thông qua việc tranh luận giữa Viện kiểm sát với những người tham gia tố tụng.

Do đặc thù của cấp phúc thẩm là bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, những người tham gia tố tụng không có quyền kháng cáo, cho nên những vi phạm pháp luật của bản án khó được khắc phục ngay như bản án sơ thẩm. Do đó, hoạt động tranh luận, đối đáp của Kiểm sát viên (KSV) đối với từng vấn đề, từng chứng cứ gỡ tội, buộc tội, giải quyết triệt để những vấn đề người tham gia tố tụng đề ra, giúp cho Hội đồng xét xử đánh giá toàn bộ vụ án một cách khách quan và toàn diện, từ đó quyết định một bản án đúng quy định của pháp luật, tránh oan sai, bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, đồng thời không để quá trình giải quyết vụ án kéo dài, giảm tình trạng khiếu nại, đề nghị xem xét lại vụ án theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm hoặc khiếu nại khác.

**2. Quy định pháp luật và của Ngành kiểm sát về hoạt động tranh luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm hình sự**

Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử là tư tưởng, quan điểm có tính chỉ đạo xuyên suốt quá trình xây dựng luật, được pháp điển hóa tại Điều 130 Hiến pháp năm 2013, nguyên tắc này được thể hiện đậm nét, đặc trưng nhất là tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm và được đảm bảo theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, trong đó quy định *“Tòa án có trách nhiệm tạo điều kiện cho Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, những người tham gia tố tụng khác thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình và tranh tụng dân chủ, bình đẳng trước Tòa án.*

*Mọi chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định vô tội, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, áp dụng điểm, khoản, điều của Bộ luật hình sự để xác định tội danh, quyết định hình phạt, mức bồi thường thiệt hại đối với bị cáo, xử lý vật chứng và những tình tiết khác có ý nghĩa giải quyết vụ án đều phải được trình bày, tranh luận, làm rõ tại phiên tòa.”*.

Để hoạt động tranh luận tại phiên tòa không bị hạn chế và tranh luận đến cùng nhằm làm sáng tỏ những vấn đề mà các bên đặt ra trong quá trình xét xử vụ án hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định *“Chủ toạ phiên tòa không được hạn chế thời gian tranh luận, phải tạo điều kiện cho Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, bị hại, người tham gia tố tụng khác tranh luận, trình bày hết ý kiến”*. Ngoài ra, để đẩm bảo không hạn chế việc tranh luận, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 không giới hạn số lượng Kiểm sát viên tham gia xét xử tại phiên tòa.

Không chỉ đảm bảo hoạt động tranh luận ở giai đoạn sơ thẩm vụ án hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 còn có những quy định đảm bảo hoạt động này được diễn ra tại các phiên tòa phúc thẩm, giám đốc thẩm, đặc biệt hoạt động tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm được diễn ra ngay trong phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, khi quy định *“Chủ toạ phiên tòa hỏi người kháng cáo có thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo hay không; nếu có thì chủ tọa phiên tòa yêu cầu Kiểm sát viên trình bày ý kiến về việc thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo.*

*Chủ toạ phiên tòa hỏi Kiểm sát viên có thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị hay không; nếu có thì chủ tọa phiên tòa yêu cầu bị cáo và những người liên quan đến kháng nghị trình bày ý kiến về việc thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị.” (khoản 2 Điều 354).*

Và cuối cùng mục đích của hoạt động tranh luận là làm sáng tỏ toàn bộ nội dung vụ và trình tự thủ tục tố tụng được áp dụng để giải quyết vụ án, với ý nghĩa là hoạt động quan trọng nhất trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, khoản 4 Điều 322 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định và buộc *Hội đồng xét xử phải lắng nghe, ghi nhận đầy đủ ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, người tham gia tranh luận tại phiên tòa để đánh giá khách quan, toàn diện sự thật của vụ án. Trường hợp không chấp nhận ý kiến của những người tham gia phiên tòa thì Hội đồng xét xử phải nêu rõ lý do và được ghi trong bản án.*

Cụ thể hóa hoạt động tranh luận tại phiên tòa của Kiểm sát viên, Điều 26 Quy chế Công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử vụ án hình sự (Ban hành kèm theo Quyết định số 505/QĐ-VKSTC ngày 18/12/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao), đã quy định chi tiết các hoạt động của Kiểm sát viên trước, trong phiên tòa xét xử vụ án hình sự để đảm bảo từng ý kiến có liên quan đến vụ án của người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác được tranh luận, đối đáp đến cùng (Điều 26, 44, 61).

**3. Kỹ năng, kinh nghiệm tranh luận, đối đáp của Kiểm sát viên khi thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử các vụ án nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm**

Về nhận thức, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định được ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác xét hỏi, tranh luận, đối đáp của Kiểm sát viên tại phiên tòa giải quyết án hình sự nên luôn chỉ đạo nghiên cứu, tập huấn sâu Luật tổ chức Viện kiểm sát, Bộ luật tố tụng hình sự, xây dựng các chương trình kế hoạch, quyết liệt thực hiện các Chỉ thị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Công tác lãnh đạo, quản lý, điều hành, chỉ đạo nghiệp vụ của Lãnh đạo đối với KSV khi tham gia phiên toà phúc thẩm hình sự đã được thực hiện thường xuyên, kịp thời, nghiêm túc theo Chỉ thị số 09/2016/CT-VKS ngày 06/4/2016 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Quy chế công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự; phối hợp tốt với Tòa án nhân dân tổ chức nhiều phiên tòa rút kinh nghiệm để KSV học hỏi, rút kinh nghiệm về tranh luận, đối đáp tại phiên tòa, tìm ra những ưu điểm, nhược điểm trong quá trình tranh luận, đối đáp như phong thái, thái độ tiếp nhận và vận dụng pháp luật đối đáp, tranh luận với người tham gia tố tụng, từ đó bồi dưỡng cho KSV về kỹ năng ứng biến khi đối đáp, nâng cao tinh thần trách nhiệm của KSV khi THQCT và KSXX hình sự tại các phiên tòa phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm. Trong đó, những kỹ năng quan trọng như: Kỹ năng lắng nghe, đặt câu hỏi, kỹ năng quan sát, giao tiếp, kỹ năng thuyết phục động viên và đối đáp, phản bác các luận điểm sai trái, không phù hợp với quy định của pháp luật.

Nhiều Kiểm sát viên, khi được phân công thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử có tinh thần trách nhiệm rất cao, đã tập trung nghiên cứu chi tiết, chuyên sâu khách thể bị xâm hại; tổng hợp, phân tích, chứng minh và đánh giá toàn diện các chứng cứ buộc tội, gỡ tội; nghiên cứu các luật chuyên ngành có liên quan hành vi phạm tội, quan điểm bào chữa của Luật sư tại phiên tòa sơ thẩm; tập hợp, trích dẫn văn bản luật, dưới luật để dễ dàng vận dụng, đối chiếu khi tranh luận, chủ động xét hỏi phục vụ cho tranh luận, kết luật tại phiên tòa.

Đối với các vụ án kinh tế tham nhũng, án phức tạp, kêu oan, án dự luận xã hội quan tâm các Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã xây dựng chi tiết “Kịch bản phiên tòa”, dự kiến đầy đủ các tình huống tranh luận, đối đáp hoặc thông qua quy chế phối hợp đã được ký giữa Tòa án và VKS tỉnh để bàn phối hợp thống nhất với Hội đồng xét xử, tổ chức các phiên tòa phúc thẩm từ xử lý thủ tục tố tụng đến quá trình xét hỏi, tranh tụng, xác định những vấn đề cần xét hỏi làm rõ để tranh luận đối đáp, trình tự tranh luận, để hoạt động tranh luận, đối đáp đạt hiệu quả cao nhất, mang tính thuyết phục cao.

Kỹ năng và kinh nghiệm tranh luận, đối đáp trong các vụ án nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm:

- Vụ Phạm Công Danh và đồng phạm, phạm tội Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng và Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng; xảy ra tại Ngân hàng Xây dựng Việt Nam. Phiên tòa xét xử phúc thẩm diễn ra trong gần 01 tháng đối với 27 bị cáo và có 32 người liên quan.

Xác định đây là vụ án rất phức tạp với hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, có 41 Luật sư tham gia bào chữa cho những người tham gia tố tụng. Các kinh nghiệm được rút ra từ xét xử phúc thẩm như sau: (1) Lãnh đạo Viện cấp cao quyết định thành lập Tổ nghiên cứu án gồm 04 người (2 KSVCC, 2 KSVTC), do đ/c Phó Viện trưởng Phụ trách khối hình sự phụ trách và đ/c Viện trưởng Viện cấp cao trực tiếp chỉ đạo; (2) Theo dõi ngay từ giai đoạn xét xử sơ thẩm, quá trình theo dõi phải thực hiện ghi chép đầy đủ diễn biến của phiên tòa, đặc biệt là quá trình xét hỏi, tranh luận; tập hợp đầy đủ các bài phát biểu của Luật sư tại phiên tòa sơ thẩm để nghiên cứu các luận cứ. Ngày sau khi tuyên án sơ thẩm, tổ nghiên cứu phải xây dựng báo cáo về diễn biến phiên tòa trong đó đặc biệt chú trọng vào phần xét hỏi, tranh luận và nhận xét đánh giá về quyết định của Tòa án; (3) Tổ chức nghiên cứu chuẩn bị xét xử phúc thẩm: Tổ nghiên cứu xây dựng kế hoạch phân công trách nhiệm từng thành viên trong quá trình nghiên cứu lập hồ sơ kiểm sát, 2 KSVCC thực hiện phụ trách từng mảng nghiên cứu theo nhóm tội danh; Xây dựng kịch bản phiên tòa phúc thẩm để phối hợp với Tòa án cấp cao chuẩn bị tổ chức phiên tòa và bàn với Chủ tọa phiên tòa về công tác phối hợp về xử lý tố tụng phát sinh trong giai đoạn thủ tục khai mạc phiên tòa, tổ chức xét hỏi, tranh luận, đối đáp..., phân công chi tiết trách nhiệm của Kiểm sát viên THQCT và KSXX tại phiên tòa phúc thẩm với các nhiệm vụ phải tác nghiệp: Phát biểu tranh luận xử lý tố tụng, theo dõi diễn biến phiên tòa, cập nhật các tình tiết phát sinh tại phiên tòa, thứ tự xét hỏi, người phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, thứ tự tranh luận, tranh luận bổ sung...; Xây dựng đề cương xét hỏi, đề cương tranh luận và dự liệu các tình huống có thể phát sinh tại phiên tòa; (4) Tại phiên tòa, KSV đã cập nhật và tổng hợp kết quả xét hỏi, báo cáo Viện trưởng khi họp rút kinh nghiệm, căn cứ vào kết quả xét hỏi dự thảo kết luận và dự kiến các tình huống tranh luận, đối đáp. Tại giai đoạn tranh luận Kiểm sát viên được phân công đã đối đáp triệt để từng ý kiến của các bị cáo, người bào chữa và ý kiến của người có quyền, nghĩa vụ liên quan. Từ đó làm rõ bản chất vụ án, xác định một số đối tượng có dấu hiệu phải chịu trách nhiệm hình sự; kiến nghị về việc xử lý, cấm xuất cảnh đối với một số cá nhân có liên quan như Phạm Thị Trang, Hứa Thị Phấn, Hoàng Văn Toàn, …. Kết quả, quan điểm của Viện kiểm sát được Tòa án chấp nhận gần như toàn bộ, được dư luận đồng tình. Nhiều đối tượng đã bị khởi tố, điều tra, xử lý ở giai đoạn 2 như kiến nghị của Viện kiểm sát.

- Vụ án Nguyễn Minh Hùng (Vụ VN Pharma) và đồng bọn, phạm tội “Buôn lậu” xảy ra tại Công ty VN Pharma, là vụ án được dư luận đặc biệt quan tâm, bởi hậu quả của vụ án đặc biệt nghiêm trọng, hành vi của các đối tượng rất tinh vi, liên quan đến Cục Quản lý dược là cơ quan phụ trách công tác đảm bảo sức khỏe cho người dân.

Qua công tác thực hiện chức năng kiểm sát án sơ thẩm, Viện cấp cao 3 lập tổ nghiên cứu theo dõi diễn biến vụ án tại phiên tòa sơ thẩm, nhận thấy quyết định của bản án sơ thẩm chưa phản ánh đúng bản chất vụ án, có dấu hiệu bỏ lọt hành vi phạm tội và bỏ lọt người phạm tội, từ đó dẫn đến tuyên mức hình phạt đối với các bị cáo quá nhẹ, không tương xứng mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, gây dư luận bất bình trong nhân dân,Viện cấp cao 3 đã báo cáo Viện trưởng VKSNDTC nêu quan điểm giải quyết vụ án và đề xuất kháng nghị phúc thẩm yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra lại.

Đây là vụ án do Viện kiểm sát nhân dân cấp cao kháng nghị phúc thẩm, do đó để việc tranh luận, đối đáp đạt chất lượng cao, bảo vệ quan điểm kháng nghị, Viện cấp cao 3 thành lập tổ nghiên cứu án, hai KSV được phân công tham gia phiên tòa đã có những bước chuẩn bị như lập hồ sơ kiểm sát chặt chẽ, đầy đủ, chi tiết chứng cứ chứng minh hành vi của các bị cáo có dấu hiệu phạm tội “Sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh” và bỏ lọt người phạm tội, các chứng cứ được KSV lập thành hệ thống theo nhóm, như: nhóm tài liệu chứng minh các bị cáo phạm tội “Buôn lậu”, nhóm tài liệu chứng minh các bị cáo phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”, bao gồm: Hệ thống lời khai của từng bị cáo, người liên quan, nhân chứng, tài liệu giám định tư pháp, thư điện tử, lập luận bản án sơ thẩm, xét hỏi của Hội đồng xét xử (HĐXX), xét hỏi, tranh luận, đối đáp của KSV, của Luật sư đối với từng từng vấn đề, từng bị cáo, người liên quan, nhân chứng và người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa sơ thẩm; hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến việc giải quyết vụ án, dự kiến tình huống bị cáo chối tội, không thừa nhận hành vi sản xuất, mua bán hàng giả, dự kiến tình huống Luật sư, bị cáo và người tham gia tố tụng tranh luận tại tòa, lập kế hoạch xét hỏi, dự kiến tình huống và những vấn đề cần tranh luận, làm rõ kháng cáo, bảo vệ quan điểm kháng nghị.

Từ đó, Kiểm sát viên được phân công xét xử phúc thẩm đã có kế hoạch chi tiết để xây dựng kịch bản phiên tòa phúc thẩm, đề cương xét hỏi, đề cương tranh luận, dự kiến các tình huống có thể phát sinh tại phiên tòa phúc thẩm, kể cả tình huống sau khi tòa nghị án sẽ quay lại xét hỏi, để có kế hoạch tranh luận bổ sung nhằm đáp ứng toàn diện cho công tác bảo vệ kháng nghị phúc thẩm; theo nhiệm vụ được giao, từng thành viên trong Tổ làm án hoàn thành việc lập hồ sơ kiểm sát, báo cáo đường lối xét xử, Dự thảo phát biểu quan điểm giải quyết vụ án.Tổ làm án báo cáo lãnh đạo Viện, Ủy ban kiểm sát v phương pháp xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Do nội dung vụ án và nội dung kháng nghị phúc thẩm liên quan đến ngành dược, một lĩnh vực mà Kiểm sát viên chưa có hiểu biết nhiều, chưa được nghiên cứu chuyên sâu nên việc dự kiến tình huống tranh luận gặp nhiều khó khăn, với nhiều cách tiếp cận, Kiểm sát viên đã được các chuyên gia về ngành y, dược tư vấn về các thuật ngữ chuyên môn, cách thức các hoạt động của “Trình dược viên” tại các bệnh viên…Từ đó, chọn lựa các kiểu câu hỏi: Hỏi trực tiếp, hỏi gián tiếp, hỏi bắt cầu, hỏi có đối chứng tài liệu chứng cứ, vừa hỏi từng bị cáo, vừa tổng hợp nhanh nội dung trả lời từng vấn đề cụ thể phát sinh để đối chất với bị cáo có liên quan trực tiếp với câu trả lời của người đang bị hỏi trực tiếp…Đặc biệt là hỏi chuyên sâu vào ngành dược để đánh giá toàn diện các chứng cứ khác đã thu thập trong quá trình điều tra và xét xử sơ thẩm, phục vụ cho giai đoạn tranh luận. Tại phiên tòa Kiểm sát viên tích cực chủ động tham gia xét hỏi, với hơn 200 câu hỏi đã dự thảo, các câu hỏi được tổng hợp theo nhóm vấn đề và nhóm bị cáo. Do đó, tại giai đoạn tranh luận, Kiểm sát viên đã chủ động đối đáp toàn diện, đến cùng đối với từng nhóm ý kiến tranh luận của các bị cáo, người bào chữa, người tham gia tố tụng khác. Qua đó làm rõ được bản chất của vụ án, làm rõ hành vi phạm tội của các bị cáo và các dấu hiệu của việc bỏ lọt phạm, người phạm tội, những ý kiến đối đáp, tranh luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa đều được Hội đồng xét xử chấp nhận, được dư luận xã hội đồng tình. Kết quả, bản án sơ thẩm bị cấp phúc thẩm hủy để điều tra lại, sau đó vụ án đã được chuyển đổi tội danh “Buôn lậu” sang tội “Buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh” và đã xét xử sơ thẩm lần 2, hiện vụ án chuẩn bị xét xử phúc thẩm lần 2, đồng thời các sai phạm tại Cục quản lý dược cũng đã được khởi tố, điều tra xử lý theo quy định.

Ngoài việc chủ động tham gia xét hỏi làm rõ các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, khi vụ án có tình tiết mới phát sinh trong giai đoạn chuẩn bị xét xử hoặc tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử phải chủ động đề nghị Hội đồng xét xử dừng phiên tòa để xác minh đối với các tình tiết mới liên quan đến quyết định loại, mức hình phạt hoặc hành vi phạm tội của bị cáo. Điển hình như vụ Nguyễn Văn Tài phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” xảy ra tại huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Sau khi xét xử sơ thẩm, Nguyễn Văn Tài kháng cáo xin hưởng án treo, kèm theo đơn kháng cáo là một tờ bệnh án cấp cứu chẩn đoán Tài bị “suy tim nặng”. Tại phiên tòa phúc thẩm xét thấy nguồn gốc tờ bệnh án và tình trạng bệnh của Tài không rõ ràng, Kiểm sát viên đã yêu cầu Hội đồng xét xử tiến hành xác minh làm rõ tính hợp pháp của bệnh án, Kết quả bệnh viện có văn bản trả lời nội dung chẩn đoán suy tim của bị cáo Tài là chưa phù hợp và chẩn đoán này là của cá nhân bác sĩ điều trị chứ không phải của Hội đồng y khoa. Từ kết quả này tại phần tranh luận, Kiểm sát viên kết luận tài liệu là bệnh án do bị cáo Tài cung cấp là không hợp pháp, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Hoạt động tranh luận, đối đáp của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm đối với từng loại án, từng đối tượng và người tham gia tố tụng khác nhau sẽ có những phương pháp, những vấn đề cần quan tâm tập trung tranh luận, đối đáp khác nhau, như:

- Đối với các vụ án tham nhũng, kinh tế, chức vụ đối tượng phạm tội thường có kiến thức cao đối với từng ngành, từng lĩnh vực chuyên môn, hành vi phạm tội cũng tinh vi hơn các loại tội phạm khác, sau khi thực hiện hành vi phạm tội thì tìm cách xóa bỏ dấu vết, khi bị phát hiện điều tra xử lý thì luôn quanh co, chối tội. Do đó, việc xây dựng hồ sơ kiểm sát, nghiên cứu, trích cứu tài liệu, xây dựng sơ đồ án với từng nhóm chứng cứ, từng vấn đề dự kiến sẽ xét hỏi tranh luận đối đáp tại phiên tòa là hết sức quan trọng. Tiếp đến Kiểm sát viên phải nghiên cứu nắm vững các quy định của pháp luật, kiến thức chuyên ngành liên quan đến vụ án, chuẩn bị đầy đủ các văn bản quy định, từ đó vạch ra kế hoạch tranh luận, dự kiến tốt các tình huống diễn ra tại phiên tòa, chủ động lắng nghe, theo dõi, ghi chép diễn biến phiên tòa, đặt câu hỏi đúng trọng tâm vào những vấn đề dự kiến tranh luận, làm rõ các chứng cứ gỡ tội, buộc tội, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, bồi thường dân sự…, để Hội đồng xét xử nắm rõ trước khi tranh luận. Như vậy, hoạt động tranh luận của Kiểm sát viên sẽ chủ động hơn vì nhiều vấn đề đã được làm rõ tại phần xét hỏi, việc đối đáp của Kiểm sát viên từ đó cũng rõ ràng, sáng tỏ hơn, giúp Hội đồng xét xử quyết định bản án khách quan và toàn diện.

- Đối với các vụ án có kháng nghị, Kiểm sát viên cần chuẩn bị tài liệu, chứng cứ tập trung vào các vấn đề mà Quyết định kháng nghị đã nêu, tại phiên tòa chủ động xét hỏi, kết luận, tranh luận, đối đáp liên quan đến các căn cứ kháng nghị như các vi phạm tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, vi phạm sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp, bản án, quyết định bị kháng nghị có phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án hay không.

- Đối với các vụ án có kháng cáo kêu oan, Kiểm sát được phân công phải lập hồ sơ kiểm sát với đầy đủ các chứng cứ buộc tội và gỡ tội, nghiên cứu kỹ từng chứng cứ lời khai, đánh giá từng loại tài liệu, chứng cứ, phân tích đối chiếu với yếu tố cấu thành tội phạm, từ đó dự thảo các câu hỏi dự kiến để làm rõ tính khách quan và hợp pháp của từng loại chứng cứ, làm rõ hành vi của bị cáo, dự thảo kết luận đối với kháng cáo của bị cáo, xác định hành vi của bị có tội hay không. Nếu kết luận là có tội, Kiểm sát viên phải dự kiến đầy đủ các tình huống tranh luận, đối đáp, thuyết phục Hội đồng xét xử chấp nhận các chứng cứ buộc tội và bác bỏ các chứng cứ gỡ tội; ngược lại nếu xác định chưa đủ chứng cứ để Kết tội bị cáo thì Kiểm sát viên cũng cần phải tranh luận làm rõ các vi phạm tố tụng cũng như các chứng cứ gỡ tội, để Hội đồng xét xử quyết định ban hành bản án khách quan và toàn diện.

Điển hình như vụ án Nguyễn Hải Dương và đồng phạm “Giết người”,“Cướp tài sản”. Sau khi xét xử bị cáo Vũ Văn Tiến kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo Trần Đình Thoại kháng cáo không phạm tội “Giết người”, đại diện bị hại kháng cáo tăng hình phạt đối với bị cáo Thoại. Khi được phân công Kiểm sát đã nghiên cứu các quy định của pháp luật hình sự về xác định “đồng phạm”, về “tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội” và đường lối xử lý theo quy định pháp luật hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Đình Thoại khai không có vai trò đồng phạm “Giết người” với bị cáo Dương, không trực tiếp tham gia vụ án, Kiểm sát viên đã chọn lọc kết quả xét hỏi của HĐXX để xét hỏi bổ sung những vấn đề chưa được làm rõ, còn mâu thuẫn. Đến giai đoạn tranh luận Kiểm sát viên đã dùng tài liệu, chứng cứ đã được làm rõ tại phần xét hỏi kết hợp với các lý luận về đồng phạm, về lý luận tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội, để tranh luận, đối đáp bác bỏ ý kiến không phạm tội “Giết người”của bị cáo và người bào chữa nêu ra.

- Đối với các vụ án kháng cáo đề nghị tăng nặng hoặc giảm nhẹ, các kháng cáo liên quan đến bồi thường thiệt hại, khi thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử phúc thẩm Kiểm sát viên cần chuẩn bị tài liệu, văn bản pháp luật liên quan đến kháng cáo, trong đó tập trung vào các văn bản hướng dẫn, Nghị quyết về án treo, các văn bản về chuyên ngành trong dân sự nhất là văn bản hướng dẫn về bồi thường ngoài hợp đồng. Tại phiên tòa chủ động tham gia xét hỏi, cần thiết đề nghị Hội đồng xét xử tạm dừng phiên tòa để xác minh tình tiết mới do những người kháng cáo cung cấp, tập trung tranh luận và căn cứ vào các quy định của pháp luật để đối đáp lại các ý kiến của những người tham gia tố tụng, nhằm làm rõ tính có căn cứ của những vấn đề nêu ra trong đơn kháng cáo, xác định các vấn đề đó đã được cấp sơ thẩm xem xét hay chưa, xem xét như thế nào, có phù hợp với tình tiết của vụ án và đúng pháp luật hay không, từ đó kết luận kháng cáo có căn cứ hay không, để Hội đồng xét xử nắm rõ quyết định trong bản án.

# CHUYÊN ĐỀ

# GIẢI PHÁP NÂNG CAO SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG KHÁNG NGHỊ PHÚC THẨM HÌNH SỰ NGANG CẤP

## *Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh*

**I. Kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát 2 cấp TP. Hồ Chí Minh**

Chỉ thị số 08/CT-VKSTC ngày 06/4/2016 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao (viết tắt VKSNDTC) về tiếp tục tăng cường công tác kháng nghị án hình sự đã tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ trong ngành kiểm sát. Công tác kháng nghị phúc thẩm được lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quan tâm chỉ đạo nên kết quả chung đã đạt chỉ tiêu nghiệp vụ của ngành, cụ thể: Kháng nghị của Viện kiểm sát ngang cấp được chấp nhận là 46/60 vụ án (tỉ lệ 76,66%) và 83/116 bị cáo (tỉ lệ 71,55%); không được chấp nhận là 14 vụ (tỉ lệ 23,33%) và 33 bị cáo (tỉ lệ 28,45%). Số kháng nghị bị rút là 10 vụ án (tỉ lệ 9,7%) - 20 bị cáo (tỉ lệ 10,43%) và nếu tính riêng tỉ lệ rút kháng nghị của Viện kiểm sát quận, huyện là 08/39 vụ án (tỉ lệ 20,5%) - 17/68 bị cáo (tỉ lệ 20,5%). Nếu so với tỉ lệ kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát Thành phố đối với các bản án sơ thẩm của quận, huyện được Tòa án Thành phố xét xử phúc thẩm chấp nhận là 20/21 vụ án (tỉ lệ 95,2%) và 60/61 bị cáo (tỉ lệ 98,36%) thì Viện kiểm sát quận, huyện cần có giải pháp hữu hiệu hơn để nâng cao chất lượng, số lượng kháng nghị ngang cấp. Do đó, trong chuyên đề này, chúng tôi tập trung phân tích, đánh giá về chất lượng kháng nghị ngang cấp của Viện kiểm sát nhân dân quận, huyện của Thành phố Hồ Chí Minh trong năm 2019.

**1. Ưu điểm**

Kháng nghị ngang cấp được chấp nhận chủ yếu liên quan đến xử lý vật chứng, buộc hoặc không buộc bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính, áp dụng khung hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự không đúng, vi phạm Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về cho hưởng án treo…, như:

*- Vụ Nguyễn Tấn Sang, phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”:*Kháng nghị số 01 ngày 11/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình đối với bản án số 143 ngày 28/12/2018 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng trả lại cho bà Hoàng Thị Phương Nhi (chung sống như vợ chồng, chưa đăng ký kết hôn) số tiền 9.000.000 đồng, do: Khi bị bắt, Cơ quan Công an thu giữ của Sang 10.000.000 đồng. Sang khai 9.000.000 đồng là của vợ (bà Nhi) đưa cho bị cáo giữ. Lời khai của Sang phù hợp với lời khai của bà Nhi và các tài liệu khác, bà Nhi cũng có yêu cầu được nhận lại số tiền này nhưng bản án sơ thẩm xác định 10.000.000 đồng thu giữ là của bị cáo và tuyên tịch thu sung quỹ 850.000 đồng, trả lại cho bị cáo 9.150.000 đồng do không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Bản án phúc thẩm số 156/2019/HS-PT ngày 20/3/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tuyên chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, sửa bản án sơ thẩm về phần xử lý vật chứng, trả lại cho bà Hoàng Thị Phương Nhi 9.000.000 đồng, trả cho bị cáo Sang 150.000 đồng nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

*- Vụ Ngô Văn Long, Nguyễn Văn Tư, phạm tội “Đánh bạc”:*Kháng nghị số 01 ngày 10/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú đối với bản án số 78/2019/HS-ST ngày 26/6/2019 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng áp dụng thêm điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với 02 bị cáo (trường hợp phạm tội nhiều lần), giữ nguyên hình phạt nhưng không cho bị cáo hưởng án treo. Bản án phúc thẩm số 428/2019/HS-PT ngày 04/10/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tuyên chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên hình phạt 03 năm tù đối với bị cáo Long và 06 tháng tù đối với bị cáo Tư.

Không chỉ kháng nghị tăng hình phạt, việc nắm chắc hồ sơ và các quy định của pháp luật còn là cơ sở để Viện kiểm sát cấp sơ thẩm mạnh dạn kháng nghị đề nghị thay đổi điểm, khoản của điều luật để giảm hình phạt cho bị cáo khi xét thấy việc xét xử của Tòa án là không có căn cứ, như:

*- Vụ Lê Huy Khang, Danh Thúy Hà, phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”:* Vào khoảng 21 giờ 30 phút ngày 18/01/2018, Khang chở vợ là Danh Thúy Hà đến gặp đối tượng Nghĩa (chưa xác định lai lịch, đia chỉ) để nhận ma túy đi giao cho khách lấy 9.000.000 đồng, được trả tiền công 800.000 đồng. Đến khoảng 23 giờ 10 phút cùng ngày, cả hai ngồi trong quán nước chờ khách đến lấy ma túy thì bị bắt quả tang, thu giữ 50 viên nén màu xanh có tổng khối lượng 15,4803 gam ma túy tổng hợp chứa 3 chất ma túy ở thể rắn, gồm: Methamphetamine tỉ lệ 0,50%, Ketamine tỉ lệ 0,93% và chất TFMPP không xác định được hàm lượng do không có mẫu. Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 truy tố các bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Tòa án nhân dân Quận 5 xử các bị cáo theo điểm p khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự (Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm h đến điểm o khoản này), với nhận định: “03 chất ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine, TFMPP là loại ma túy không quy định phải giám định hàm lượng…” và xử phạt bị cáo Khang 08 năm tù, bị cáo Hà 07 năm tù. Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 kháng nghị đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm theo hướng áp dụng khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự, căn cứ quy định tại Điều 5 Chương II Nghị định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ hướng dẫn việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy trong trường hợp các chất ma túy không được quy định trong cùng một điểm. Bản án phúc thẩm số 182/2019/HS-PT ngày 08/4/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tuyên chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, xử phạt bị cáo Khang 06 năm tù (giảm 02 năm), bị cáo Hà 04 năm tù (giảm 03 năm) theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017…

**2. Hạn chế**

Đối với các trường hợp rút kháng nghị, đình chỉ xét xử phúc thẩm hoặc kháng nghị không được chấp nhận thường rơi vào trường hợp kháng nghị tăng hình phạt, đề nghị không cho hưởng án treo nhưng không thuộc trường hợp không cho hưởng án treo, lập luận kháng nghị nêu chung chung hoặc có một số sai sót trong việc áp dụng pháp luật nhưng không nghiêm trọng, không làm thay đổi nội dung vụ án, đường lối xét xử, quan điểm đánh giá, lẽ ra chỉ cần tổng hợp kiến nghị để Tòa án khắc phục vi phạm… Trong các trường hợp này, Viện kiểm sát cấp sơ thẩm có kháng nghị cần có sự phối hợp trao đổi với Phòng 7 để xem xét, cân nhắc việc bổ sung hoặc rút kháng nghị, tránh để xảy ra trường hợp Tòa cấp phúc thẩm mở phiên tòa và tuyên không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát, như:

*Vụ Lưu Văn Việt phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”:*Kháng nghị số 01 ngày 01/02/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 đối với bản án số 10/2019/HS-ST ngày 30/01/2019 của Tòa án nhân dân Quận 6, áp dụng khoản 1 Điều 135 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Việt 01 năm 06 tháng tù, đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm, tăng hình phạt đối với bị cáo Việt. Qua nghiên cứu bản án sơ thẩm và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Phòng 7 - Viện kiểm sát nhân dân Thành phố đã trao đổi với Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 để ban hành quyết định kháng nghị bổ sung số 03 ngày 03/4/2019 về việc Tòa án cấp sơ thẩm vừa áp dụng khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 vừa áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015 là chưa đúng quy định. Bản án phúc thẩm số 210/2019/HSST ngày 06/5/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, giữ nguyên hình phạt 01 năm 06 tháng tù đối với bị cáo, sửa bản án sơ thẩm về việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Cá biệt, có trường hợp kháng nghị về tội danh của bị cáo nhưng lại bị cấp phúc thẩm hủy án do vi phạm tố tụng, như: Vụ án Nguyễn Lâm Hải Quang (sinh ngày 02/3/2002), bị Viện kiểm sát cấp sơ thẩm truy tố về tội “Cướp tài sản”, theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo 04 năm 06 tháng đến 05 năm 06 tháng tù; Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự. Tòa án Thành phố xét xử phúc thẩm tuyên hủy án sơ thẩm do bị cáo phạm tội khi mới 16 tuổi 08 tháng 19 ngày; bị cáo có cha, mẹ và anh ruột đã thành niên nhưng Cơ quan điều tra chưa tiến hành xác minh cha, mẹ, anh ruột của bị cáo hiện đang làm gì, ở đâu, còn sống hay đã chết mà đã đưa bà Phạm Thị Sen (bà ngoại bị cáo) làm người đại diện hợp pháp cho bị cáo là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên cần phải hủy bản án để điều tra lại theo thủ tục chung.

**3. Nguyên nhân hạn chế về số lượng, chất lượng kháng nghị ngang cấp**

**3.1. Nguyên nhân khách quan**

- Một số quy định của Bộ luật Hình sự còn bất cập, quy định chưa rõ ràng, chưa thống nhất dẫn đến cách hiểu và vận dụng khác nhau về thế nào là gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, có tính chất côn đồ, chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 BLHS và phân biệt với phạm tội chưa đạt trong một số trường hợp…. trong khi khung hình phạt trong nhiều điều luật quá rộng nên kháng nghị phúc thẩm rất khó bảo vệ và được chấp nhận.

- Quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về trường hợp không cho hưởng án treo đối với “Người phạm tội nhiều lần, trừ trường hợp người phạm tội là người dưới 18 tuổi” trong một số trường hợp không phù hợp trên thực tế vì nếu phạm tội nhiều lần tại khoản 1 thì mặc dù mức án thấp hơn nhưng không được hưởng án treo, còn nếu phạm tội ở khoản 2 có mức án nặng hơn nhưng đến 03 năm thì vẫn được hưởng án treo, từ đó dẫn đến việc Tòa án áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, phạt tiền là hình phạt nhẹ hơn hình phạt tù mà nếu áp dụng hình phạt tù nhưng không cho hưởng án treo thì lại quá nghiêm khắc đối với bị cáo.

- Phát sinh tình tiết mới trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm làm căn cứ được Toà án xác định đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới để chấp nhận kháng cáo xin được giảm án hoặc xin hưởng án treo của bị cáo, không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát, như: Bị cáo hoặc gia đình, người thân của bị cáo tự khắc phục, bồi thường một phần hay toàn bộ trách nhiệm vật chất mà án sơ thẩm đã tuyên, được người bị hại hoặc đại diện hợp pháp của họ có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo...

- Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 mở rộng quyền của Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thẩm phán có nhiều quan điểm khác nhau về vụ án; việc tuyên án của Hội đồng xét xử phúc thẩm còn chênh lệch, khác với đề nghị của Viện kiểm sát tỉ lệ còn khá lớn.

**3.2.** **Nguyên nhân chủ quan**

- Chỉ tiêu xét thi đua của ngành quy định tỉ lệ kháng nghị phúc thẩm được Viện kiểm sát cấp phúc thẩm bảo vệ bằng hoặc trên 85%; Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận 70%, nên có đơn vị ngại kháng nghị nếu không được chấp nhận sẽ không đạt chỉ tiêu nên không kháng nghị.

- Công tác tổ chức quán triệt nội dung Chỉ thị số 08/CT-VKSTC ngày 06/4/2016 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao chưa được lãnh đạo một số đơn vị quan tâm quán triệt thực hiện nghiêm túc để chỉ đạo Kiểm sát viên đầu tư nghiên cứu, có trách nhiệm trong việc đánh giá đầy đủ, toàn diện vụ án, và rèn luyện kỹ năng nghiên cứu bản án, phát hiện vi phạm của bản án sơ thẩm để từng bước nâng cao chất lượng kháng nghị, tránh tình trạng nghiên cứu chưa sâu, ký tên cho có. Có đơn vị hầu như không có kháng nghị phúc thẩm trong khi Viện kiểm sát Thành phố lại phát hiện vi phạm kháng nghị và nhiều vụ bị hủy án, sửa án mà lẽ ra VKS quận, huyện phải phát hiện kháng nghị để khắc phục.

- Năng lực, trình độ của đội ngũ Kiểm sát viên chưa đồng đều, chưa nắm vững và cập nhật kịp thời các quy định của Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, các Thông tư, Hướng dẫn, Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán, quy định, Quy chế nghiệp vụ, thông báo rút kinh nghiệm của ngành và các văn bản có liên quan khác nhưng ý thức tự giác trong việc học hỏi, tham gia các lớp tập huấn trau dồi kiến thức nghiệp vụ còn hạn chế, làm theo lối mòn nên không phát hiện vi phạm hoặc có trường hợp tuy phát hiện được vi phạm, sai sót nhưng không đánh giá đúng mức vấn đề nào cần kháng nghị, vấn đề nào chỉ kiến nghị với Tòa án dẫn đến không kháng nghị hoặc kháng nghị không được chấp nhận.

**II. Giải pháp nâng cao số lượng, chất lượng kháng nghị ngang cấp**

**1. Các giải pháp tổng thể**

**-** Lãnh đạo các đơn vị xác định nhiệm vụ trọng tâm “Nâng cao chất lượng công tác kháng nghị phúc thẩm” là khâu công tác đột phá trong Kế hoạch công tác kiểm sát hàng năm. Viện kiểm sát đề ra chỉ tiêu cụ thể về kháng nghị phúc thẩm để phấn đấu thực hiện, đồng thời chỉ đạo tăng cường các biện pháp, kỹ năng về công tác kiểm sát bản án, quyết định của Toà án, nhằm kịp thời phát hiện vi phạm để xem xét, quyết định kháng nghị.

**-** Tiếp tục quán triệt, thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 08/CT-VKSTC ngày 06/4/2016 về tiếp tục tăng cường công tác kháng nghị án hình sự để nhận thức đầy đủ ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác kháng nghị phúc thẩm án hình sự. Để thực hiện tốt công tác kháng nghị phúc thẩm cần phải thường xuyên tổ chức cho KSV làm công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự nghiên cứu, quán triệt đầy đủ các quy định của pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn này của Viện kiểm sát. Lãnh đạo thường xuyên quan tâm, chỉ đạo công tác kháng nghị phúc thẩm, xem đây là một trong những trọng tâm của công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp. Trong kế hoạch, chương trình công tác của đơn vị cần đề ra giải pháp cụ thể để thực hiện được.

**-** Đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động xây dựng đội ngũ cán bộ, Kiểm sát viên “Vững về chính trị, giỏi về nghiệp vụ, tinh thông về pháp luật, công tâm và bản lĩnh, kỷ cương và trách nhiệm” một cách thiết thực, hiệu quả, gắn với việc “Học tập và làm theo tư tương, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của ngành Kiểm sát.

**2. Các giải pháp cụ thể**

**-** Viện kiểm sát cấp trên và lãnh đạo các đơn vị chú trọng hơn nữa đến công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, trình độ nhận thức, kiến thức pháp luật của Kiểm sát viên thông qua việc triển khai kịp thời, đầy đủ các văn bản, quy định, hướng dẫn mới liên quan đến nghiệp vụ và thường xuyên tổng hợp các vi phạm, thiếu sót của cấp sơ thẩm để ban hành thông báo rút kinh nghiệm nhằm giúp cán bộ, Kiểm sát viên nắm bắt, rút kinh nghiệm nhanh nhất đối với các tình huống, các vi phạm xảy ra để làm tốt chức năng kiểm sát xét xử cũng như kiểm sát bản án.

**-** Tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện với Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh trong công tác kháng nghị và bảo vệ kháng nghị. Đối với những vụ án phức tạp, có quan điểm khác nhau về đánh giá chứng cứ, đường lối xử lý, vụ án có dư luận xã hội quan tâm… mà Viện kiểm sát quận, huyện có khó khăn trong việc đánh giá tính chất vi phạm của Toà án trong việc xét xử thì cần lưu ý đến yêu cầu chính trị tại địa phương, đồng thời, có tham khảo Viện kiểm sát cấp trên trước khi kháng nghị.

- Con người là yếu tố quan trọng cơ bản, không ai có thể thay cán bộ, Kiểm sát viên trong việc nắm vững và cập nhật kịp thời các quy định của Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, các Thông tư, Hướng dẫn, Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán, quy định, Quy chế nghiệp vụ, thông báo rút kinh nghiệm của ngành và các văn bản có liên quan khác. Chủ động nâng cao kiến thức của chính mình qua việc tự giác học hỏi, rèn luyện, rút kinh nghiệm từ các sai sót để nâng cao kỹ năng thực hành quyền công tố kiểm sát xét xử, kỹ năng nhận dạng các vi phạm khi kiểm sát bản án, kỹ năng xây dựng kháng nghị phúc thẩm, ý thức trách nhiệm với công việc… Tránh tư tưởng thỏa hiệp, tâm lý an phận, ngại va chạm, bỏ qua các vi phạm của Toà án hoặc đùn đẩy trách nhiệm cho Viện kiểm sát cấp trên dẫn đến không làm tròn chức trách, nhiệm vụ được giao.

- Viện trưởng, Phó Viện trưởng phụ trách án hình sự của Viện kiểm sát cấp huyện phải chịu trách nhiệm cùng Kiểm sát viên nêu vụ án bị Viện kiểm sát cấp trên kháng nghị hoặc bị cáo kháng cáo mà vụ án đó bị hủy, sửa thì phải làm kiểm điểm, báo cáo Viện kiểm sát cấp tỉnh để không chỉ tính điểm của đơn vị mà còn xét thi đua hàng năm của cá nhân lãnh đạo đơn vị.

**-** Kháng nghị phúc thẩm phải được xem là tiêu chí quan trọng, thực chất để đánh giá thi đua cuối năm của các đơn vị và năng lực chuyên môn của từng cá nhân. Qua đó có thể biểu dương, khen thưởng những cá nhân điển hình xuất sắc trong công tác kháng nghị phúc thẩm, tạo động lực và bước đột phá trong công tác này để khuyến khích các cá nhân khác học tập và làm theo. Đồng thời, lãnh đạo đơn vị có sự nhận xét, đánh giá, phê bình những cá nhân thiếu trách nhiệm, có vi phạm nhưng không phát hiện hoặc phát hiện không kịp thời để kháng nghị để công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử hình sự nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về cải cách tư pháp.

**3. Kiến nghị**

- Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao thống nhất hướng dẫn về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn” tại điểm h khoản 1 Điều 51 BLHS.

- Đề nghị xem lại quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về trường hợp không cho hưởng án treo đối với “Người phạm tội nhiều lần, trừ trường hợp người phạm tội là người dưới 18 tuổi”

- Liên ngành Trung ương phối hợp Tòa án nhân dân tối cao trong việc ban hành Nghị quyết hướng dẫn các trường hợp bị cáo có đủ điều kiện hoặc không được xem xét áp dụng hình phạt Cải tạo không giam giữ, Phạt tiền để tránh tình trạng áp dụng tùy tiện khi không đủ điều kiện hưởng án treo như hiện nay.

# CHUYÊN ĐỀ

# GIẢI PHÁP NÂNG CAO SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG KHÁNG NGHỊ PHÚC THẨM TRÊN MỘT CẤP

## *Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng*

**1. Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác kháng nghị phúc thẩm vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng**

***1.1. Giải pháp hoàn thiện các quy định của pháp luật liên quan đến công tác kháng nghị phúc thẩm hình sự***

*1.1.1. Hoàn thiện pháp luật hình sự, tố tụng hình sự:*

- Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành BLHS 2015 (sửa đổi,bổ sung năm 2017) quy định về việc giao TAND tối cao thông qua tổng kết công tác việc áp dụng pháp luật, giám đốc việc xét xử bảo đảm áp dụng thống nhất pháp luật trong xét xử các quy định về *“gây hậu quả nghiêm trọng”*, *“gây hậu quả rất nghiêm trọng”*, *“gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng”*, “*số lượng lớn”*, *“số lượng rất lớn”*, *“số lượng đặc biệt lớn”*, *“giá trị lớn”*, *“giá trị rất lớn”*, *“giá trị đặc biệt lớn”* khi cần thiết, hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật trong xét xử các điều, khoản, điểm khác trong BLHS 2015. Tuy nhiên, đến nay TAND tối cao vẫn chưa ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật ảnh hưởng đến hoạt động áp dụng pháp luật của các cơ quan tư pháp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, trong đó có nhiều kháng nghị của VKSND trong một số lĩnh vực không được Tòa án chấp nhận, nguyên nhân do còn khác nhau về việc đánh giá, quan điểm giải quyết giữa hai cơ quan, trong khi đó không có hướng dẫn của ngành cấp trên.

 - Bộ luật Hình sự năm 2015, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã đưa vào thi hành hơn 03 năm nhưng đến nay một số văn bản hướng dẫn áp dụng vẫn chậm sửa đổi theo quy định mới mà vẫn áp dụng các văn bản hướng dẫn đối với các quy định pháp luật cũ như vậy là không phù hợp, điển hình như: Nghị quyết số 04/2004/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ ba "xét xử sơ thẩm" của BLTTHS năm 2003, Nghị quyết số 05/2005/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ tư "xét xử phúc thẩm" của BLTTHS…

Cần tiếp tục nghiên cứu sửa đổi BLHS theo hướng thu hẹp khoảng cách giữa mức thấp nhất và mức cao nhất trong một khung hình phạt để tránh tình trạng tùy tiện khi xét xử; Hướng dẫn cụ thể việc áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, các tình tiết định khung như:*“gây hậu quả nghiêm trọng”, “hậu quả rất nghiêm trọng”, “hậu quả đặc biệt nghiêm trọng”* có trong các điều luật để làm cơ sở cho việc xem xét kháng nghị phúc thẩm. Cần ghi nhận nguyên tắc trong các trường hợp qui định của pháp luật còn có vướng mắc mà chưa có hướng dẫn thì việc nhận thức và áp dụng pháp luật phải theo hướng có lợi cho bị can, bị cáo.

- Liên ngành tư pháp cần tiếp tục ban hành các văn bản hướng dẫn liên quan đến công tác kháng nghị phúc thẩm hình sự, như: Quy định rõ các căn cứ và những yêu cầu đối với một bản kháng nghị; trình tự, thủ tục, thẩm quyền, hậu quả pháp lý khi VKS rút một phần hay toàn bộ kháng nghị. Sửa đổi Điều 337 BLTTHS 2015 theo hướng thời hạn kháng nghị của VKS cấp trên trực tiếp là 30 ngày kể từ ngày Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp nhận được bản án, quyết định sơ thẩm để VKS có thời gian kiểm tra, nghiên cứu phát hiện vi phạm kháng nghị phúc thẩm…

*1.1.2. Hoàn thiện các văn bản pháp luật khác*

- Luật Tổ chức VKSND cần hoàn thiện các quy định về VKSND cấp cao theo hướng quy định rõ vị trí, vai trò, nguyên tắc tổ chức và hoạt động, chức năng, nhiệm vụ, phạm vi nội dung, phương thức thực hiện chức năng, tổ chức bộ máy; KSV...

- Ngoài việc hoàn thiện bộ luật, các luật nêu trên cần hoàn thiện hệ thống các văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật như các Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao, các Thông tư liên tịch...đồng thời hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa công tác THQCT và KSXX vụ án hình sự với các công tác khác trong ngành kiểm sát như công tác THQCT và KSĐT...

- Cần kịp thời nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Quy chế 26/QĐ-VKSTC-VC ngày 20/11/2015 của Viện trưởng VKSND tối cao về tổ chức và hoạt động của VKSND cấp cao, nhất là vấn đề chưa phát huy hết vai trò của một số chức danh tư pháp, chức danh quản lý trong quá trình giải quyết án phúc thẩm của VKSND cấp cao, như: Phó Viện trưởng VKSND cấp cao và một số chức danh quản lý cấp Viện nghiệp vụ, Phòng nghiệp vụ để tăng cường chất lượng giải quyết án.

***1.2. Giải pháp về công tác cán bộ***

Để làm tốt công tác kháng nghị phúc thẩm hình sự, ngoài tinh thần trách nhiệm trong công việc đòi hỏi KSV phải có kiến thức sâu rộng về luật hình sự, tố tụng hình sự và các ngành luật có liên quan trực tiếp. Để có được đội ngũ cán bộ đáp ứng được yêu cầu trên cần nâng cao chất lượng của các cơ sở đào tạo trong ngành, chương trình đào tạo phải gắn với thực tiễn công tác kiểm sát. Bố trí những KSV có năng lực làm công tác kiểm sát xét xử để đảm bảo tất cả các vi phạm trong bản án sơ thẩm đều được phát hiện và kháng nghị, kiến nghị theo đúng quy định của pháp luật và Quy chế công tác của ngành kiểm sát.

- Chú trọng công tác đánh giá, bố trí, bổ nhiệm cán bộ, KSV có đủ phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao: Việc đánh giá, sử dụng cán bộ phù hợp ở từng khâu công tác có tác động lớn đến hiệu quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của VKS, do vậy để góp phần nâng cao hiệu quả công tác kháng nghị thì cần phải có sự đánh giá, sử dụng cán bộ phù hợp, đúng năng lực, sở trường của từng người. Khi đánh giá cán bộ, KSV cần phải căn cứ vào hệ thống tiêu chuẩn chức danh, hiệu quả hoạt động chuyên môn nghiệp vụ, khả năng nghiên cứu, nắm bắt, đề xuất, xử lý các tình huống trong thực tiễn và ý thức, trách nhiệm của cán bộ, KSV trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

Việc đánh giá cán bộ, KSV cần phải lấy trách nhiệm, số lượng và chất lượng, hiệu quả hoạt động chuyên môn, ý thức kỷ luật nghiệp vụ làm thước đo chủ yếu. Cần cương quyết thực hiện việc điều chuyển cán bộ khi không đáp ứng được yêu cầu hoặc không tái bổ nhiệm KSV và chức vụ lãnh đạo khi để xảy ra tình trạng Tòa án xét xử phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm hủy án để điều tra, xét xử lại hoặc giải quyết lại. Trên cơ sở đánh giá cán bộ, cần ưu tiên sắp xếp, bố trí cán bộ, KSV có trình độ, năng lực chuyên môn và khả năng phù hợp làm nhiệm vụ.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng với nhiều hình thức thiết thực như bồi dưỡng chuyên sâu về kỹ năng xây dựng cáo trạng, luận tội, kiểm sát bản án,tranh tụng …; làm tốt công tác tổng kết thực tiễn để rút ra những kinh nghiệm tốt và phổ biến nhân rộng trong toàn ngành. Nâng cao chất lượng của các cuộc hội thảo, hội nghị tập huấn về công tác kháng nghị phúc thẩm nhằm kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc nảy sinh từ thực tiễn công tác.

- Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng tổ chức phiên tòa rút kinh nghiệm. Ngoài ra, có thể tự đào tạo tại chỗ thông qua việc tăng cường trao đổi kinh nghiệm giữa các địa phương, đơn vị; giữa các KSV có kinh nghiệm với các KSV trẻ để các KSV mới được bổ nhiệm tích lũy kinh nghiệm và rèn luyện kỹ năng tranh luận, xử lý tình huống phát sinh tại phiên tòa nhằm nâng cao chất lượng THQCT, KSXX. Cần xác định việc tự đào tạo là trách nhiệm và là yêu cầu bắt buộc trong công tác quản lý, điều hành của Lãnh đạo Viện kiểm sát các cấp.

***1.3. Giải pháp về quản lý, chỉ đạo, điều hành, phối hợp, tổng kết thực tiễn***

- Để nâng cao chất lượng công tác kháng nghị nhằm thực hiện tốt chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử cần phải quán triệt triển khai thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật, Nghị quyết của Quốc hội và Chỉ thị của Viện trưởng VKSND tối cao về công tác kháng nghị nhằm nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm của cán bộ, KSV trong thực hiện nhiệm vụ này, nhất là việc nhận thức những quy định mới trong các đạo luật tư pháp mới ban hành. Các đơn vị phải chủ động xây dựng kế hoạch triển khai, thực hiện các Chỉ thị của Viện trưởng VKSND tối cao về nâng cao chất lượng công tác kháng nghị phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, điều kiện thực tế của đơn vị mình, bảo đảm tính hiệu quả, khả thi, tránh hiện tượng việc triển khai thực hiện mang tính hình thức, đồng thời phải chú trọng thực hiện nghiêm túc việc đánh giá, rút kinh nghiệm về công tác triển khai thực hiện, cũng như hiệu quả quá trình thực hiện, để kịp thời sửa đổi, bổ sung kế hoạch cho phù hợp, đảm bảo mang lại hiệu quả của công tác này.

- Vai trò, trách nhiệm quản lý, chỉ đạo, điều hành hoạt động nghiệp vụ của Lãnh đạo VKS các cấp có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng, hiệu quả công tác kháng nghị phúc thẩm. Do vậy, việc tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành là một trong những giải pháp quan trọng để nâng cao hiệu quả công tác kháng nghị phúc thẩm của mỗi đơn vị. Trước hết, lãnh đạo Viện cấp cao 2 và các VKS cấp tỉnh trong khu vực cần tích cực chỉ đạo công tác kiểm sát chặt chẽ bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án, tình hình gửi án văn của Tòa án cùng cấp, nếu phát hiện thấy việc gửi bản án không đầy đủ, không đúng thời hạn phải kiên quyết chỉ đạo kiến nghị yêu cầu khắc phục, khi đã thực hiện kiến nghị nhiều lần mà Tòa án cùng cấp vẫn vi phạm thì tổng hợp kiến nghị yêu cầu Tòa án cấp trên chỉ đạo khắc phục hoặc phối hợp với Viện cấp cao 2 để tổng hợp vi phạm của các Tòa án trong khu vực báo cáo VKSND tối cao để kiến nghị TAND tối cao chỉ đạo khắc phục kịp thời, đồng thời nêu rõ những khó khăn, vướng mắc trong lĩnh vực này để các cơ quan Trung ương tháo gỡ hoặc kiến nghị Quốc hội giải quyết. Lãnh đạo VKS cấp tỉnh cần chỉ đạo khắc phục ngay tình trạng chậm trễ trong việc sao gửi bản án sơ thẩm cho Viện cấp cao 2, thực hiện nghiêm túc hoạt động kiểm sát, lập phiếu kiểm sát bản án, các phiếu kiểm sát bản án của KSV đều phải có bút tích thể hiện quan điểm cụ thể của lãnh đạo Viện phụ trách khối. Khi xác định có vi phạm nghiêm trọng trong quá trình giải quyết vụ án đến mức cần kháng nghị thì phải kiên quyết ban hành kháng nghị, không vì tư tưởng nể nang, giữ gìn mối quan hệ mà không kháng nghị làm ảnh hưởng đến hiệu quả công tác này.

Nghị quyết của Quốc hội, cũng như các Chỉ thị của Viện trưởng VKSND tối cao đặt ra chỉ tiêu về chất lượng kháng nghị, nên lãnh đạo VKS cần phải tăng cường chỉ đạo thực hiện đạt chỉ tiêu này, không vì số lượng kháng nghị mà bỏ qua tiêu chí về chất lượng kháng nghị như chỉ đạo của Viện trưởng VKSND tối cao. Công tác kháng nghị cần phải được chỉ đạo kịp thời, sâu sát, toàn diện, cụ thể, nhằm đảm bảo kháng nghị khi ban hành phải có căn cứ vững chắc, điều này đặt ra yêu cầu đối với Lãnh đạo đơn vị là phải hết sức nghiêm túc trong hoạt động duyệt báo cáo đề xuất của KSV: phải trực tiếp đọc báo cáo đề xuất, nghe KSV được phân công giải quyết báo cáo về vụ án, vụ việc các vi phạm của bản án, quyết định đối với những vụ án khó, phức tạp; KSV báo cáo chưa rõ ràng về căn cứ để quyết định việc kháng nghị thì lãnh đạo đơn vị phải trực tiếp nghiên cứu hồ sơ trước khi quyết định, khi thấy cần thiết phải trao đổi, xin ý kiến của Ủy ban kiểm sát, VKS cấp trên về việc kháng nghị. Đối với các trường hợp mà pháp luật chưa rõ ràng, cụ thể hoặc mâu thuẫn nhau, những vi phạm mà trước đây đơn vị hoặc các đơn vị khác đã kháng nghị nhưng Tòa án không chấp nhận thì không kháng nghị. Kết quả duyệt báo cáo đề xuất kháng nghị, lãnh đạo đơn vị phải có bút phê thể hiện cụ thể quan điểm chỉ đạo, nếu đồng ý kháng nghị phải xác định cụ thể từng vi phạm sẽ kháng nghị trong số các vi phạm KSV đề xuất, hướng kháng nghị cụ thể đối với bản án, khi hình thức kháng nghị đảm bảo đúng mẫu quy định, kháng nghị xác định rõ mức độ vi phạm của bản án, viện dẫn đầy đủ, đúng căn cứ pháp lý chứng minh thì mới ký ban hành.

Trong công tác bảo vệ kháng nghị phúc thẩm, lãnh đạo Viện cấp cao 2 cần chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, kịp thời các hoạt động xác minh trong giai đoạn phúc thẩm vụ án để có thể bảo vệ một cách tốt nhất kháng nghị phúc thẩm của VKS. Khi kháng nghị phúc thẩm có căn cứ thì phải chỉ đạo kiên quyết bảo vệ đến cùng, ngược lại đối với những kháng nghị chưa đầy đủ, không có căn cứ vững chắc hoặc kháng nghị có sai lầm nghiêm trọng thì lãnh đạo càng kiên quyết hơn chỉ đạo thực hiện sửa đổi, bổ sung kháng nghị, rút kháng nghị, thậm chí có thể ban hành kháng nghị phúc thẩm mới để khắc phục vi phạm kháng nghị.

Bên cạnh đó, kết quả kháng nghị phần nào cũng phụ thuộc vào khả năng bảo vệ của KSV tại phiên tòa nên lãnh đạo Viện cấp cao 2 cần chú trọng lựa chọn những KSV có năng lực để phân công THQCT và KSXX vụ án có kháng nghị, đồng thời để khắc phục những hạn chế trong việc phân công bảo vệ kháng nghị thời gian qua thì đối với các vụ án có kháng nghị mà tính chất vụ án phức tạp, đông bị cáo, án dầy, Tòa tuyên bị cáo không phạm tội…cần phân công theo hướng thông khâu xuyên suốt trong quá trình giải quyết vụ án cho một hoặc hai KSV từ giai đoạn thụ lý vụ án đến giai đoạn bảo vệ kháng nghị, chỉ được phân công lại vụ án cho KSV khác giải quyết khi KSV ban đầu không thể thực hiện được nhiệm vụ. Lãnh đạo đơn vị phải kiểm tra chặt chẽ các hoạt động chuẩn bị của KSV được phân công thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm các vụ án có kháng nghị.

- Tăng cường kiểm tra chéo giữa các Viện nghiệp vụ và kiểm tra chéo giữa các phòng nghiệp vụ thuộc Viện nghiệp vụ đó; tăng cường công tác thanh tra kiểm tra nội vụ do Phòng tổ chức thanh tra tiến hành. Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo tại đơn vị, đề xuất VKSNDTC tiếp tục luân chuyển, biệt phái cán bộ về thực tiễn tại cấp cơ sở để lấy kinh nghiệm. Tăng cường công tác tổng kết thực tiễn, công tác thông báo rút kinh nghiệm, công tác thông tin tuyên truyền trên cổng thông tin điện tử. Có biện pháp nâng đỡ những nhân tố tích cực, làm nòng cốt cán bộ cho quy hoạch Lãnh đạo trong tương lai, đặc biệt là những cán bộ trẻ nhưng có kỹ năng nghiên cứu, phán đoán, xử lý tình huống tốt, tham mưu được nhiều kháng nghị chính xác, được Tòa án chấp nhận.

-Tăng cường phối hợp giữa Viện cấp cao 2 với VK cấp tỉnh trong khu vực đối với án có kháng nghị hoặc báo cáo đề nghị kháng nghị, đặc biệt là những vụ án mà quan điểm giữa các cơ quan tiến hành tố tụng khác nhau có ý nghĩa quan trọng, do vậy VKS cấp tỉnh phải thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu trong hoạt động trao đổi, xin ý kiến thỉnh thị VKS cấp trên, đảm bảo nguyên tắc tập trung thống nhất trong Ngành về việc kháng nghị các vụ án lớn, phức tạp, đồng thời phải xây dựng được cơ chế để quản lý chặt chẽ tình hình án hủy, sửa của đơn vị, cũng như kết quả giải quyết kháng nghị phúc thẩm mà đơn vị đã ban hành, theo đó cơ chế này phải được giao cụ thể cho Phòng nghiệp vụ thực hiện, định kỳ hàng tháng Phòng nghiệp vụ được giao nhiệm vụ phải có trách nhiệm báo cáo kết quả với lãnh đạo Viện. Để thực hiện tốt yêu cầu này thì bên cạnh công tác chỉ đạo thì lãnh đạo VKS cấp tỉnh cần chủ động liên hệ với lãnh đạo Viện cấp cao 2 tạo điều kiện thuận lợi cho các Phòng nghiệp vụ thực hiện, đồng thời chuẩn bị đầy đủ các tài liệu trong hồ sơ vụ án ngay sau khi kết thúc phiên tòa xét xử sơ thẩm để khi có yêu cầu chuyển hồ sơ kiểm sát phải chuyển ngay, không để xảy ra trường hợp kéo dài thời gian chuyển hồ sơ, đồng thời khi báo cáo đề nghị Viện cấp cao 2 xem xét kháng nghị phúc thẩm bản án sơ thẩm phải đảm bảo đúng quy định, còn thời hạn kháng nghị trên cấp và phải gửi kèm hồ sơ kiểm sát để có căn cứ đánh giá nội dung báo cáo.

- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao và các VKSND cấp tỉnh trong khu vực phải tăng cường hơn nữa vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của người đứng đầu trong việc thực hiện công tác kháng nghị phúc thẩm hình sự, mỗi đơn vị cần phải có chương trình cụ thể với những chỉ tiêu cụ thể, chú trọng việc kiểm tra thực hiện các công việc đã được nêu rõ trong Chỉ thị của Viện trưởng VKSND tối cao…

- Cần xây dựng quy chế về mối quan hệ giữa VKSND tối cao - VKSND cấp cao - VKSND cấp tỉnh trong hoạt động nghiệp vụ để phân định rạch ròi chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cơ quan, tránh sự trùng lắp, nhất là trong chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ, quy định rõ trường hợp nào VKSND cấp tỉnh thỉnh thị lên VKSND cấp cao, trường hợp nào VKSND cấp tỉnh thỉnh thị lên VKSND tối cao; phân định các trường hợp VKSND tối cao, VKSND cấp cao kiểm tra hoạt động của VKSND cấp tỉnh. Đồng thời tăng cường trách nhiệm của VKSND cấp dưới trong việc phát hiện, báo cáo những vi phạm của Tòa án đối với những bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật để xử lý kịp thời. Phân định rõ nội dung, phạm vi của công tác chỉ đạo, quản lý hoạt động nghiệp vụ của các đơn vị nghiệp vụ VKS cấp trên với VKS cấp dưới, đặc biệt là giữa các Vụ nghiệp vụ VKSND tối cao và VKSND cấp cao với VKS địa phương nhằm đảm bảo không trùng lắp, vừa khắc phục sự ỷ lại cấp trên, vừa nâng cao trách nhiệm từng cấp kiểm sát.

***1.4. Nâng cao trình độ năng lực, trách nhiệm nghề nghiệp của cán bộ, Kiểm sát viên, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị***

Nhận thức đúng về công tác kháng nghị là định hướng quan trọng để cán bộ, KSV xác định rõ quyền hạn, làm hết trách nhiệm trong thực hiện công tác, đặc biệt là trong vai trò quản lý, chỉ đạo điều hành của lãnh đạo VKS các cấp.

Bên cạnh nhận thức thì việc xác định rõ trách nhiệm của cá nhân, tập thể là một yếu tố cũng không kém phần quan trọng để nâng cao hiệu quả công tác kháng nghị, phải xác định rõ trách nhiệm, quy định rõ về hình thức xử lý đối với từng cá nhân, tập thể trong công tác này, tránh trường hợp chỉ kiểm điểm trước tập thể, không xét thi đua mang tính hình thức như thời gian qua. Hàng năm phải tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm công tác kháng nghị, xác định rõ trách nhiệm thuộc về cá nhân, tập thể, hình thức xử lý cụ thể và kết quả tổng kết đánh giá phải được Phòng Tổ chức cán bộ thống kê, theo dõi xác định đây là một trong những tiêu chí quan trọng đánh giá về năng lực chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, KSV khi lựa chọn đề nghị, xem xét bổ nhiệm, bổ nhiệm lại chức danh pháp lý, chức vụ Lãnh đạo đơn vị và trong việc xem xét, đề nghị khen thưởng đối với tập thể. Một khi đơn vị không thực hiện tốt công tác kháng nghị thì trách nhiệm trước hết phải là trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị, kế đến là trách nhiệm của cấp phó đơn vị được giao nhiệm vụ phụ trách khâu công tác.

KSV phải tích cực nghiên cứu, học tập để nắm vững các quy định của pháp luật, nhất là pháp luật về hình sự, về tố tụng hình sự, các luật có liên quan, các văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật; nắm vững các quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước về đấu tranh phòng chống tội phạm; thường xuyên rèn luyện các kỹ năng nghiệp vụ về THQCT, KSXX vụ án hình sự như kỹ năng kiểm sát bản án sơ thẩm; kỹ năng xét hỏi, trình bày bài phát biểu quan điểm; kỹ năng diễn đạt, đối đáp trôi chảy, khả năng phản xạ linh hoạt trước các vấn đề mới phát sinh tại phiên tòa.v.v…

Trong giai đoạn THQCT, KSXX phúc thẩm, nếu nhận thấy quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm có vi phạm, thiếu sót, nhưng những vi phạm, thiếu sót này có thể bổ sung được thì cấp phúc thẩm cần thực hiện việc xác minh hoặc yêu cầu VKS địa phương tiến hành xác minh bổ sung để tiếp tục giải quyết vụ án mà không cần phải hủy án để điều tra lại; hay đối với những vụ án mà cấp sơ thẩm có vi phạm, thiếu sót, nhưng những vi phạm, thiếu sót này cho dù có hủy án sơ thẩm để tiến hành điều tra lại thì cũng không thể điều tra, bổ sung được, đồng thời trong vụ án đã đủ chứng cứ xác định tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo và giải quyết các vấn đề khác có liên quan thì cấp phúc thẩm không hủy án để điều tra, xét xử lại, vì nếu hủy án thì cũng không thể điều tra, bổ sung được, mà sẽ làm kéo dài thời gian gian giải quyết. Chẳng hạn đối với vụ án xảy ra đã lâu, không còn căn cứ xác định hiện trường ban đầu thì việc hủy án để xác định hiện trường là không thể thực hiện được.

***1.5. Giải pháp về nghiệp vụ***

Thực hiện đúng, đầy đủ yêu cầu nghiệp vụ là một trong giải pháp quan trọng để góp phần nâng cao hiệu quả công tác kiểm sát nói chung và công tác kháng nghị của VKS các cấp nói riêng. Để phục vụ tốt cho công tác kháng nghị KSV cấp sơ thẩm phải chủ động thực hiện đầy đủ các yêu cầu nghiệp vụ ngay từ khi thụ lý kiểm sát giải quyết vụ án, vụ việc; xây dựng bảng tổng hợp nội dung vụ án, có bản trích cứu chứng cứ, báo cáo án, xây dựng đề cương xét hỏi, xây dựng kế hoạch xét hỏi dự kiến những nội dung có thể phát sinh tại phiên tòa. Tại phiên tòa sơ thẩm, KSV phải kiểm sát chặt chẽ việc chấp hành luật tố tụng của Hội đồng xét xử và của những người tham tố tụng, ghi chép đầy đủ nội dung diễn biến tại phiên tòa nhằm đảm bảo đầy đủ thông tin để xem xét, đánh giá về kết quả giải quyết của Hội đồng xét xử sơ thẩm, cũng như đảm bảo cho lãnh đạo đơn vị nghiên cứu quyết định việc kháng nghị hoặc không kháng nghị đối với bản án. Sau phiên tòa sơ thẩm, KSV tham gia xét xử phải theo dõi, đôn đốc Tòa án cùng cấp gửi bản án sơ thẩm cho VKS, khi nhận được bản án sơ thẩm phải thực hiện hoạt động kiểm sát, báo cáo Lãnh đạo và sao gửi ngay bản án đã được lãnh đạo đơn vị duyệt cho VKS cấp trên trực tiếp.

Đối với KSV cấp phúc thẩm, khi nhận được bản án sơ thẩm của VKS cấp dưới phải thực hiện hoạt động kiểm sát ngay, nghiên cứu thời hạn kháng nghị phúc thẩm của đơn vị, lập phiếu kiểm sát đầy đủ, thể hiện rõ quan điểm đối với bản án, báo cáo kịp thời cho lãnh đạo Phòng, lãnh đạo Viện khi phát hiện vi phạm của bản án, nếu lãnh đạo đơn vị thống nhất ban hành kháng nghị phúc thẩm thì KSV phải chủ động liên hệ rút ngay hồ sơ kiểm sát của những địa phương gần đơn vị để nghiên cứu toàn diện vụ án. Trong hoạt động bảo vệ kháng nghị của VKS cấp dưới, khi nghiên cứu hồ sơ vụ án nếu thấy còn những vấn đề chưa rõ, có thể tiến hành xác minh được trong giai đoạn phúc thẩm thì KSV phải báo cáo ngay lãnh đạo đơn vị xin ý kiến chỉ đạo, xây dựng kế hoạch xác minh, tiến hành xác minh hoặc phối hợp với VKS địa phương yêu cầu điều tra xác minh bổ sung đảm bảo căn cứ cho việc bảo vệ kháng nghị. Trước khi tham gia phiên tòa, KSV phải báo cáo đầy đủ về kết quả nghiên cứu, đề xuất hướng giải quyết vụ án để Lãnh đạo Viện kịp thời chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và về đường lối giải quyết vụ án, chuẩn bị dự thảo đề cương xét hỏi, nội dung tranh luận, dự thảo nội dung phát biểu tại phiên tòa, đặc biệt KSV cần phải dự liệu các tình huống có thể phát sinh để chủ động trong xử lý. Tại phiên tòa, KSV phải ghi chép đầy đủ diễn biến phiên tòa, thực hiện tốt việc xét hỏi, tranh luận làm rõ căn cứ của kháng nghị, phải hết sức nhạy bén, bản lĩnh, linh hoạt trong việc đánh giá, xử lý tình huống tại phiên tòa để kịp thời bổ sung hoặc thay đổi nội dung kháng nghị khi cần thiết, nội dung phát biểu ngắn gọn, cụ thể, rõ ràng, nhưng phải đảm bảo có sự chứng minh, phân tích, lập luận chặt chẽ làm toát lên được vi phạm, có điểm nhấn để thuyết phục Hội đồng xét xử. Sau phiên tòa phúc thẩm KSV phải báo cáo ngay lãnh đạo Viện cấp cao 2 để có hướng xử lý tiếp theo đối với vụ án.

**2. Một số kiến nghị**

- Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội cần tăng cường thực hiện hoạt động giải thích pháp luật, nhất là việc giải thích những quy định của các đạo luật tư pháp mới ban hành tạo sự thống nhất trong việc hiểu các quy định của pháp luật. Đồng thời, các cơ quan liên ngành tố tụng trung ương phối hợp chặt chẽ kịp thời ban hành, bổ sung các quy định về việc phối hợp trong thực hiện trình tự, thủ tục tố tụng đảm bảo tính thống nhất và hiệu quả của công tác giải quyết các vụ án.

Thẩm quyền hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật trong xét xử phải được thực hiện đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, theo đó chỉ có Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao mới có quyền ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật trong xét xử, tuyệt đối không được ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật đơn ngành tùy tiện không đúng thẩm quyền như trong thời gian qua.

- VKSND tối cao và TAND tối cao sớm ban hành Quy chế phối hợp liên ngành trong công tác giải quyết án hình sự hoặc ban hành Thông tư liên ngành hướng dẫn VKS và Toà án cấp dưới thống nhất thực hiện; có hình thức xử lý đối với việc Tòa án sơ thẩm không gửi Bản án cho VKS cấp trên trực tiếp theo quy định tại Điều 262 BLTTHS 2015.

- Cần thiết phải sửa đổi hệ thống chỉ tiêu nghiệp vụ liên quan đến công tác kháng nghị của VKSND cấp cao cho phù hợp với thực tiễn. Việc tính chỉ tiêu chấp nhận kháng nghị theo số bị cáo trong lĩnh vực hình sự như hiện nay rất bất cập và làm hạn chế, ảnh hưởng đến chất lượng công tác, chất lượng kháng nghị của VKSND cấp cao.

# CHUYÊN ĐỀ

# KỸ NĂNG NHẬN DIỆN VI PHẠM PHÁP LUẬT, THIẾU SÓT TRONG CÁC BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH HÌNH SỰ CỦA TÒA ÁN

## *Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội*

Kiểm sát bản án, quyết định hình sự của Tòa án là nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát nhân dân khi kiểm sát xét xử vụ án hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014, nhằm thực hiện chức năng thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp của ngành Kiểm sát. Mục đích việc kiểm sát bản án, quyết định hình sự của Tòa án nhằm phát hiện những thiếu sót, vi phạm pháp luật để đưa ra những kháng nghị, kiến nghị để Bản án, Quyết định của Tòa án được đúng pháp luật.

Từ khi thành lập đến nay, thực hiện nhiệm vụ trong điều kiện biên chế còn thiếu 153/175 biên chế; số lượng Bản án, quyết định của Tòa án nhiều, địa bàn rộng với 28 Tòa án tỉnh thành phía Bắc, 327 Tòa án cấp quận, huyện thuộc địa bàn theo dõi, quản lý, thông qua kiểm sát bản án, quyết định của Tòa án (từ Tòa án cấp cao trở xuống), VKSND cấp cao tại Hà Nội (VC1) đã phát hiện nhiều vi phạm của Tòa án các cấp khi ban hành bản án, quyết định, đã ban hành 821 kháng nghị các loại, 125 kiến nghị, 257 thông báo rút kinh nghiệm.

Từ thực hiện chức năng, nhiệm vụ kiểm sát bản án, quyết định của Tòa án, VKSND cấp cao tại Hà Nội CHUYÊN ĐỀ kỹ năng kiểm sát bản án, quyết định của Tòa án, kinh nghiệm nhận diện vi phạm như sau:

**1. Đối với bản án, quyết định của Tòa án cấp tỉnh, cấp huyện**

***Thứ nhất, kỹ năng phân loại Bản án, quyết định của Tòa án***

Với số lượng Bản án, Quyết định của Tòa án lớn, số lượng Bản án nhiều hàng ngày gửi đến, VC1 đã tổ chức giải quyết như sau:

- Phân công Viện hình sự (V1) là đầu mối phân loại và kiểm sát Bản án, quyết định của Tòa án. Khi nhận được các Bản án, Quyết định của Tòa án gửi đến, Văn phòng Viện cấp cao (gọi tắt là VC1) vào sổ thụ lý, sau đó chuyển cho Viện hình sự phân loại giải quyết.

Viện trưởng Viện hình sự trực tiếp phân loại sơ bộ (sàng lọc) đối với các Bản án, quyết định của Tòa án. Trước hết, phân loại những loại Bản án, Quyết định trong thời hạn kháng nghị phúc thẩm của VC1 (Bao gồm những Bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm là cấp tỉnh, thành phố xét xử đến thời điểm nhận Bản án, quyết định đang trong thời hạn kháng nghị phúc thẩm (30 ngày đối với Bản án; 15 ngày đối với Quyết định; những Bản án, quyết định phúc thẩm của Tòa án cấp tỉnh trong thời hạn kháng nghị giám đốc thẩm; những Bản án, Quyết định của Tòa án cấp quận, huyện thuộc trường hợp kháng nghị giám đốc thẩm. Sau khi phân loại, Viện trưởng phân cho các Kiểm sát viên, cán bộ tiến hành kiểm sát các bản án, quyết định đó.

Riêng đối với Bản án, quyết định đang trong thời hạn kháng nghị phúc thẩm, Viện trưởng tiến hành đọc sơ bộ xem xét những Bản án, quyết định nào có vi phạm thì lưu ý và giao cho các KSV, cán bộ có năng lực, kinh nghiêm nghiên cứu kỹ, nếu có vi phạm thì báo cáo đề xuất kháng nghị phúc thẩm kịp thời (vì thời hạn kháng nghị phúc thẩm của VC1 chỉ trong vòng 1 tháng đối với Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân cấp tỉnh).

Thực tế khi gửi đến VC1 thì thời hạn kháng nghị phúc thẩm chỉ còn vài ngày, nếu không kiểm sát kịp thời để kháng nghị thì hết thời hạn. Đối với các loại Bản án, quyết định khác thì sau khi sàng lọc Viện trưởng Viện nghiệp vụ yêu cầu Văn phòng V1 lập danh sách và giao cho các cán bộ, KSV tiến hành kiểm sát.

***Thứ hai, kỹ năng nghiên cứu Bản án, Quyết định của Tòa án***

Việc đọc Bản án, Quyết định của Tòa án tưởng đơn giản nhưng nếu không có kinh nghiệm, kiến thức nghiệp vụ thì khó phát hiện được vi phạm, thiếu sót vì đối với Bản án, Quyết định của Tòa án có tính chất tác động ảnh hưởng đến con người nên các Thẩm phán của Tòa án trước khi ban hành thường rà soát rất kỹ các căn cứ áp dụng và các nhận định đánh giá để ra Quyết định đảm bảo đúng qui định của pháp luật.

- Nếu đọc kỹ quá, số lượng Bản án, quyết định nhiều (Quyết định tha tù trước thời hạn) một đợt của 1 địa phương có hàng ngàn quyết định, nếu không đọc lướt, nhanh thì mất cả tháng trời mới xong nhiệm vụ kiểm sát Bản án, Quyết định, trong khi còn nhiều nhiệm vụ khác cần thiết phải hoàn thành.

- Thông thường, KSV, cán bộ khi nhận được Bản án, quyết định của Tòa án thì tiến hành đọc lướt phân loại Bản án, quyết định. Nếu Bản án, quyết định nào có gợn lên thì tách ra để xem xét kỹ lại. Nếu Bản án quyết định nào sau khi đọc thấy không vấn đề gì thì xếp lưu, tuy nhiên khả năng phát hiện vi phạm phụ thuộc vào trình độ nghiệp vụ, kinh nghiệm giải quyết án và khả năng tập trung công việc của từng cán bộ, Kiểm sát viên.

- Đối với các Bản án, quyết định có gợn lên (có vi phạm, thiếu sót) cán bộ, KSV nghiên cứu kỹ, nếu có vi phạm cần thiết kháng nghị thì Báo cáo đề xuất Lãnh đạo Ban hành kháng nghị; nếu vi phạm ở mức độ ít, không ảnh hưởng đến bản chất vụ án, quyết định của Tòa án thì Ban hành kiến nghị, rút kinh nghiệm.

***Thứ ba, kỹ năng phát hiện vi phạm***

Khi nghiên cứu Bản án, Quyết định của Tòa án, cần chú ý:

*- Về thẩm quyền xét xử vụ án hình sự của Tòa án:*

Việc xác định thẩm quyền xét xử của Tòa án rất ít khi xảy ra có vi phạm, tuy nhiên vẫn có những vụ án đồng phạm, có bị cáo là quân nhân và người ngoài quân đội phạm tội hoặc là vụ án mà lợi ích của quân đội bị xâm phạm nên đây cũng là một trong những nội dung đầu tiên cán bộ, Kiểm sát viên cần nghiên cứu đối chiếu với các quy định về thẩm quyền xét xử của Tòa án. Cụ thể, trong vụ án Sùng Mí Pó phạm tội Giết người do Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử, Sùng Mí Pó phạm tội trong thời gian quân ngũ thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án quân sự nhưng Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử. Kiểm sát bản án phát hiện vi phạm về thẩm quyền, VC1 đã kháng nghị phúc thẩm và Tòa án cấp cao tại Hà Nội chấp nhận kháng nghị hủy án để điều tra, xét xử lại theo đúng thẩm quyền.

*- Về hình thức ban hành Bản án hình sự của Tòa án:*

Cán bộ, kiểm sát viên kiểm sát bản án, quyết định hình sự phải đối chiếu hình thức ban hành Bản án, quyết định hình sự được kiểm sát có ban hành đầy đủ, đúng mẫu ban hành kèm theo Nghị quyết số [05/2017/NQ-HĐTP](http://luattrongtay.vn/ViewFullText?DocumentNo=05/2017/NQ-H%C4%90TP) ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hay không?. Qua thực tế, vẫn có những Bản án hình sự sơ thẩm không ban hành đúng theo mẫu số 27-HS ban hành kèm theo Nghị quyết số [05/2017/NQ-HĐTP](http://luattrongtay.vn/ViewFullText?DocumentNo=05/2017/NQ-H%C4%90TP) ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao như không ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân đối với vụ án xét xử có bị cáo dưới 18 tuổi tại mục 5; tuổi bị cáo chưa thành niên tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội tại mục 11;

*- Về xác định tư cách tố tụng trong vụ án:*

Xác định đúng tư cách tham gia tố tụng trong vụ án là yếu tố quan trọng nhằm đảm bảo quyền, lợi ích của những người tham gia tố tụng sau này cũng như quyết định xử lý vật chứng, quyết định trách nhiệm dân sự ngay trong Bản án sơ thẩm. Trên thực tế, trong các vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, việc xác định bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan còn có nhiều quan điểm khác nhau, có trường hợp người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì xác định là bị hại (người trung gian trong các vụ án Lừa đảo …). Tuy nhiên, vấn đề quan trọng nhất cần xác định đúng thực tế người bị hại là người bị thiệt hại về vất chất, tinh thần…; còn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ án… Nếu xác định sai người bị hại sẽ ảnh hưởng đến quyền kháng cáo của họ (ví dụ người bị hại có quyền kháng cáo về phần hình phạt, phần bồi thường; còn người liên quan không có quyền kháng cáo đến phần hình phạt của bị cáo mà chỉ có quyền kháng cáo về phần bồi thường dân sự liên quan đến mình).

Để làm xác định đúng tư cách tham gia tố tụng, cán bộ, kiểm sát viên kiểm sát bản án cần đọc kỹ toàn bộ nội dung bản án sau đó quay lại xác định tư cách tố tụng của những người này. Ví dụ trong vụ án Lừa đảo Chiếm đoạt tài sản, trong đó bị cáo A nhận tiền xin việc từ ông B để xin việc cho cháu C, trong trường hợp này, có thể xác định cháu C là người bị hại, ông B là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, có một số Bản án xác định ông B là bị hại (vì trước khi xảy ra vụ án, ông B đã tự bỏ tiền ra để bồi thường cho cháu C)… Hoặc trường hợp bị cáo A mua xe ô tô và thế chấp vay Ngân hàng 500 triệu đồng, sau khi thế chấp Giấy đăng ký xe cho Ngân hàng, bị cáo A làm giả giấy Đăng ký xe bán cho B với giá 550 triệu đồng, sau khi mua xong B bán xe cho C với số tiền 600 triệu đồng. Khi phát hiện giấy Đăng ký xe giả, C tố giác nên A bị xử lý về tội Lừa đảo Chiếm đoạt tài sản. Bản án của Tòa án xác định B là bị hại, C và Ngân hàng là những người liên quan, trong khi thực tế C là người bị thiệt hại (mất 600 triệu, xe Ngân hàng thu hồi….)

*- Về kỹ năng phát hiện các nội dung vụ án và nhận định của Tòa án được nêu trong bản án hình sự của Tòa án có vi phạm, thiếu sót:*

Khi kiểm sát bản án hình sự, cán bộ, Kiểm sát viên cần xác định được những nội dung sau: Có hành vi phạm tội xảy ra hay không, thời gian, địa điểm và những tình tiết khác của hành vi phạm tội; Ai là người thực hiện hành vi phạm tội; có lỗi hay không có lỗi, do cố ý hay vô ý; có năng lực [trách nhiệm hình sự](http://hinhsu.luatviet.co/s/tr%C3%A1ch%2Bnhi%E1%BB%87m%2Bh%C3%ACnh%2Bs%E1%BB%B1.html) hay không; mục đích, động cơ phạm tội; Những tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo và đặc điểm về nhân thân của bị can, bị cáo; Tính chất và mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra; Nguyên nhân và điều kiện phạm tội; Những tình tiết khác liên quan đến việc loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt của các bị cáo. Đặc biệt là những lập luận, đánh giá của Hội đồng xét xử về quan điểm của Viện kiểm sát, ý kiến của những người tham gia tố tụng trong vụ án. Những nội dung này là căn cứ quan trọng để xác định việc hội đồng xét xử quyết định tội danh và áp dụng hình phạt đối với các bị cáo cũng như việc xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự… có đúng hay không.

Để phát hiện được vi phạm thiếu sót trong trường hợp này, đòi hỏi KSV phải có năng lực, trình độ và kinh nghiệm về chuyên môn, nghiệp vụ vì khi nghiên cứu nội dung của Bản án, quyết định của Tòa án, thông qua diễn biến sự việc, nội dung vụ án, hành vi phạm tội, đồng phạm tham gia, nhận định của Tòa án; quan điểm của Viện kiểm sát, quan điểm của Luật sư, ý kiến của bị hại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng để xác định việc nhận định đánh giá, qui kết về tội danh, khung khoản mà Bản án áp dụng có đúng qui định của pháp luật hay không?

Ngoài những qui định của Bộ luật hình sự, KSV còn cập nhật những văn bản hướng dẫn, Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết của HĐTP… những hướng dẫn thi hành phù hợp với tình hình thực tiễn.

*+ Đối với việc định tội danh:* Cán bộ, kiểm sát viên kiểm sát bản án cần xác định Hội đồng xét xử tuyên bố tội danh của các bị cáo đã đúng, đầy đủ chưa. Thực tế cho thấy phần nội dung vụ án, nhận định và phần tuyên bố tội lại không phù hợp.

Ví dụ có trường hợp bị cáo mua súng, đạn quân dụng cất giấu ở nhà, khi có mâu thuẫn đã mang súng quân dụng ra bắn lên trời đe dọa. Hành vi này của bị cáo đã 2 phạm tội là “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ tuyên bị cáo phạm tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” là chưa phù và đầy đủ (Bản án số 15/2020/HS-ST ngày 16/1/2020 của Tòa án tỉnh Quảng Ninh).

*+ Đối với việc áp dụng pháp luật, quyết định hình phạt:* Căn cứ vào tính chất mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nguyên nhân, điều kiện phạm tội và vai trò của bị cáo (trong vụ án đồng phạm). Khi nghiên cứu, Cán bộ, kiểm sát viên kiểm sát bản án cần xem xét Bản án đã áp dụng pháp luật đúng và đầy đủ không, mức án áp dụng có phù hợp với từng bị cáo hay chưa. Đây là những điểm thường có vi phạm, thiếu sót được phát hiện trong kiểm sát bản án hình sự sơ thẩm, cụ thể như trong trường hợp cho bị cáo được hưởng án treo vi phạm Điều 2 Nghị quyết Số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hay không, trong đó cần chú ý: bị cáo được Tòa án cho hưởng án treo có nhân thân xấu hay không, có là chủ mưu, cầm đầu hay không; có thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần, phạm nhiều tội; phạm các tội về tham nhũng, chức vụ hay không và đặc biệt cần đánh giá tính chất, vai trò, hậu quả của hành vi, mức độ phạm tội của bị cáo để đánh giá việc áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo của Bản án đó có phù hợp hay không?.

Ví dụ: Bản án của Tòa án tỉnh Lào Cai cho bị cáo Nguyễn Văn A hưởng án treo với hành vi dùng hung khí gây thương tích cho anh Nguyễn Văn B với thương tích 44%, tuy nhiên, khi nhận định đánh giá, Tòa án cho rằng bị cáo đã bồi thường dân sự, nhiều tình tiết giảm nhẹ, tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã bỏ qua tình tiết “phạm tội có tính chất côn đồ” nên VC1 đã kháng nghị.

Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2018/HSST ngày 19/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh áp dụng khoản 2 Điều 93 xử phạt bị cáo Phan Đình Quân 12 năm tù về tội “Giết người”, với hành vi: Khoảng 16 giờ ngày 31/5/2016, Phan Đình Quân điều khiển xe ô tô tải hiệu Thaco mang Biển kiểm soát 38C-073.05 đi trên Quốc lộ 1A đã gây tai nạn với cháu Hoàng Đức Phượng. Khi phát hiện có tai nạn, Quân dừng xe xuống quan sát thấy nạn nhân chưa chết, đang nằm ở phía trước bánh xe ô tô của mình đang bị thương, Quân cho xe tiến lên phía trước và cán qua người nạn nhân khiến cháu Hoàng Đức Phượng bị bánh xe ô tô cán qua đầu vỡ sọ não, tử vong tại chỗ, xe ô tô tải của Quân chạy tiếp 30m thì dừng lại. VC1 qua kiểm sát phát hiện hình phạt quá nhẹ nên đã kịp thời kháng nghị phúc thẩm và Tòa án cấp cao đã xét xử tăng hình phạt đối với Phan Đình Quân.

Việc quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt vi phạm Điều 54 BLHS; Việc áp dụng hình phạt quá nhẹ hoặc quá nặng khi cá thể hóa trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo. Ví dụ:

Ngày 27/10/2019; Bộ đội biên phòng tỉnh Điện Biên phát hiện, thu giữ của Lò Văn Hướng (là giáo viên) 669,58 gam ma túy Hêrôin. Hướng khai là ma túy Hướng mua về để bán lại cho người khác kiếm lời. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2020/HS-ST ngày 11/3/2020 của TAND tỉnh Điện Biên đã tuyên bố bị cáo Lò Văn Hướng phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Xử phạt bị cáo Lò Văn Hướng 20 năm tù. Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội thấy mức án trên là quá nhẹ nên đã kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Hoặc trường hợp Bị cáo Lê Ngọc Mạnh phạm tội Giết người ở Bắc Giang. Do mâu thuẫn trong việc mua bán bất động sản, Bị cáo Mạnh có hành vi dùng dao kiếm chém liên tiếp nhiều nhát vào đầu, cổ, vai, tay của anh Đỗ Trung Thành, gây thương tích 78%; sau đó chém tiếp vào đầu, người anh Ngô Văn Tâm, gây thương tích 21%; và đuổi chém anh Dương Văn Hân, gây thương tích 2%. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ áp dụng điểm n, khoản 1 Điều 123, điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS 2015 xử phạt bị cáo Lê Ngọc Mạnh 8 năm tù về tội Giết người; 2 năm tù về tội Cố ý gây thương tích. Qua kiểm sát bản án phát hiện vi phạm về tội danh, và hình phạt quá nhẹ nên đã Rút hồ sơ xem xét kháng nghị.

*+ Đối với việc xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự:* Trên cơ sở xác định đúng tư cách tham gia tố tụng cũng như nguồn gốc vật chứng, việc xử lý vật chứng và tuyên về trách nhiệm dân sự mới bảo đảm chính xác. Ngoài ra, xác định trách nhiệm dân sự cũng cần đảm bảo quyền tự định đoạt của các bên nếu trong bản án có xác nhận các bên tham gia tố tụng tự thỏa thuận với nhau. Mặt khác, cần xem xét việc xử lý vật chứng có đúng qui định Điều 41, Điều 76 BLHS không?

*+ Đối với án phí:* Án phí trong các vụ án hình sự thường không có vi phạm, tuy nhiên vẫn còn xảy ra trường hợp miễn án phí hình sự sơ thẩm không đúng đối tượng. Ví dụ trường hợp Lò Văn Hướng (là giáo viên) bỏ tiền ra mua 669,58 gam ma túy Hêrôin để bán lại cho người khác kiếm lời. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2020/HS-ST ngày 11/3/2020 của TAND tỉnh Điện Biên đã miễn án phí sơ thẩm cho bị cáo là không phù hợp vì bị cáo là giáo viên và có tiền mua số lượng ma túy lớn chứ không phải thuộc trường hợp khó khăn về kinh tế. Hoặc nhiều trường hợp Bản án quên không tuyên về án phí hoặc tuyên về phần án phí không đúng theo qui định Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

+ Kỹ năng kiểm sát Quyết định tha tù có điều kiện và Quyết định giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù (Tòa án cấp huyện không có thẩm quyền này nên VKS cấp huyện không thực hiện kiểm sát loại quyết định này).

Hàng năm, VC1 đã nhận được hàng nghìn quyết định do các TA địa phương gửi đến, việc kiểm sát loại quyết định này Cán bộ, Kiểm sát viên cần chú ý về thời hạn vì cả 2 cấp chỉ có 15 ngày. Thức tế thời gian qua các VKS thực hiện tốt việc kiểm sát các quyết định này, kịp thời kháng nghị phúc thẩm và báo cáo VC1 kháng nghị phúc thẩm khi có vi phạm như bị án có đủ điều kiện nhưng không được TA chấp nhận, cũng như không đủ điều kiện nhưng được TA chấp nhận. Các đơn vị có kháng nghị phúc thẩm được VC1 bảo vệ là: VKS nhân dân tỉnh Sơn La, VKS nhân dân tỉnh Hải Dương, VKS nhân dân tỉnh Hưng Yên và một số địa phương khác. Ngoài các VKS địa phương, tháng 4/2020, Vụ 8 VKS tối cao kiểm sát Quyết định tha tù trước hạn của TAND tỉnh Bắc Ninh đối với trường hợp phạm nhân Vũ Công Hiếu phát hiện vi phạm đã báo cáo Lãnh đạo viện tối cao, chỉ đạo VC1 kháng nghị phúc thẩm hủy bỏ quyết định tha tù trước hạn của TAND tỉnh Bắc Ninh.

Tuy nhiên qua kiểm sát các quyết định trên, VC1 thấy VKS các địa phương khi kiểm sát các quyết định của TA cần kiến nghị TA phải ghi rõ quan điểm của VKS tại phiên họp là đồng ý, hay không đồng ý đối với quyết định tha tù trước hạn; mức đề nghị giảm thời hạn cụ thể đối với quyết đinh giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù để VKS cấp trên kháng nghị khi cần thiết.

**2. Đối với bản án, quyết định hình sự của Tòa án cấp cao tại Hà Nội**

Tương tự với bản án, quyết định hình sự cấp dưới. Việc kiểm sát các vi phạm, thiếu sót của bản án, quyết định hình sự phúc thẩm, giám đốc thẩm và tái thẩm ngang cấp cũng thực hiện các kỹ năng trên. Tuy nhiên, đối với bản án, quyết định phúc thẩm hình sự của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội được Kiểm sát viên kiểm sát còn dựa trên diễn biến tại phiên tòa và do kiểm sát viên trực tiếp thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử nên việc kiểm sát bản án, quyết định được toàn diện, đầy đủ hơn so với việc kiểm sát các bản án, quyết định hình sự sơ thẩm.

 Việc kiểm sát các Bản án, quyết định này được phân công cho các KSV đã từng tham gia THQCT&KSXX phúc thẩm, giám đốc thẩm và tái thẩm các vụ án hình sự nên đã theo dõi, sát thực tế, tuy nhiên, qua kiểm sát bản án phát hiện một số thiếu sót vi phạm, cụ thể như sau:

*Vi phạm về thời hạn gửi Bản án phúc thẩm:* Đây có lẽ là vi phạm nhiều nhất, vì đa phần các Bản án Quyết định của Tòa án cấp cao tại Hà Nội đều quá hạn (Quá 25 ngày theo Điều 262 BLTTHS 2015. VC1 đã có Kiến nghị với Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội yêu cầu khắc phục vi phạm.

*Vi phạm về hình thức, nội dung Bản án:* Khi nghiên cứu Bản án này, KSV tập trung xem xét các phần Quyết định của Bản án phúc thẩm, giám đốc thẩm và tái thẩm và xem xét phần ghi quan điểm của đại diện VKS tại phiên tòa để so sánh, đối chiếu có đúng thực tế đối với phần đã tuyên tại phiên tòa hay không, ví dụ:Qua kiểm sát bản án phát hiện, việc Bản án ghi quan điểm của VKSND khác với quan điểm của VKS tại phiên tòa; Có trường hợp phát hiện, Bản án phúc thẩm của Tòa án về phần quyết định khác với phần quyết định đã tuyên tại phiên tòa (vụ Phan Văn Anh Vũ, VKS cấp cao tại Hà Nội đã kịp thời báo cáo Lãnh đạo VKS tối cao kháng nghị); có trường hợp Bản án phúc thẩm không ghi cụ thể quan điểm của VKS về hình phạt mà ghi sau khi nghe ý kiến của VKS, luật sư, bị hại, HĐXX nhận định…; có trường hợp Bản án phúc thẩm không tuyên cụ thể mức hình phạt đối với các bị cáo mà chỉ tuyên Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Quyết định của Bản án sơ thẩm…Những vi phạm, thiếu sót này, VC1 đã ban hành kháng nghị, kiến nghị rút kinh nghiệm.

# CHUYÊN ĐỀ

# RÚT KINH NGHIỆM VỀ VIỆC BÁO CÁO ĐỀ NGHỊ KHÁNG NGHỊ GIÁM ĐỐC THẨM BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH CỦA TÒA ÁN TRONG TỐ TỤNG HÌNH SỰ

## *Vụ Thực hành quyền công tố và Kiểm sát xét xử hình sự*

**I. VỀ SỐ LIỆU**

Trong hai năm (2018 – 2019), Viện kiểm sát nhân dân tối cao nhận được 195 báo cáo của Viện kiểm sát cấp dưới đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm đối với các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án, trong đó, năm 2018 là 68 báo cáo, năm 2019 là 127 báo cáo (tăng 1,86 lần). Ngay sau khi nhận được báo cáo, Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã yêu cầu Tòa án đang quản lý hồ sơ chuyển hồ sơ vụ án để nghiên cứu, kết quả như sau:

- Năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân tối cao (Vụ 7) đã nhận được 47 hồ sơ vụ án (chiếm 69,1% tổng số các báo cáo đề nghị kháng nghị). Qua nghiên cứu, Vụ 7 đã tham mưu, giải quyết 22 vụ (chiếm 46,8%), trong đó: ban hành 02 kháng nghị giám đốc thẩm (chiếm 4,3%), trả lời không kháng nghị 20 vụ (chiếm 42,5%).

- Năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân tối cao (Vụ 7) đã nhận 83 hồ sơ vụ án (chiếm 65,3% tổng số các báo cáo đề nghị kháng nghị). Qua nghiên cứu, Vụ 7 đã tham mưu, giải quyết 60 vụ (chiếm 72,2%), trong đó: ban hành 14 kháng nghị giám đốc thẩm (chiếm 16,8%), trả lời không kháng nghị 46 vụ (chiếm 55,4%).

 **II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ**

 **1. Ưu điểm**

**2.1. Thông qua kiểm sát xét xử, kiểm sát bản án, Viện kiểm sát đã phát hiện nhanh vi phạm và báo cáo kịp thời theo quy định của pháp luật.**

 **-** Để đảm bảo tính có căn cứ, đúng pháp luật của các bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, Viện kiểm sát đã phát hiện kịp thời những vi phạm nghiêm trọng và báo cáo đề nghị kháng nghị, góp phần bảo đảm không xảy ra oan, sai hoặc bỏ lọt tội phạm, người phạm tội, điển hình là các vụ án Phan Văn Anh Vũ phạm tội “Lợi dụng chức vụ trong khi thi hành công vụ”[[1]](#footnote-1), Võ Thị Ánh Ngọc phạm tội “Tham ô tài sản” ở tỉnh Bình Định[[2]](#footnote-2), Trương Thị Hoa phạm tội “Nhận hối lộ” ở tỉnh Đắk Lắk[[3]](#footnote-3), Lê Hoàng Lực phạm tội “Giết người” ở tỉnh Cần Thơ[[4]](#footnote-4). Đặc biệt có những báo cáo đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm được ban hành ngay sau khi kết thúc phiên tòa xét xử vụ án (vụ Phạm Công Danh phạm tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”)[[5]](#footnote-5).

- Việc báo cáo đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm nhanh chóng của Viện kiểm sát cấp tỉnh, Viện kiểm sát cấp cao đã tạo điều kiện để Viện kiểm sát nhân dân tối cao có đủ thời gian yêu cầu Tòa án chuyển hồ sơ vụ án để nghiên cứu, phát hiện và đánh giá chính xác những sai lầm, vi phạm trong các bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, kịp thời tham mưu cho Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quyết định kháng nghị giám đốc thẩm.

- Kết quả này đã thể hiện rõ trách nhiệm, năng lực, trình độ của Kiểm sát viên được phân công thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử hình sự trong việc nghiên cứu hồ sơ vụ án, kiểm sát chặt hoạt động xét xử của Tòa án và các bản án, quyết định của Tòa án ngay sau khi phát hành; nắm chắc các chứng cứ, kịp thời phát hiện những sai lầm, vi phạm của Tòa án và báo cáo ngay Lãnh đạo Viện để quyết định việc đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm. Bên cạnh đó, Lãnh đạo Viện kiểm sát cấp tỉnh và Viện kiểm sát cấp cao đã sâu sát trong hoạt động chỉ đạo, điều hành, yêu cầu Kiểm sát viên báo cáo vụ án, diễn biến phiên tòa và kết quả xét xử để đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, góp phần khắc phục vi phạm pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, không để xảy ra trường hợp bản án, quyết định của Tòa án có vi phạm nghiêm trọng nhưng hết thời hạn kháng nghị, quyền và lợi ích của người tham gia tố tụng không được bảo vệ kịp thời, đúng quy định của pháp luật.

**2.2. Nội dung báo cáo đề nghị kháng nghị có chất lượng tốt, bảo đảm có căn cứ, đúng pháp luật**

Trên cơ sở kết quả thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử hình sự, Viện kiểm sát đã phát hiện chính xác sai phạm, xây dựng báo cáo đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm có chất lượng tốt, phân tích đầy đủ, rõ ràng lý do kháng nghị và đề xuất hướng xử lý để khắc phục vi phạm, trong đó tập trung vào những sai phạm nghiêm trọng như xác định sai tội danh, áp dụng sai khung hình phạt, quyết định hình phạt không đúng, không tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng hình sự trong xét xử, điển hình là:

*- Đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm theo hướng thay đổi tội danh và tăng hình phạt trong vụ án Phan Văn Hùng phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” ở thành phố Hà Nội.*

Bị cáo Phan Văn Hùng bị bắt quả tang khi đang vận chuyển trái phép 4.514,325 gam Methamphetamine. Viện kiểm sát truy tố và Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt Hùng tử hình về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Sau khi xét xử sơ thẩm, Phan Văn Hùng kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hùng đề nghị xem xét lại tội danh; Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, xử phạt Hùng tù chung thân về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”. Tuy nhiên, căn cứ vào biên bản kiểm tra điện thoại, bảng kê chi tiết các cuộc gọi, tin nhắn từ số điện thoại mà Hùng sử dụng phù hợp với lời khai của Hùng thể hiện mục đích của việc vận chuyển số ma túy nêu trên là để bán kiếm lời; việc thay đổi lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là không có căn cứ. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm sửa tội danh cho Hùng từ “Mua bán trái phép chất ma túy” thành tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” là không phù hợp với sự thật khách quan của vụ án.

Hành vi phạm tội của Phan Văn Hùng thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng quy định tại điểm e, khoản 4, Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 và hướng dẫn tại điểm c, tiểu mục 3.1, Mục 3 Nghị quyết số 01/2001/NQ-HĐTP ngày 15/3/2001 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Khi xét xử phúc thẩm, Tòa án quá nhấn mạnh vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm hình phạt xuống tù chung thân là không đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Sau khi Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quyết định kháng nghị giám đốc thẩm, ngày 03/6/2019, Tòa án nhân dân tối cao xét xử đốc thẩm, chấp nhận kháng nghị, hủy Bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm đã xử phạt Phan Văn Hùng tử hình về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

*- Đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm hủy bản án phúc thẩm để xét xử phúc thẩm lại theo hướng tăng khung hình phạt trong vụ án Võ Trường Giang và đồng phạm phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” ở tỉnh Đắk Lắk.*

Bị cáo Võ Trường Giang và 03 đồng phạm đã gian dối chiếm đoạt của các bị hại tổng số tiền là 822.870.000 đồng; trước khi bị tố giác, các bị cáo đã trả lại số tiền 376.000.000 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g, i khoản 1 Điều 48; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt mỗi bị cáo 07 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tòa án cấp phúc thẩm nhận định trước ngày khởi tố vụ án, các bị cáo đã hoàn trả 376.000.000 đồng nên chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền 446.870.000 đồng và áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139 (chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng); điểm b, p, g khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt mỗi bị cáo 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo.

Trong vụ án này, hành vi phạm tội của các bị cáo đã hoàn thành kể từ thời điểm tiền được chuyển vào tài khoản cá nhân; việc các bị cáo hoàn trả lại tiền trước hay sau khi bị tố giác chỉ được coi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm xác định việc các bị cáo nộp lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt trước khi bị khởi tố là “chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn” và áp dụng điểm g khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 là không đúng quy định pháp luật.

Sau khi Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quyết định kháng nghị giám đốc thẩm, ngày 21/3/2019, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã mở phiên tòa giám đốc thẩm và quyết định chấp nhận kháng nghị, hủy bản án hình sự phúc thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng để xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định pháp luật.

*- Đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm hủy bản án phúc thẩm để xét xử phúc thẩm lại theo hướng tăng hình phạt trong vụ án Nguyễn Ngọc Sơn phạm tội “Giết người” ở Thành phố Hồ Chí Minh.*

Nguyễn Ngọc Sơn đang có vợ, con, nhưng chung sống như vợ chồng với chị Phan Thị Hồng Vân từ năm 2014. Ngày 31/10/2016, do nghi ngờ chị Vân đi chơi với người đàn ông khác nên Sơn đã chuẩn bị xăng để đốt chị Vân. Khoảng 17 giờ cùng ngày, sau khi tra hỏi chị Vân về mối quan hệ giữa chị Vân với người đàn ông khác rồi xảy ra cãi nhau, Sơn đã lấy can xăng đổ vào người chị Vân từ vai xuống chân. Mặc dù chị Vân van xin tha chết nhưng Sơn tiếp tục dùng quẹt ga đốt cháy chị Vân, đồng thời khóa cửa và đe dọa những người xung quanh phòng trọ không được vào cứu chị Vân. Hậu quả, chị Vân tử vong.

Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng n khoản 1 Điều 93; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt Nguyễn Ngọc Sơn tù chung thân về tội “Giết người”. Sau khi xét xử sơ thẩm, mẹ của bị hại và Nguyễn Ngọc Sơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, giảm hình phạt cho Nguyễn Ngọc Sơn xuống 20 năm tù.

Hành vi phạm tội của Nguyễn Ngọc Sơn thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, có dự mưu, cố tình thực hiện tội phạm đến cùng nhưng Tòa án cấp phúc thẩm đánh giá không đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm e khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 (cố tình thực hiện tội phạm đến cùng) dẫn đến việc quyết định hình phạt 20 năm tù đối với bị cáo là không tương xứng với hành vi phạm tội, không có tác dụng giáo dục, đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

Sau khi Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quyết định kháng nghị giám đốc thẩm, ngày 09/10/2018, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã mở phiên tòa giám đốc thẩm và quyết định chấp nhận kháng nghị, hủy bản án hình sự phúc thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định pháp luật.

*- Báo cáo đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm hủy bản án phúc thẩm để xét xử phúc thẩm lại do có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng hình sự trong xét xử trong vụ án Phan Văn Anh Vũ phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.*

Vụ án này thuộc diện theo dõi, chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng nhưng Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi xét xử đã bổ sung nhiều nội dung vào Bản án in để phát hành so với nội dung Bản án đã tuyên tại hội trường xét xử, không đảm bảo nguyên tắc, sự đúng đắn, khách quan của hoạt động xét xử và ban hành bản án của Tòa án. Kiểm sát viên được phân công thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm đã kiểm sát rất chặt chẽ việc tuyên án của Hội đồng xét xử; phát hiện vi phạm ngay sau khi nhận được bản án, kịp thời đề xuất báo cáo Viện kiểm sát nhân dân tối cao xem xét, quyết định kháng nghị giám đốc thẩm.

*- Báo cáo đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm hủy bản án sơ thẩm, bản án phúc thẩm để điều tra lại do bỏ lọt tội phạm và người phạm tội trong vụ án Nguyễn Thanh Mến phạm tội “Giết người” ở tỉnh Khánh Hòa.*

Nguyễn Thanh Mến có mâu thuẫn từ trước với anh Nguyễn Văn Quốc nên đã rủ Nguyễn Thanh Thương, Huỳnh Bảo Long, Phan Thành Lợi và 07 đối tượng khác đi tìm anh Quốc để đánh trả thù. Khi đi, cả nhóm mang theo 07 con dao và 02 bóng đèn tuýp. Đến nhà anh Quốc, Mến cầm 02 con dao đi vào cửa chính và gọi anh Quốc; Long, Lợi, Thương cầm dao đi theo sau; 07 đối tượng khác đứng ở bên ngoài. Anh Quốc mở cửa bước ra thì bị Mến dùng dao đâm một nhát vào vùng ngực. Bị đâm, anh Quốc đóng cửa lại ngay rồi bỏ chạy ra ngoài bờ ruộng sau nhà thì tử vong. Mến, Long, Lợi, Thương dùng dao chém nhiều nhát vào cửa nhà anh Quốc.

Cơ quan tiến hành tố tụng sơ thẩm, phúc thẩm đã truy tố, xét xử Nguyễn Thanh Mến về tội “Giết người”. Tuy nhiên, căn cứ vào hành vi, vai trò của từng người, Tòa án hai cấp nhận định các đối tượng Long, Lợi, Thương không đồng phạm với Nguyễn Thanh Mến về tội “Giết người”, không xử lý về tội “Gây rối trật tự công cộng” của 07 đối tượng đi cùng là chưa xem xét đầy đủ, toàn diện những tình tiết của vụ án, dẫn đến bỏ lọt tội phạm, người phạm tội.

Sau khi Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quyết định kháng nghị giám đốc thẩm, ngày 16/6/2020, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã mở phiên tòa giám đốc thẩm và quyết định chấp nhận kháng nghị, hủy bản án hình sự sơ thẩm và phúc thẩm để điều tra lại theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, trong rất nhiều vụ án[[6]](#footnote-6), Kiểm sát viên được phân công thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử đã nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án, nắm chắc các chứng cứ, tài liệu; kiểm sát chặt chẽ trước, trong và sau phiên tòa, phát hiện chính xác các vi phạm và đề xuất với Lãnh đạo Viện báo cáo đề nghị Viện kiểm sát nhân dân tối cao kháng nghị giám đốc thẩm. Lãnh đạo các đơn vị đã quan tâm, chỉ đạo kịp thời, sâu sát đối với hoạt động báo cáo đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm theo quy định của pháp luật, quy chế của Ngành.

**2. Một số tồn tại, hạn chế**

*2.1. Một số báo cáo đề nghị kháng nghị chậm, không kịp thời, dẫn đến không còn đủ thời gian để xem xét, xử lý.*

Trong năm 2018-2019, Viện kiểm sát nhân dân tối cao nhận thấy vẫn còn có nhiều trường hợp Viện kiểm sát cấp tỉnh và Viện kiểm sát nhân dân cấp cao báo cáo đề nghị kháng nghị còn chậm, một số vụ án sau khi xét xử phúc thẩm từ 05 tháng đến 10 tháng mới báo cáo đề nghị kháng nghị như vụ Trịnh Bá Tuấn phạm tội “Giết người”[[7]](#footnote-7), vụ Phạm Thái Long phạm tội “Giết người”[[8]](#footnote-8), vụ Nguyễn Thị Ngọc Loan phạm tội “Môi giới mại dâm”[[9]](#footnote-9). Đặc biệt có vụ án sau gần một năm mới có báo cáo đề nghị kháng nghị theo hướng bất lợi cho người bị kết án; khi Viện kiểm sát nhân dân tối cao nhận được báo cáo thì đã hết thời hạn kháng nghị (vụ Nguyễn Trọng Nghĩa phạm tội “Giết người” và “Cố ý gây thương tích”)[[10]](#footnote-10).

Việc báo cáo đề nghị kháng nghị chậm trước hết thuộc trách nhiệm của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử hình sự hoặc được phân công thực hiện nhiệm vụ kiểm sát bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án. Lãnh đạo các Viện kiểm sát cũng có trách nhiệm vì thiếu quyết liệt, sâu sát trong quản lý, chỉ đạo, yêu cầu Kiểm sát viên báo cáo kết quả xét xử hoặc không nghiên cứu kịp thời báo cáo của Kiểm sát viên để quyết định việc báo cáo đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm.

*2.2. Một số báo cáo đề nghị kháng nghị còn thiếu căn cứ hoặc chất lượng còn hạn chế.*

Quá trình thụ lý, giải quyết các báo cáo đề nghị kháng nghị, Viện kiểm sát nhân dân tối cao nhận thấy vẫn còn một số báo cáo chưa xác định đúng vi phạm; không đánh giá đầy đủ các tình tiết, chứng cứ trong hồ sơ vụ án; hoặc chưa cần thiết phải kháng nghị, điển hình như:

- Vụ án Danh Thal phạm tội “Giết người” và “Hiếp dâm trẻ em”.

Do có mâu thuẫn với mẹ cháu N (sinh ngày 20/6/2006), Danh Thal đã hiếp dâm và giết cháu N để trả thù. Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm áp dụng điểm c, e khoản 1, Điều 93; khoản 4 Điều 112; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Danh Thal tử hình về tội “Giết người”; 14 năm tù về tội “Hiếp dâm trẻ em”; tổng hợp hình phạt chung của hai tội là tử hình.

Sau khi xét xử phúc thẩm, Viện kiểm sát nhân dân cấp sơ thẩm đã báo cáo đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm Bản án hình sự phúc thẩm theo hướng sửa bản án phúc thẩm để giảm nhẹ hình phạt cho Danh Thal về cả hai tội trên vì bị cáo là người dân tộc thiểu số.

Trong vụ án này, hành vi phạm tội của Danh Thal thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, phạm hai tội đặc biệt nghiêm trọng và rất nghiêm trọng cùng một lúc; có nhiều tình tiết định khung tăng nặng; tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới. Hình phạt tử hình đối với Danh Thal là đúng, không có căn cứ kháng nghị giám đốc thẩm.

- Vụ án Bùi Xuân S phạm tội “Giết người”.

Do mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng, Bùi Xuân S đã dùng dao nhọn đâm một nhát vào vùng vai phải của chị H rồi đưa dao cho những người xung quanh và đi về nhà. Khoảng 5 phút sau, S chạy ra đưa chị H đi cấp cứu nhưng chị H đã chết. S bế chị H về nhà rồi đến cơ quan Công an đầu thú.

Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 34 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt S tù chung thân về tội “Giết người”. Sau khi xét xử sơ thẩm, S và đại diện của bị hại kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho S. Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, xử phạt S 20 năm tù về tội “Giết người”.

Viện kiểm sát cấp phúc thẩm đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, hủy bản án phúc thẩm để xét xử phúc thẩm lại, giữ nguyên hình phạt tù chung thân đối với S.

Nhận thấy S có tuổi đời còn trẻ (sinh năm 1996), chưa có tiền án, tiền sự; ngay sau khi phạm tội đã ra đầu thú; khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; gia đình S đã bồi thường một phần tổn thất cho gia đình bị hại; gia đình bị hại đề nghị xem xét giảm hình phạt cho bị cáo; S và chị H có một người con còn nhỏ (sinh năm 2014) hiện đang ở với bố đẻ của S; các cơ quan, tổ chức, đoàn thể nơi S cư trú đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho S. Vì vậy, hình phạt 20 năm tù mà Tòa án cấp phúc thẩm đã quyết định đối với Bùi Xuân S là phù hợp, không có căn cứ để tăng hình phạt đối với S.

- Vụ án Khưu Thanh Th phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Khưu Thanh Th bị bắt quả tang đang tàng trữ trái phép 02 bánh Heroin, tổng trọng lượng là 703,99 gam. Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn bắt quả tang Nguyễn Thị Thanh A đang mua bán trái phép chất ma túy. A khai ma túy là của Th đưa cho A bán. Viện kiểm sát truy tố Khưu Thanh Th về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” nhưng Tòa án hai cấp đã xử phạt Khưu Thanh Th tù chung thân về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Sau khi xét xử phúc thẩm, Viện kiểm sát cấp phúc thẩm đã đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm theo hướng hủy một phần bản án phúc thẩm để xét xử lại về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tăng hình phạt đối với Th.

Tuy nhiên, quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Khưu Thanh Th không thừa nhận ma túy là của Th và chỉ có duy nhất lời khai của A về việc Th cung cấp ma túy cho A đi bán. Vì vậy chỉ có đủ cơ sở xác định Khưu Thanh Th phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và hình phạt tù chung thân mà Tòa án các cấp đã quyết định đối với Th là có căn cứ. Vì vậy, không có căn cứ để kháng nghị giám đốc thẩm theo hướng đổi tội danh đối với Khưu Thanh Th sang tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tăng hình phạt lên tử hình đối với Th.

- Vụ án Trần Thị Thu S phạm tội “Đánh bạc”

Trần Thị Thu S cùng các đồng phạm bị bắt quả tang đang đánh bạc, thu giữ trên chiếu bạc 23.600.000 đồng. Quá trình điều tra xác định Trần Thị Thu S mang theo 4.600.000 đồng, không trực tiếp tham gia đánh bạc mà đánh theo tay của Nguyễn Tấn Q, mỗi ván từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 xử phạt S 06 tháng tù, xử phạt Q 30 triệu đồng cùng về tội “Đánh bạc”. Sau khi xét xử sơ thẩm, S kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của S, xử phạt S 06 tháng cải tạo không giam giữ.

Viện kiểm sát cấp phúc thẩm đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, hủy bản án phúc thẩm, giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với S.

Trong vụ án này, Trần Thị Thu S có vai trò thấp hơn Nguyễn Tấn Q, gửi tiền đánh bạc theo Q; đủ điều kiện để áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ. Vì vậy, hình phạt 06 tháng cải tạo không giam giữ Tòa án cấp phúc thẩm đã quyết định đối với S đã nặng hơn so với Q (chỉ bị phạt tiền), không có căn cứ để kháng nghị giám đốc thẩm theo hướng áp dụng hình phạt tù đối với S.

- Vụ án Nguyễn Văn Th phạm tội “Giết người”.

Nguyễn Văn Th và chị N có quan hệ tình cảm yêu đương. Chị N muốn chia tay nhưng Th không đồng ý nên xảy ra mâu thuẫn. Th đã dùng tay bóp cổ chị N cho đến khi chị N bất tỉnh rồi tự mình uống thuốc diệt cỏ. Khi Th tỉnh dậy, thấy chị N đã chết, Th tiếp tục tự chích điện và treo cổ nhưng không chết.

Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm q khoản 1 Điều 93; điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt Nguyễn Văn Th tù chung thân về tội “Giết người”. Sau khi xét xử sơ thẩm, Nguyễn Văn Th kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, xử phạt Nguyễn Văn Th 20 năm tù về tội “Giết người”.

Viện kiểm sát cấp phúc thẩm đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm hủy bản án phúc thẩm, giữ nguyên hình phạt tù chung thân đối với Nguyễn Văn Th.

Trong vụ án này, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội do mâu thuẫn tình cảm, bản thân bị cáo cũng có hành vi tự tước đoạt sinh mạng của mình nhưng không chết là ngoài ý muốn. Sau khi phạm tội, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tác động gia đình bồi thường đủ số tiền Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên; đại diện bị hại không yêu cầu tăng hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, hình phạt 20 năm tù mà Tòa án cấp phúc thẩm đã quyết định đối với Nguyễn Văn Th là phù hợp, không có căn cứ để tăng hình phạt đối với Th.

- Vụ án Dương Văn Y phạm tội “Giết người”.

Dương Văn Y và vợ là Nguyễn Thị K đang ở nhà thì Nguyễn Văn T đến đòi tiền nợ và phát sinh mâu thuẫn. Sau đó, trong lúc T ra ngoài gọi điện thoại thì K chuẩn bị gậy gỗ, Y chuẩn bị dao chờ T quay lại. Khi T quay lại tiếp tục đòi tiền rồi dùng vỏ chai bia ném Y thì K dùng vỏ chai bia ném T và dùng gậy gỗ đánh nhau với T còn Y dùng dao đâm T tử vong.

Tòa án sơ thẩm áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt Dương Văn Y 16 năm tù về tội “Giết người”. Sau khi xét xử sơ thẩm, Dương Văn Y kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; đại diện người bị hại kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với Y và xác định Nguyễn Thị K là đồng phạm với Y trong vụ án. Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của Dương Văn Y và đại diện người bị hại, giữ nguyên quyết định về tội danh và hình phạt của bản án sơ thẩm đối với Y.

Viện kiểm sát cấp phúc thẩm đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm để điều tra, xét xử lại, xử lý hình sự K với vai trò đồng phạm của Y và tăng hình phạt đối với Y.

Trong vụ án này, Tòa án hai cấp xử phạt Dương Văn Y 16 năm tù về tội “Giết người” là có phần nhẹ có thể chấp nhận được. Đối với K, Y và K là hai vợ chồng, Y đã bị xử lý hình sự nên việc không xử lý đối với K là phù hợp với chính sách hình sự. Vì vậy, không cần thiết phải kháng nghị giám đốc thẩm.

- Vụ án Nguyễn Văn Đ phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Thị B (chị gái của Đ) mua bán trái phép 02 bánh Heroin, tổng khối lượng là 671,6 gam.

Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm b khoản 4 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2, Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt Nguyễn Văn Đ tù chung thân về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (B đã bị xử phạt tù chung thân tại bản án khác). Sau khi xét xử sơ thẩm, Nguyễn Văn Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, xử phạt Đ 20 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Viện kiểm sát cấp phúc thẩm đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm theo hướng hủy Bản án hình sự phúc thẩm để xét xử phúc thẩm lại, tăng hình phạt đối với Nguyễn Văn Đ.

Trong vụ án này, Nguyễn Văn Đ đồng phạm với vai trò giúp sức cho B (B đã bị xử phạt tù chung thân), có nhiều tình tiết giảm nhẹ (đầu thú, thành khẩn khai báo). Do đó, hình phạt 20 năm tù mà Tòa án cấp phúc thẩm đã quyết định đối với Đ là phù hợp với vị trí, vai trò của các bị cáo trong vụ án.

Báo cáo đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm quá nhấn mạnh vào các tình tiết như khối lượng ma túy lớn, bỏ trốn trong thời gian dài, quá trình xét xử khai báo không thành khẩn về lần phạm tội thứ hai trong khi chưa đánh giá, phân tích các tình tiết giảm nhẹ khác như: Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Bộ Công an đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho Đ; hình phạt của Nguyễn Thị B; vị trí, vai trò của Đ trong vụ án có đồng phạm là chưa đầy đủ, khách quan.

*2.3. Một số bản án, quyết định của Tòa án có vi phạm nghiêm trọng nhưng không được phát hiện kịp thời để báo cáo đề nghị kháng nghị*

Qua kiểm sát các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của các Tòa án nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát nhân tối cao đã phát hiện vi phạm, kháng nghị giám đốc thẩm đối với một số vụ án và được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chấp nhận kháng nghị. Ngoài ra, thông qua hoạt động kiểm tra giám đốc, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đã kháng nghị giám đốc thẩm đối với nhiều bản án có vi phạm nghiêm trọng, điển hình là các vụ án sau:

- Vụ án Nông Văn P phạm tội “Giết người.

Trong vụ án này, Nông Văn P khởi xướng, rủ rê, chỉ huy các đồng phạm chuẩn bị hung khí và trực tiếp gây ra cái chết của anh M. P có nhân thân rất xấu, đã nhiều lần bị kết án, phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Tòa án cấp phúc thẩm xử phạt P tù chung thân, bằng hình phạt của S, là đồng phạm giúp sức không trực tiếp gây nên cái chết cho bị hại là không nghiêm, không phân hóa đúng trách nhiệm hình sự giữa các bị cáo.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa phúc thẩm không những không phát hiện được vi phạm của Tòa án, mà còn đề nghị giảm hình phạt cho Nông Văn P từ tử hình xuống tù chung thân là sai lầm nghiêm trọng trong áp dụng quy định của Bộ luật hình sự.

Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã mở phiên tòa giám đốc thẩm, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, hủy bản án hình sự phúc thẩm để xét xử phúc thẩm lại theo hướng tăng hình phạt đối với P.

- Vụ án Trần Thị H và đồng phạm về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Trần Thị H có hành vi lừa đảo chiếm đoạt của Ngân hàng A và các tổ chức, cá nhân khác với tổng số tiền là hơn 64 tỷ đồng và 600 chỉ vàng SJC. Trần Thị L giúp sức cho H trong việc chiếm đoạt số tiền 4,2 tỷ đồng của Ngân hàng A và 2 tỷ đồng của ông M.

Các bị cáo là cán bộ tín dụng thuộc Phòng giao dịch của Ngân hàng A không thẩm định thực tế nguồn gốc, giá trị tài sản thế chấp, định giá tài sản thế chấp không có căn cứ, cho vay vượt mức quy định; đồng thời cho H mượn lại tài sản thế chấp khi chưa giải chấp, gây thiệt hại cho Ngân hàng hơn 45 tỷ đồng.

Trong vụ án này, Tòa án không căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội của mỗi bị cáo đối với hậu quả gây ra để xác định cụ thể phần bồi thường của từng bị cáo và quyết định L phải bồi thường “sau khi H hết khả năng bồi thường” là không đúng quy định của pháp luật, gây khó khăn cho việc thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc các bị cáo là cán bộ tín dụng của Ngân hàng A phải cùng H liên đới bồi thường cho Ngân hàng A là sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật vì các bị cáo này không phải là đồng phạm với H về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, mà phạm tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”, nên không có trách nhiệm liên đới cùng H bồi thường số tiền mà H đã chiếm đoạt của Ngân hàng A.

Các vi phạm của Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm là rất nghiêm trọng nhưng Viện kiểm sát cấp sơ thẩm và phúc thẩm không phát hiện ra để kịp thời báo cáo đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm. Sau khi Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị giám đốc thẩm, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã quyết định hủy phần trách nhiệm dân sự trong bản án sơ thẩm và bản án phúc thẩm để xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

*2.4. Hình thức văn bản của một số báo cáo đề nghị kháng nghị không đúng Quy chế thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử hình sự hoặc không gửi kèm theo tài liệu liên quan.*

Theo mẫu số 23/XG ban hành kèm theo Quy chế Thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử hình sự, Viện kiểm sát đề nghị ngoài việc phân tích những vi phạm nghiêm trọng của bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật còn phải nêu rõ quan điểm của Viện kiểm sát đối với vi phạm. Tuy nhiên, qua theo dõi, vẫn còn có trường hợp báo cáo chưa nêu rõ quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị; Một số báo cáo đề nghị giám đốc thẩm không gửi kèm theo tài liệu và Bản án có hiệu lực pháp luật, cụ thể như sau:

- Báo cáo số 42 ngày 05/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh về vụ án Đỗ Quang Khôi phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” ở tỉnh Đồng Nai. Trong báo cáo, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh sau khi phân tích vi phạm đã đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm theo hai hướng: (1) hủy bản án sơ thẩm và phúc thẩm để truy tố, xét xử lại; (2) hủy bản án phúc thẩm, giữ nguyên bản án sơ thẩm là chưa rõ quan điểm giải quyết, khắc phục các vi phạm trong bản án đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

 - Báo cáo số 11/BC-VC1 ngày 30/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hà Nội đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm đối với vụ án Vũ Thị Nhàn phạm tội “Giết người” ở Yên Bái và Báo cáo số 36/VC3-V1 ngày 11/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm đối với vụ án Dương Văn Ý phạm tội “Giết người” ở tỉnh Cà Mau đều không gửi kèm bản án hình sự phúc thẩm.

 Các báo cáo này trước hết đã không thực hiện đúng mẫu báo cáo theo Quy chế của Ngành. Ngoài ra, việc báo cáo không rõ ràng, không gửi kèm tài liệu còn gây khó khăn trong việc yêu cầu Tòa án chuyển hồ sơ và nghiên cứu, đánh giá các vi phạm, định hướng giải quyết.

**3. Nguyên nhân của những hạn chế, tồn tại**

*Một là,* pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam chưa quy định cụ thể những trường hợp nào là “vi phạm nghiêm trọng trong việc giải quyết vụ án”. Việc đánh giá vi phạm chủ yếu phụ thuộc vào kinh nghiệm, trình độ nghiệp vụ của Kiểm sát viên và Lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân các cấp có thẩm quyền đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm. Ngoài ra, nhiều quy định của Bộ luật hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự còn có vướng mắc chưa được hướng dẫn, giải thích, dẫn đến việc nhận thức khác nhau giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc áp dụng, thi hành pháp luật.

*Hai là*, Lãnh đạo Viện và Kiểm sát viên ở một số Viện kiểm sát còn chưa coi trọng, chưa quyết liệt trong công tác kiểm sát bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án để phát hiện vi phạm và báo cáo đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm. Một số vụ án, Viện kiểm sát cấp tỉnh và Viện kiểm sát cấp cao không phát hiện được vi phạm để báo cáo ngay tới Viện kiểm sát nhân dân tối cao, kịp thời khắc phục vi phạm của Tòa án. Có trường hợp phát hiện ra vi phạm nhưng thời gian rất lâu sau khi bản án có hiệu lực pháp luật mới báo cáo đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm.

*Ba là*, trình độ năng lực, kinh nghiệm của một bộ phận Kiểm sát viên còn hạn chế. Kiểm sát viên thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử chưa nắm chắc các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và Quy chế thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử hình sự để phát hiện và báo cáo ngay với Lãnh đạo Viện về những vi phạm của Tòa án. Trong một số vụ án, Kiểm sát viên không phát hiện được vi phạm hoặc không đánh giá được mức độ “nghiêm trọng” của vi phạm để đề xuất Lãnh đạo viện có phương hướng xử lý chính xác. Một số Kiểm sát viên, Lãnh đạo các Viện kiểm sát còn có tâm lý cả nể, sợ ảnh hưởng tới chỉ tiêu, quan hệ giữa Kiểm sát viên và Thẩm phán, giữa Viện kiểm sát và Tòa án cùng cấp; chưa quyết liệt đôn đốc Tòa án chuyển bản án, quyết định đúng thời hạn.

*Bốn là*, số lượng các vụ án phải xét xử phúc thẩm là rất lớn so với biên chế, số lượng Kiểm sát viên của các Viện kiểm sát nhân dân cấp cao. Theo số liệu thống kê và báo cáo, hàng năm, ba Viện kiểm sát nhân dân cấp cao thụ lý và thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa phúc thẩm khoảng hơn 3.000 vụ án hình sự. Ngoài ra, các Kiểm sát viên còn phải tham gia xét xử các vụ án dân sự, hành chính, kinh doanh thương mại, hôn nhân gia đình, xét xử giám đốc thẩm các vụ án thuộc thẩm quyền. Vì vậy, việc kiểm sát, báo cáo sau xét xử phúc thẩm còn nhiều hạn chế, chưa kịp thời, đảm bảo tính chính xác, đầy đủ, thận trọng.

**III. MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG BÁO CÁO ĐỀ NGHỊ KHÁNG NGHỊ GIÁM ĐỐC THẨM**

Trên cơ sở đánh giá những ưu điểm, hạn chế, tồn tại trong việc báo cáo đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm của các Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao nhận thấy, để nâng cao chất lượng công tác này cần phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

*Thứ nhất,* Kiểm sát viên phải nắm vững nội dung vụ án, các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và những tình tiết phát sinh trong quá trình xét xử tại phiên tòa; theo dõi, ghi chép đầy đủ diễn biến phiên tòa; kiểm sát chặt chẽ biên bản phiên tòa và bản án, quyết định của Tòa án sau khi xét xử.

 *Thứ hai*, Kiểm sát viên phải nắm chắc các quy định của Bộ luật hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự, các văn bản hướng dẫn và Quy chế Thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử hình sự; phải hiểu rõ tinh thần của điều luật, hiệu lực của văn bản; thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật và quy chế của Ngành.

*Thứ ba,* Kiểm sát viên phải đáp ứng được yêu cầu về năng lực, trình độ; có tinh thần trách nhiệm trong công tác, làm đúng chức trách, nhiệm vụ được giao, giữ vững phẩm chất, đạo đức của người cán bộ Kiểm sát; không ngừng học tập, nghiên cứu để nâng cao trình độ, kinh nghiệm.

 *Thứ tư*, Lãnh đạo các Viện kiểm sát cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phải dành thời gian quan tâm, đôn đốc, kiểm tra việc báo cáo sau khi xét xử của Kiểm sát viên; kịp thời phát hiện và quyết định việc đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm.

 *Thứ năm*, báo cáo đề nghị kháng nghị phải phân tích các vi phạm, nhận định sai lầm của Tòa án; có nêu rõ quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị; hình thức báo cáo phải đảm bảo đúng quy chế của Ngành; phải gửi kèm theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

# CHUYÊN ĐỀ

# KINH NGHIỆM TRANH LUẬN, ĐỐI ĐÁP CỦA KIỂM SÁT VIÊN KHI THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ VÀ KIỂM SÁT XÉT XỬ CÁC VỤ ÁN NGHIÊM TRỌNG, PHỨC TẠP, DƯ LUẬN XÃ HỘI QUAN TÂM

## *Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng*

***1. Kinh nghiệm tranh luận, đối đáp nói chung***

Theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (BLTTHS) thì sau khi kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội (đối với phiên tòa sơ thẩm), Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về nội dung kháng cáo, kháng nghị (đối với phiên tòa phúc thẩm), để mở đầu cho hoạt động tranh tụng tại phiên tòa.

Điều 322 BLTTHS quy định:

*“Bị cáo, người bào chữa, người tham gia tố tụng khác có quyền trình bày ý kiến, đưa ra chứng cứ, tài liệu và lập luận của mình để đối đáp với Kiểm sát viên về những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định vô tội; tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; nhân thân và vai trò của bị cáo trong vụ án; những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt; trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp; nguyên nhân, điều kiện phạm tội và những tình tiết khác có ý nghĩa đối với vụ án. Bị cáo, người bào chữa, người tham gia tố tụng khác có quyền đưa ra đề nghị của mình.*

 *Kiểm sát viên phải đưa ra chứng cứ, tài liệu và lập luận để đối đáp đến cùng từng ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa. Người tham gia tranh luận có quyền đáp lại ý kiến của người khác.*

 *Chủ toạ phiên tòa không được hạn chế thời gian tranh luận, phải tạo điều kiện cho Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, bị hại, người tham gia tố tụng khác tranh luận, trình bày hết ý kiến nhưng có quyền cắt những ý kiến không liên quan đến vụ án và ý kiến lặp lại.*

*Chủ tọa phiên tòa yêu cầu Kiểm sát viên phải đáp lại những ý kiến của người bào chữa, người tham gia tố tụng khác mà những ý kiến đó chưa được Kiểm sát viên tranh luận”.*

Như vậy, hoạt động tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, phúc thẩm các vụ án hình sự vừa là quyền nhưng cũng là trách nhiệm của Kiểm sát viên.

Đối tượng tranh tụng của Kiểm sát viên là bị cáo, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác. Nội dung tranh tụng nhằm đối đáp lại những ý kiến của những người trên để bảo vệ quan điểm của Kiểm sát viên.

Vì vậy, có thể đánh giá hoạt động tranh tụng là một trong những hoạt động quan trọng nhất của Kiểm sát viên tại phiên tòa, thông qua việc đối đáp tranh luận với những ý kiến của bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác, Kiểm sát viên phải làm rõ được các căn cứ pháp lý của các quan điểm trong Luận tội, trong bài phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm hình sự trên cơ sở đó để Hội đồng xét xử xem xét quyết định chính xác đối với vụ án.

Để nâng cao chất lượng tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, phúc thẩm các vụ án hình sự, Kiểm sát viên phải nắm chắc các kỹ năng tranh tụng tại phiên tòa như: Kỹ năng nắm bắt, tổng hợp vấn đề; kỹ năng trình bày, thuyết trình vấn đề; kỹ năng vận dụng các quy định của pháp luật vào thực tế tranh tụng; kỹ năng xử lý tình huống; kỹ năng đối đáp; kỹ năng sử dụng ngôn ngữ cơ thể...

- Kỹ năng nắm bắt, tổng hợp vấn đề: Là kỹ năng đòi hỏi Kiểm sát viên phải ghi chép, hệ thống được đầy đủ tất cả các ý kiến tranh luận, bào chữa của bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác thành những nhóm vấn đề cùng nội dung. Trên cơ sở đó sử dụng những tài liệu, chứng cứ và kết quả xét hỏi đã được Hội đồng xét xử thẩm tra công khai tại phiên tòa làm căn cứ cho việc giải quyết từng vấn đề cần đối đáp.

- Kỹ năng vận dụng các quy định của pháp luật vào thực tế tranh tụng: Đòi hỏi Kiểm sát viên phải nắm chắc các quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn có liên quan đến nội dung tranh tụng. Từ đó vận dụng một cách phù hợp vào tình huống thực tế tại phiên tòa.

- Kỹ năng trình bày, thuyết trình và kỹ năng sử dụng ngôn ngữ cơ thể: Là hai kỹ năng mềm đòi hỏi Kiểm sát viên phải có sự rèn luyện để có được giọng nói dõng dạc, rõ ràng, có ngữ điệu, đồng thời biểu hiện về cử chỉ khi rắn rỏi, quyết liệt, khi mềm mỏng, nhẹ nhàng cho phù hợp với từng nội dung tranh tụng.

- Kỹ năng xử lý tình huống: Đòi hỏi Kiểm sát viên phải nhanh chóng đưa ra được các biện pháp, cách thức xử lý linh hoạt, phù hợp đối với từng tình huống phát sinh. Kiểm sát viên cần có một quá trình tích lũy kinh nghiệm, nếu chưa tham gia nhiều phiên tòa, Kiểm sát viên có thể học hỏi từ việc tham dự những phiên tòa của các Kiểm sát viên có kinh nghiệm để từ đó biết cách xử lý khi có tình huống tương tự xảy ra đối với chính mình.

Để hoàn thiện, nâng cao các kỹ năng tranh tụng trên Kiểm sát viên cần lưu ý những nội dung sau:

*Thứ nhất,* các Kiểm sát viên phải tự học tập để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nắm chắc các quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn dưới luật liên quan, học tập từ những Kiểm sát viên có kinh nghiệm đi trước, để từ đó tích lũy thành kỹ năng của mình, vận dụng một cách nhuần nhuyễn trên thực tế.

*Thứ hai,* các Kiểm sát viên cần thường xuyên rèn luyện kỹ năng diễn đạt, trình bày trước đám đông thông qua việc tham gia ý kiến trong các buổi họp án, các hoạt động nghiệp vụ hàng ngày tại đơn vị, để từ đó có được sự tự tin và khả năng trình bày vấn đề một cách thuyết phục.

*Thứ ba,* trước khi tham gia phiên tòa Kiểm sát viên phải nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án, làm tốt công tác trích cứu hồ sơ để có thể viện dẫn được những tài liệu, chứng cứ cần thiết trong quá trình xét hỏi và tranh tụng.

*Thứ tư,* Kiểm sát viên phải xây dựng được một kế hoạch xét hỏi khoa học, phù hợp, dự kiến trước được những tình huống có thể phát sinh tại phiên tòa cũng như cách thức, phương pháp xử lý các tình huống đó.

*Thứ năm*, Kiểm sát viên phải chủ động trong quá trình xét hỏi tại phiên tòa, làm rõ toàn bộ nội dung vụ án, nội dung kháng cáo, kháng nghị mà người bào chữa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác nêu ra nhằm làm sáng tỏ sự thật, ghi chép được đầy đủ quá trình xét hỏi để sử dụng làm căn cứ cho việc luận tội và tranh tụng sau đó.

Đối với các bị cáo bị Viện kiểm sát đề nghị áp dụng mức hình phạt cao, có thể sẽ phát sinh tâm lý chối tội, thay đổi lời khai hoặc đổ tội cho nhau để thoái thác trách nhiệm. Trong trường hợp này nếu Kiểm sát viên không có sự chuẩn bị tốt các phương án đối đáp thì sẽ gặp rất nhiều khó khăn trong quá trình tranh tụng. Vì vậy, một trong những việc quan trọng mà Kiểm sát viên cần lưu ý để chuẩn bị cho hoạt động tranh tụng là phải trích cứu, hệ thống được một cách khoa học các tài liệu, chứng cứ buộc tội đối với từng bị cáo mà Cơ quan điều tra đã thu thập được, đặc biệt là lời khai của các bị cáo về vai trò của bị cáo khác trong vụ án. Đồng thời trong quá trình xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa phải có phương pháp xét hỏi phù hợp, có thể xét hỏi các bị cáo có vai trò thấp hơn trong vụ án trước, qua đó vận động các bị cáo này khai báo thành khẩn để hưởng sự khoan hồng của pháp luật; đồng thời sử dụng lời khai của các bị cáo đó tại phiên tòa làm chứng cứ buộc tội, đấu tranh đối với các bị cáo đầu vụ, ngoan cố trong vụ án.

***2. Kinh nghiệm tranh luận, đối đáp trong một số vụ án cụ thể***

Trong số các vụ án được xét xử nêu trên, nổi bật lên một số vụ án nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm (vụ án điển hình) như sau:

*2.1. Vụ án thứ nhất:* *Cà Văn Cương và đồng phạm - Cướp tài sản*

- Nội dung vụ án: Khoảng 19 giờ ngày 22/7/2018, Cà Văn Cương (sinh ngày 16/5/2004) và Lò Văn Nam (sinh ngày 09/12/2000) đã sử dụng loại dao gọt hoa quả khống chế anh Nguyễn Văn Tân (lái xe công ty cổ phần vận tải Nguyễn Gia) trên xe taxi tại khu vực tổ 8, phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn nhằm mục đích cướp tài sản. Anh Tân đã chống cự lại nên giữa ba người xảy ra giằng co khiến anh Tân bị thương tích ở vùng môi, cánh tay trái và vùng nách. Sau đó, anh Tân mở cửa xe chạy ra ngoài hô hoán. Cương và Nam hoảng sợ, bỏ chạy khỏi hiện trường.

Ngày 20/3/2019, Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn xét xử các bị cáo Cà Văn Cương, Lò Văn Nam về tội Cướp tài sản, theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự (BLHS). Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 91; Điều 101 BLHS xử phạt Cà Văn Cương từ 30 tháng đến 36 tháng tù; Lò Văn Nam từ 48 tháng đến 54 tháng tù.

- Tình huống tranh luận, đối đáp:

Trợ giúp viên pháp lý có ý kiến: Thứ nhất, đề nghị coi tình tiết giảm nhẹ “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” là hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Thứ hai, đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ “phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn” theo điểm h khoản 1 Điều 51 BLHS.

Thứ ba, đề nghị áp dụng theo khoản 2 Điều 51 BLHS do các bị cáo sinh sống tại địa bàn miền núi đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật còn hạn chế, thuộc gia đình hộ nghèo.

Thứ tư, Viện kiểm sát đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo là quá cao.

- Tranh luận, đối đáp của Kiểm sát viên:

+ Về ý kiến thứ nhất: Kiểm sát viên đồng tình quan điểm của người bào chữa “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” là hai tình tiết giảm nhẹ nhưng hai tình tiết trên chỉ được quy định trong cùng một điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS và Kiểm sát viên đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho cả hai bị cáo.

+ Về ý kiến thứ hai: Không chấp nhận tình tiết giảm nhẹ “phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn”, vì thiệt hại là hậu quả của tội phạm bao gồm cả thiệt hại về vật chất và phi vật chất. Hậu quả vật chất là việc đã gây thương tích cho người bị hại, tổn thất về kinh tế... Hậu quả vi phi vật chất là ảnh hưởng đến an ninh trật tự, gây tâm lý hoang mang lo lắng, tạo dư luận xấu. Trong trường hợp này, cả hai bị cáo Nam và Cương đã sử dụng hung khí là dao để thực hiện việc cướp tài sản, đã gây thiệt hại về sức khỏe và kinh tế cho anh Tân, gây tổn thất về kinh tế đối với công ty cổ phần vận tải Nguyễn Gia, ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, gây tâm lý hoang mang trong dư luận trên địa bàn quận.

+ Về ý kiến thứ ba: Trong luận tội, Kiểm sát viên đã phân tích về nhân thân, hoàn cảnh gia đình, nhận thức pháp luật của các bị cáo và đã đề nghị Hội đồng xét xử cho cả hai bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 BLHS. Vì vậy Kiểm sát viên không tranh luận với người bào chữa về vấn đề này, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

+ Về ý kiến thứ tư: Đối với mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho từng bị cáo, Kiếm sát viên đề nghị trên cơ sở phân tích, tổng hợp, đánh giá toàn diện nội dung vụ án, tính chất, mức độ nguy hiểm và hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân từng bị cáo và các tình tiết làm căn cứ giảm nhẹ trách nhiệm hình sự... Do vậy, mức hình phạt của từng bị cáo mà Kiểm sát viên đã đề nghị là hoàn toàn phù hợp các quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

*2.2. Vụ án thứ hai:* *Nguyễn Văn Cường - Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*

- Nội dung: Ngày 05/12/2012, Nguyễn Văn Cường được điều động làm kế toán Trường THCS Hồng Phong, huyện An Dương. Từ tháng 01/2013 đến tháng 9/2015, Cường được nhà trường giao nhiệm vụ thu nộp tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp của tất cả cán bộ, giáo viên nhà trường nhưng bị cáo Cường đã thu mà không nộp tiền bảo hiểm bằng số tiền giáo viên đã nộp, điều chỉnh tăng thu của giáo viên biên chế nộp với số tiền chiếm đoạt là 351.386.445 (trong đó số tiền lãi chậm nộp là 22.997.445 đồng) để sử dụng vào mục đích cá nhân.

Ngày 23/8/2018, Tòa án nhân dân huyện An Dương xét xử Nguyễn Văn Cường về tội Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản theo điểm c, d khoản 2 Điều 355 BLHS.

- Tình huống tranh luận, đối đáp:

Luật sư có ý kiến: Thứ nhất, bị cáo không phạm tội Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản. Bởi trong Quyết định phân công nhiệm vụ của Ban giám hiệu nhà trường chỉ phân công bị cáo có nhiệm vụ thu tiền của các giáo viên trong biên chế để đóng bảo hiểm xã hội cho các giáo viên này, không phân công bị cáo có nhiệm vụ thu tiền bảo hiểm của các giáo viên hợp đồng.

Thứ hai, trong quá trình điều tra, ngay từ giai đoạn ban đầu Cơ quan điều tra đã quy chụp cho bị cáo phạm tội Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản là không khách quan. Được thể hiện trong báo cáo đề xuất của Điều tra viên về việc giải quyết vụ án.

Thứ ba, bị cáo không chiếm đoạt tài sản. Bởi số tiền thu được, bị cáo không đóng bảo hiểm xã hội là do sự chỉ đạo của Hiệu trưởng nhà trường dùng để chi những việc công của nhà trường.

Thứ tư, theo quy định của BLTTHS thì việc khám xét nơi ở phải có mặt của bị cáo. Tuy nhiên, khi Cơ quan điều tra khám xét nơi ở, không có mặt bị cáo và trong biên bản khám xét cũng không nêu lý do không có mặt của bị cáo. Sau khi khám xét, bị cáo đã bị mất số tiền 300.000.000 đồng để trong tủ và đề nghị Hội đồng xét xử làm rõ.

- Tranh luận, đối đáp của Kiểm sát viên:

+ Về ý kiến thứ nhất: Trong Quyết định phân công nhiệm vụ của Ban giám hiệu nhà trường chỉ nêu bị cáo có nhiệm vụ thu tiền của các giáo viên trong biên chế để đóng bảo hiểm xã hội cho các giáo viên này. Tuy nhiên, trong cuộc họp Hội đồng giáo dục nhà trường đã giao nhiệm vụ cho bị cáo Cường thu tiền của các giáo viên hợp đồng để đóng bảo hiểm xã hội cho các giáo viên này. Tuy nhiên, sau thu tiền của những giáo viên, bị cáo không đóng bảo hiểm xã hội mà đã sử dụng vào mục đích cá nhân. Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 352 BLHS năm 2015 thì bị cáo là người có chức vụ. Do đó, việc Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

+ Về ý kiến thứ hai: Báo cáo đề xuất của Điều tra viên chỉ là văn bản hành chính trong nội bộ cơ quan điều tra, thể hiện quan điểm của Điều tra viên về việc giải quyết vụ án sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ. Quan điểm của Cơ quan điều tra được thể hiện trong bản kết luận điều tra. Việc đánh giá tội danh của bị cáo dựa trên các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, việc Luật sư có quan điểm Cơ quan điều tra quy chụp bị cáo phạm tội Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản là không khách quan là không có căn cứ.

+ Về ý kiến thứ ba: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay không có cơ sở. Bởi tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện sau khi thu được tiền của các giáo viên hợp đồng để đóng bảo hiểm xã hội cho họ, bị cáo đã không đóng bảo nhiểm xã hội mà sử dụng để chi tiêu cá nhân, chi tiêu sinh hoạt gia đình. Tại phiên tòa Hiệu trưởng nhà trường cũng xác nhận việc không chỉ đạo bị cáo dùng số tiền này chi công việc của nhà trường và thực tế bị cáo không sử dụng số tiền này vào việc chi những công việc của nhà trường.

+ Về ý kiến thứ tư: Việc khám xét khám xét không có mặt của bị cáo và trong biên bản khám xét không nêu lý do không có mặt của bị cáo, vấn đề này Viện kiểm sát đã có kiến nghị đối với Cơ quan điều tra. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo đã có đơn và đã được các Cơ quan tiến hành tố tụng trả lời theo đúng quy định pháp luật. Bị cáo không có mặt khi khám xét nhưng khi khám xét có đầy đủ các thành phần như Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Hiệu trưởng nhà trường, Chủ tịch công đoàn nhà trường, đại diện chính quyền địa phương thể hiện trong quá trình khám xét không thu được tiền. Do đó, việc bị cáo nói sau khi bị cáo khám xét, bị cáo bị mất 300.000.000 đồng để trong tủ là không có căn cứ.

Kết quả: Hội đồng xét xử đã tuyên bị cáo Nguyễn Văn Cườngvề tội Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản theo điểm c, d khoản 2 Điều 355 BLHS như Viện kiểm sát đã truy tố.

*2.3. Vụ án thứ ba: Nguyễn Việt Linh và đồng phạm - Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*

- Nội dung: Hồi 0 giờ 30 phút ngày 11/12/2016 tại quán Karaoke Sao số 188 Hai Bà Trưng, phường An Biên, quận Lê Chân, Phòng PC47 - Công an thành phố Hải Phòng phối hợp cùng lực lượng chức năng phát hiện tại các Phòng Vip 3, Vip 4 có nhiều khách hát đang sử dụng trái phép chất ma túy, thu tại các phòng hát nêu trên và phòng ngủ của vợ chồng Đỗ Hồng Hạnh, Nguyễn Thanh Việt (chủ quán) có các dụng cụ để sử dụng ma túy và số lượng ma túy lớn (Methamphetamine và MDMA).

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đã ban hành Cáo trạng truy tố các bị can: Đỗ Hồng Hạnh về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 194 và tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, theo quy định điểm b khoản 2 Điều 197 BLHS năm 1999; Đặng Đức Duy về tội Mua bán trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 BLHS năm 1999; Nguyễn Văn Đạt, Nguyễn Việt Linh và Hoàng Anh Khoa về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 197 BLHS năm 1999. Bị can Nguyễn Thanh Việt bỏ trốn, Cơ quan điều tra ra lệnh truy nã.

- Tình huống tranh luận, đối đáp:

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 17/4/2019, các bị cáo Đỗ Hồng Hạnh, Đặng Đức Duy, Nguyễn Văn Đạt vẫn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng, bị cáo Hoàng Anh Khoa vẫn khai nhận hành vi của mình nhưng bị cáo cho rằng hành vi của bị cáo không phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, bị cáo Nguyễn Việt Linh không thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

- Tranh luận, đối đáp của Kiểm sát viên:

Ngay từ giai đoạn chuẩn bị xét xử, Kiểm sát viên đã dự kiến tình huống các bị cáo, người làm chứng phản cung để dự kiến phương án xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa.

Tại phần xét hỏi, khi các bị cáo Linh, Khoa phản cung, những người làm chứng Nguyện, Đạt (nhân viên của quán karaoke, tại giai đoạn điều tra đã khai về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo Linh) thay đổi lời khai và nêu lý do bị Điều tra viên ép cung, mớm cung, Kiểm sát viên đã công bố lời khai và bản tự khai của các bị cáo, người làm chứng tại giai đoạn điều tra, báo cáo của các đồng chí Điều tra viên thể hiện việc điều tra khách quan, đúng quy định của BLTTHS, để từ đó đưa ra lập luận bác lời khai của các bị cáo, người làm chứng tại phiên tòa.

Tại phần tranh tụng, Kiểm sát viên tiếp tục dùng các chứng cứ tại giai đoạn điều tra như: trích dẫn các bút lục về biên bản ghi lời khai, bản tự khai của các bị cáo, của những người làm chứng phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang, vật chứng thu được, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ mà Kiểm sát viên đã công bố tại phần xét hỏi để buộc tội các bị cáo và đối đáp với ý kiến của các bị cáo Linh, Khoa và luật sư cho rằng các bị cáo trên không phạm tội như Viện kiểm sát truy tố. Kết quả: Hội đồng xét xử đã tuyên các bị cáo Nguyễn Việt Linh và Hoàng Anh Khoa phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 197 BLHS như Viện kiểm sát đã truy tố.

*2.4. Vụ án thứ tư: Phạm Đức Công và đồng phạm - Mua bán trái phép chất ma túy*

- Nội dung: Khoảng 01 giờ 15 phút ngày 17/4/2018 tại tầng 1, nhà nghỉ Moment, số 11, đường 2, lô 7 Quán Nam, phường Kênh Dương, quận Lê Chân, Phòng PC45 - Công an thành phố Hải Phòng phối hợp với Công an quận Hồng Bàng phát hiện bắt quả tang Phạm Đức Công (nguyên là cán bộ công an phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng) đang tàng trữ 504,33 gam Ketamine nhằm mục đích bán trái phép, nhưng chưa kịp bán thì bị bắt.

Tài liệu điều tra xác định, Phạm Quốc Việt (nguyên là cán bộ thuộc đội 3 PC 04 - Công an thành phố Hải Phòng) có hành vi chiếm đoạt 5.752,68 gam Ketamine là vật chứng do đội 3 quản lý, nhằm mục đích bán lấy tiền chi tiêu, Việt đem số ma túy trên cất giấu tại nhà trọ của Việt và bạn gái là Bùi Thị Quyên. Đêm 16 rạng sáng 17/4/2018, Việt đã đưa cho Phạm Đức Công 504,33 gam Ketamine mang đi bán thì bị Phòng PC45 phát hiện bắt quả tang. Bùi Thị Quyên có hành vi biết Việt cất giấu Ketamine. Ngoài ra, do sống cùng Việt nên Quyên biết Việt và Công có quan hệ mua bán ma túy với nhau, biết Việt 02 lần đưa ma túy cho Công thử để bán nhưng Quyên không đi trình báo Cơ quan công an. Trần Thị Ngọc Anh (bạn gái của Công) có hành vi biết Việt và Công có quan hệ mua bán ma túy với nhau, biết số ma túy Công bị thu giữ là của Việt đưa cho Công, nhưng không trình báo cơ quan Công an.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đã ban hành Cáo trạng truy tố các bị can: Phạm Quốc Việt, Phạm Đức Công về tội Mua bán trái phép chất ma túy quy định tại điểm e khoản 4 Điều 251 BLHS; các bị can Bùi Thị Quyên, Trần Thị Ngọc Anh về tội Không tố giác tội phạm quy định tại khoản 1 Điều 390 BLHS.

- Tình huống tranh luận, đối đáp:

Tại Cơ quan điều tra, Phạm Quốc Việt, Bùi Thị Quyên, Trần Thị Ngọc Anh khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình, riêng Phạm Đức Công chỉ khai nhận biết túi nilon màu đen Việt đưa cho Công cầm là ma túy, không thừa nhận Việt đưa ma túy cho Công để mang đi bán. Do đó, tại giai đoạn chuẩn bị xét xử Kiểm sát viên đã dự liệu tình huống: bị cáo Công tiếp tục không nhận tội, bị cáo Việt thay đổi lời khai để đề ra phương án xét hỏi và tranh luận phù hợp.

Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Phạm Quốc Việt khai khi chiếm đoạt ma túy chưa biết để làm gì, số ma túy đưa cho Công là nhờ cầm hộ, không phải để bán. Ngoài ra, Việt còn mang ma túy đến gửi 05 người người bạn (có tên và địa chỉ cụ thể). Xét thấy, đây là tình tiết mới phát sinh tại phiên tòa, mặt khác bị cáo Công phạm tội có mức án cao nhất (tử hình) nên cần điều tra bổ sung để làm rõ mục đích phạm tội của bị cáo và hành vi phạm tội của các đối tượng có liên quan. Do đó, Kiểm sát viên đã đề nghị Hội đồng xét xử cho rút hồ sơ để điều tra bổ sung.

Kết quả điều tra bổ sung: Phạm Hữu Vương, Nguyễn Giang Anh, Bùi Văn Tuấn, Phạm Phương Dung và Nguyễn Thị Hạnh Châm khai nhận có quen biết Phạm Quốc Việt do trước đây cùng trong Câu lạc bộ xe mô tô Exciter. Vương, Giang Anh, Tuấn, Dung, Châm đều khẳng định không nhận các túi đồ gì do Việt gửi, ngoài ra những người nêu trên còn khai trước và sau ngày Việt bị xét xử, mẹ của Việt là bà Nguyễn Thị Hiển có gọi điện và nhắn tin cho họ hỏi về việc Việt có gửi balo đồ ở chỗ họ không? Nếu có ai hỏi thì nói là Việt có gửi. Cơ quan điều tra đã tổ chức đối chất giữa Việt với Vương, Tuấn, Giang Anh, Dung, Châm, kết quả những người trên đều khẳng định họ không nhận cất giữ bất cứ thứ gì do Việt gửi như Việt đã khai.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm (sau khi có kết quả điều tra bổ sung), bị cáo Công vẫn không nhận hành vi mua bán ma túy, bị cáo Việt vẫn khai như tại phiên tòa lần trước. Luật sư bào chữa cho bị cáo Công cho rằng bị cáo Công không phạm tội mua bán trái phép chất ma túy, bị cáo Việt chỉ phạm tội chiếm đoạt chất ma túy.

- Tranh luận, đối đáp của Kiểm sát viên:

Khi tiến hành tranh luận, Kiểm sát viên đã trích dẫn các bút lục về lời khai của các bị cáo Việt, Quyên, Ngọc Anh tại giai đoạn điều tra, lời khai của các bị cáo Quyên, Ngọc Anh tại phiên tòa và các tin nhắn trên điện thoại của bị cáo Việt, Quyên trao đổi về việc bị cáo Việt 02 lần đưa ma túy cho bị cáo Công đem cho khách thử trước khi bán, tin nhắn trên điện thoại của bị cáo Việt và Công thực hiện việc Việt gửi hình ảnh các túi nilon chứa Ketamine cho bị cáo Công, bị cáo Công nhắn tin cho bị cáo Việt địa chỉ khách sạn nơi bị cáo Công mang ma túy đến bán và bị bắt tại đó; lời khai của những người làm chứng (05 người bạn của Việt) về việc Việt không mang ma túy đến gửi ở chỗ họ như lời khai của Việt, vật chứng thu giữ là ma túy, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án để đối đáp với quan điểm của luật sư và bị cáo. Kết quả: Hội đồng xét xử đã xét xử các bị cáo theo tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố.

*2.5. Vụ án thứ năm: Nguyễn Văn Cường - Lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản*

Nội dung vụ án (đã nêu tại tiểu mục 2.2.2 trên).

- Tình huống tranh luận, đối đáp:

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Cường kháng cáo kêu oan. Trước khi xét xử phúc thẩm, Kiểm sát viên đã xây dựng đề cương xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, dự liệu hết các tình huống mà bị cáo cũng như 06 Luật sư bào chữa cho bị cáo nêu ra.

Ngày 02 và 03/5/2019, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm đối với bị cáo Nguyễn Văn Cường về tội Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản theo điểm c, d khoản 2 Điều 355 BLHS.

Tại phiên tòa, bị cáo và Luật sư cho rằng: Thứ nhất, bị cáo không được giao nhiệm vụ thu bảo hiểm xã hội.

Thứ hai, bị cáo không có chức vụ, quyền hạn.

Thứ ba, bị cáo thừa nhận đã thu đầy đủ về số tiền đóng bảo hiểm xã hội của 15 giáo viên hợp đồng nhưng bị cáo không chiếm đoạt số tiền này mà do bị cáo thu để chi tiêu cho các hoạt động của nhà trường và cá nhân ông Vũ Văn Độ (nguyên Hiệu trưởng trường THCS Hồng Phòng và bà Vinh - vợ ông Độ).

Thứ tư, bị cáo khai bị thất lạc 300.000.000 đồng, một quyển sổ và các tài liệu tại phòng làm việc trường THCS Hồng Phong khi Công an khám xét.

- Tranh luận, đối đáp của Kiểm sát viên:

+ Về ý kiến thứ nhất là không có căn cứ. Vì căn cứ vào Phiếu tuyển dụng công chức thể hiện: ngày 05/12/2012, bị cáo được điều động làm kế toán của trường THCS Hồng Phong. Căn cứ vào các Biên bản họp như: tại Biên bản họp Hội đồng nhà trường vào ngày 04/01/2013 thể hiện: bàn giao thủ tục giấy tờ cho đồng chí Cường làm thu nộp bảo hiểm cho giáo viên làm cộng tác viên. Biên bản họp Hội đồng giáo viên ngày 21/9/2013: phân công như phân công nhiệm vụ năm học cho giáo viên 2013-2014, đồng chí Cường thu nộp bảo hiểm xã hội cho giáo viên. Biên bản họp Hội đồng giáo viên ngày 25/9/2014: đồng chí Cường kế toán, cộng tác viên bảo hiểm, thu nộp bảo hiểm cho giáo viên hợp đồng. Biên bản họp Hội đồng giáo viên ngày 10/9/2015 thì đồng chí Cường được giao thu nộp bảo hiểm cho giáo viên hợp đồng. Căn cứ vào xác minh tại Cơ quan Bảo hiểm xã hội huyện An Dương ngày 27/02/2017 thể hiện: từ 01/01/2013, việc thanh tra quyết toán tại bảo hiểm xã hội do ông Cường được cấp trên điều về làm kế toán. Đồng thời căn cứ lời khai của Cường (tại bản tường trình có Kiểm sát viên và Luật sư tham gia thì Cường khai được giao nhiệm vụ thu bảo hiểm xã hội cho các giáo viên, được giao trong các Biên bản họp Hội đồng); lời khai của ông Vũ Văn Độ thể hiện: đã giao cho ông Cường thu nộp tiền bảo hiểm xã hội của các giáo viên nhà trường. Nếu Nhà trường không giao thì không có giáo viên nào đi nộp tiền cho Cường đóng bảo hiểm xã hội; lời khai của các giáo viên về việc Cường được giao nhiệm vụ thu bảo hiểm như: lời khai của các chị Đào Thị Dung, Trần Thị Phương, Trần Thị Minh Hòa…

+ Về ý kiến thứ hai, Kiểm sát viên đối đáp trên cơ sở căn cứ vào đơn xin chuyển công tác về trường THCS Hồng Phong và tiếp nhận; căn cứ Quyết định số 1576 ngày 05/12/2012 của Chủ tịch UBND huyện An Dương về việc chuyển đổi vị trí công tác đối với viên chức. Căn cứ Danh sách cán bộ, giáo viên trường THCS Hồng Phong do ông Vũ Văn Độ ký ngày 09/10/2016: Nguyễn Văn Cường ở số thứ tự 43 danh sách. Căn cứ Công văn số 64 ngày 27/12/2016 của trường THCS Hồng Phong do ông Vũ Văn Độ, bà Trần Thị Thanh Huệ - Ban chấp hành công đoàn trường, ông Nguyễn Mạnh Hùng - Trưởng ban thanh tra nhân dân ký ngày 27/12/2016 với nội dung: Từ tháng 01/2013 trường THCS thay đổi kế toán, ông Nguyễn Văn Cường được điều động theo quyết định của huyện An Dương làm kế toán THCS Hồng Phong. Được giao nhiệm vụ cộng tác viên thu, nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho cán bộ, giáo viên của trường và thanh toán bảo hiểm theo chế độ hiện hành. Căn cứ Biên bản làm việc giữa Điều tra viên Nguyễn Đức Tân và Phòng nội vụ huyện An Dương ngày 11/12/2017 thể hiện: Đơn vị sự nghiệp do ngân sách Nhà nước cấp toàn bộ hoặc một phần chi phí hoạt động trực thuộc UBND huyện gồm Trường Trung học cơ sở Hồng Phong.

Theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 1 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2012 thì người có chức vụ, quyền hạn là *“d. Người được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ có quyền hạn trong khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ đó”.*

Như vậy, với quy định trên thì Cường là người có chức vụ, quyền hạn, trực tiếp giữ chức vụ kế toán của Trường THCS Hồng Phong. Ngoài việc được giao nhiệm vụ công tác chuyên môn nghiệp vụ tài chính, kế toán thì Cường còn được giao thực hiện nhiệm vụ thu nộp các khoản tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của tất cả cán bộ, giáo viên nhà trường.

+ Về ý kiến thứ ba: Căn cứ lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra (thừa nhận toàn bộ số tiền thu bảo hiểm, bị cáo sử dụng vào việc mua đồ dùng gia đình và chi tiêu cá nhân, trong đó có bút lục 200, 204 có Kiểm sát viên, Luật sư tham gia); lời khai của những người làm chứng thể hiện: Cường đã tiếp nhận và giữ chức vụ kế toán của nhà trường từ tháng 01/2013 cho đến nay. Nhà trường đã giao toàn bộ công tác chuyên môn nghiệp vụ tài chính, kế toán của nhà trường cho anh Cường thực hiện theo quy định pháp luật.

+ Về ý kiến thứ tư: Căn cứ vào lời khai của Điều tra viên, Kiểm sát viên, những người tham gia chứng kiến khám xét (cụ thể lời khai của cán bộ điều tra Trần Trung Kiên, Điều tra viên Nguyễn Thế Sơn, Kiểm sát viên Tăng Văn Lanh, những người tham gia chứng kiến khám xét là ông Vũ Văn Độ, chị Trần Thị Thanh Huệ, ông Nguyễn Văn Thiệu - Công an viên xã) và lời khai của những người này tại phiên tòa phúc thẩm đều khẳng định: chỉ thu giữ các giấy tờ bảo hiểm của các giáo viên hợp đồng, không có tiền mặt hay sổ ghi chép cá nhân như bị cáo đã khai nên ý kiến này của bị cáo không có cơ sở.

Kết quả: Hội đồng xét xử đã chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

*2.6. Vụ án thứ sáu: Hoàng Thị Thanh Nhàn - Cố ý gây thương tích*

- Nội dung: Khoảng 09 giờ ngày 12/8/2017, tại nhà của Hoàng Thị Thanh Nhàn ở số 402 Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền; Nhàn đã có hành vi dùng thanh sào tre đầu có gắn thanh kim loại đâm vào mắt trái ông Nguyễn Quốc Cường làm tổn hại 33% sức khỏe.

Ngày 19 và 20/9/2020, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm đối với bị cáo Hoàng Thị Thanh Nhàn về tội Cố ý gây thương tíchtheo điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS.

Do bị cáo kháng cáo kêu oan và thuê 02 Luật sư bào chữa cho bị cáo. Bị hại có mời Trợ giúp viên pháp lý tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp nên trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đã nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án, dự kiến đề cương xét hỏi chi tiết và dự kiến đầy đủ, chính xác các tình huống cần tranh luận với bị cáo, Luật sư, Trợ giúp viên pháp lý tại phiên tòa.

- Tình huống tranh luận, đối đáp:

Luật sư bào chữa cho bị cáo có ý kiến: Thứ nhất, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã sử dụng và chấp nhận các tài liệu được viết thêm, sửa chữa và thêm bớt nội dung biên bản hiện trường làm chứng cứ đánh giá xác định sự thật khách quan của vụ án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Về công tác khám nghiệm hiện trường không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 201 BLTTHS.

Thứ hai, những vi phạm pháp luật của các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã dẫn đến kết luận giám định sai sự thật, phản khoa học được chứng minh tại phiên tòa sơ thẩm nhưng Hội đồng xét xử sơ thẩm cố tình chấp nhận để kết án oan cho bị cáo.

Thứ ba, việc đánh giá và xử lý chứng cứ là lời khai chưa khách quan, toàn diện khi lời khai của người bị hại, người làm chứng và bị can đều mâu thuẫn với nhau.

- Tranh luận, đối đáp của Kiểm sát viên

+ Về ý kiến thứ nhất: Ý kiến Luật sư đưa ra không có căn cứ vì Biên bản hiện trường lập hồi 9 giờ ngày 12/8/2017 do Công an phường lập với thành phần là ông Khúc Thành Đông, Phó trưởng Công an phường, Lê Hoàng Anh - cán bộ phường, người chứng kiến Nguyễn Thị Dung (vợ bị hại). Mặc dù biên bản này có sai sót là xóa số 8 và không cho người chứng kiến ký xác nhận chỉnh sửa. Nhưng do đây là biên bản lập ban đầu, sau này khi khởi tố vụ án ngày 14/3/2018, thì Cơ quan điều tra đã dựng lại hiện trường có sự tham gia của Kiểm sát viên và các thành phần đúng theo quy định tại Điều 201 BLTTHS 2015.

+ Về ý kiến thứ hai: Các Kết luận giám định đều được ban hành bởi cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật giám định tư pháp, giám định lần 1 ngày 14/9/2017, giám định bổ sung vào ngày 06/10/2017 của Trung tâm Pháp y Hải Phòng. Giám định lại tại Viện pháp y quốc gia. Trình tự, thủ tục giám định theo đúng Điều 211 BLTTHS 2015 (khoản 1 Điều 211 quy định: việc giám định lại do người khác thực hiện). Viện pháp y quốc gia có công văn số 01 ngày 05/4/2019 gửi Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền thể hiện: kíp giám định đã tiến hành nghiên cứu hồ sơ, thăm khám lâm sàng, chỉ định khám chuyên khoa mắt và tiến hành hội chẩn chuyên gia đầu ngành để xác định tổn thương cơ thể Nguyễn Quốc Cường là khoa học, khách quan. Hơn nữa, các Giám định viên của Trung tâm Pháp y Hải Phòng và Viện pháp y quốc gia có mặt tại phiên tòa phúc thẩm đều khẳng định việc giám định được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Họ chịu trách nhiệm trước pháp luật và hành vi và quyết định của mình.

+ Về ý kiến thứ ba: Căn cứ lời khai ban đầu của bị cáo tại giai đoạn điều tra thừa nhận giữa bị cáo và bị hại có giằng thanh sắt nhưng do cây sắt dài nên văng vào mắt trái ông Cường. Sau đó, bị cáo Nhàn thay đổi lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm đều khai chỉ có việc giằng co thanh sắt giữa bị cáo với ông Cường, do lực đẩy của Nhàn mạnh hơn nên phần đầu thanh sắt văng vào vùng mặt ông Cường. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của người làm chứng, bị hại đều xác nhận có việc bị cáo cầm cây sào tre trên đầu có gắn thanh sắt đâm về phía bên trái ông Cường vào phần từ háng xuống chân. Các Kết luận giám định của Trung tâm Pháp y Hải Phòng và Viện pháp y quốc gia đều khẳng định thanh kim loại mà bị cáo Nhàn cầm là hung khí gây ra thương tích tại mắt cho ông Cường. Vì vậy, xét lời khai của bị cáo, bị hại, những người làm chứng đều khẳng định việc xô sát dẫn đến thương tích của bị hại chỉ có bị cáo và bị hại tham gia. Ngoài ra, không có ai khác tham gia vào sự việc xô sát trên nên có thể khẳng định thương tích của bị hại là do chính bị cáo gây ra nên bị cáo phải chịu TNHS về hành vi của mình.

Kết quả: Hội đồng xét xử đã chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

# CHUYÊN ĐỀ

# KINH NGHIỆM TRANH LUẬN, ĐỐI ĐÁP CỦA KIỂM SÁT VIÊN KHI THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ VÀ KIỂM SÁT XÉT XỬ CÁC VỤ ÁN NGHIÊM TRỌNG, PHỨC TẠP, DƯ LUẬN XÃ HỘI QUAN TÂM

## *Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình*

Đứng trước quá trình cải cách tư pháp và các quy định mở của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 về vị trí, vai trò và việc tham gia tố tụng hình sự của người bào chữa nhằm thực hiện nguyên tắc “*Tranh tụng trong xét xử được đảm bảo*”; sự phát triển của xã hội, kéo theo sự phát triển về trình độ dân trí nên nhận thức cũng như nhu cầu nhờ người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình của những người bị buộc tội ngày càng nhiều. Do vậy, ngày càng xuất hiện nhiều những vụ án có luật sư tham gia bào chữa cho người bị buộc tội. Trong khi, Bộ luật tố tụng hình sự, không quy định cụ thể số lượng các luật sự tham gia bào chữa cho 01 người bị buộc tội nên thực tế có những vụ án, có hàng chục luật sư tham gia bào chữa cho 01 bị cáo, gấp nhiều lần so với số lượng Kiểm sát viên tham gia xét xử tại phiên toà. Với số lượng nhiều luật sư tham gia bào chữa cho một bị cáo nên luật sư có lợi thế trong làm việc nhóm. Do vậy, Kiểm sát viên phải chuẩn bị tốt cho mình những kỹ năng, phương pháp tranh tụng, giúp Kiểm sát viên tự tin, xử lý tốt, đúng quy định của tố tụng hình sự đối với các tình huống phát sinh tại phiên toà và bảo vệ thành công Cáo trạng.

Đối với VKSND tỉnh Hòa Bình, trong thời gian qua đã thụ lý giải quyết một số vụ án nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm (*như vụ án Hoàng Công Lương; vụ gian lận thi cử;các vụ án ma túy lớn đặc biệt nghiêm trọng do VKSNDTC phân công xét xử…*), các vụ án này thường có 02 KSV được phân công THQCT và KSXX nhưng có những vụ án có đến 30 luật sư tham gia bào chữa cho người bị buộc tội. Trong đó, có những vụ án diễn ra gần như đầy đủ các tình huống tố tụng về tranh tụng được quy định trong BLTTHS *(nhưcông bố tài liệu, chứng cứ; hỏi người giám định; tham vấn ý kiến của chuyên gia; yêu cầu Điều tra viên trình bày ý kiến; phát sinh chứng cứ mới bao gồm cả chứng cứ là dữ liệu điện tử; trở lại việc xét hỏi…*), khi tranh tụng có 1 số luật sư đã viện dẫn không đầy đủ, sai lệch chứng cứ, lợi dụng những thiếu sót trong quá trình tố tụng hoặc lập luận sơ hởcủa Kiểm sát viên để khoét sâu, đẩy cao nhằmthu hút sự chú ý của dư luận, khiến cho KSV mất bình tĩnh, tranh luận không đúng trọng tâm. Tuy nhiên, trải qua các phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm xét xử đối với các vụ án phức tạp, dư luận quan tâm, chất lượng tranh tụng của KSV đã phần nào đáp ứng được yêu cầu, Kiểm sát viên đã xử lý chính xác các tình huống phát sinh trong giai đoạn tranh tụng;bảo vệ thành công cáo trạng hoặc thẳng thắn tiếp thu ý kiến của luật sư để đề nghị trả hồ sơ điều tra bổ sung.

Có được kết quả nêu trên, trước hết là do Lãnh đạo đơn vị đã sát sao trong công tác quản lý, chỉ đạo hoạt động tranh tụng như việc thành lập Tổ giúp việc để hỗ trợ về chuyên môn, nghiệp vụ cho KSV trước và trong phiên tòa; trước khi xét xử và sau mỗi buổi xét xử tổ chức họp đánh giá lại hệ thống chứng cứ buộc tội, gỡ tội cũng như dự kiến các tình huống phát sinh tại phiên tòa để định hướng tranh tụng cho KSV; thường xuyên theo dõi diễn biến phiên tòa thông qua hệ thống trực tuyến để có ý kiến chỉ đạo kịp thời; phối hợp tốt với các CQTHTT và các cơ quan liên quan để giúp KSV củng cố chắc về chuyên môn, kiến thức, kinh nghiệm (*như phối hợp để KSV được trực tiếp trao đổi và làm việc với các cơ quan giám định; các chuyên gia về hóa học, y tế…*); triển khai việc áp dụng công nghệ thông tin, thực hiện công bố chứng cứ bằng hình ảnh khi KSV luận tội hoặc tranh tụng. Bên cạnh các giải pháp nêu trên thì kỹ năng, kinh nghiệm tranh tụng của KSV cũng đóng vai trò quan trọng, quyết định chất lượng tranh tụng.

Thực hiện Chỉ thị CTKS năm 2020 của Viện trưởng VKSND Tối cao về đa dạng hình thức đào tạo nhằm nâng cao, trình độ năng lực cho đội ngũ cán bộ, KSV. Ngay từ đầu năm Lãnh đạo VKSND tỉnh Hòa Bình đã yêu cầu các phòng nghiệp vụ tiến hành tổng kết, đúc rút kinh nghiệm từ thực tếgiải quyết các vụ án phức tạp, dư luận xã hội quan tâm để tập huấn, phổ biến kinh nghiêm cho các đơn vị cấp huyện, thành phố. Trên cơ sở đó, VKSND tỉnh Hòa Bình xin được CHUYÊN ĐỀ những kinh nghiệm tranh tụng của KSV đối với các tình huống cụ thể phát sinh thực tế tại phiên tòa khi xét xử các vụ án nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm nhằm trao đổi, thảo luận, nâng cao kỹ năng tranh trụng cho KSV, cụ thể như sau:

**I. Phương pháp tranh tụng**

1. Đối với vụ án có nhiều luật sư, KSV cần tranh luận theo từng bị cáo và từng nội dung, không tranh luận theo lần lượt từng luật sư. Vì một bị cáo có nhiều luật sư bào chữa nên gần như các ý kiến của luật sư đưa ra có sự trùng lặp nhất định. Do vậy,cần để các luật sư trình bày hết ý kiến bào chữa, trên cơ sở đó KSVtổng hợp để nhóm ý kiến đối đáp và kinh nghiệm cho thấy cần đối đáp bám theo bốn yếu tố cấu thành tội phạm, trong đó lồng ghép trả lời những câu hỏi, những vấn đề của Luật sư đưa ra. Như vậy, vừa đảm bảo việc bao quát hết các căn cứ buộc tội, gỡ tội cũng như đáp ứng được nội dung tranh luận đối với Luật sự.

2. Thứ tự tranh luận của KSVcó lợi thế rất quan trọng, giúp KSV có thời gian tổng hợp và sử dụng các ý kiến tranh luận trước đó cho phần đối đáp của mình. Vì vậy, KSV cần có ý kiến với HĐXXvề việc điều hành thứ tự tranh luận. Trên cơ sở phân loại quan điểm bào chữa của luật sư, đề nghị Thẩm phán điều hành phần tranh luận theo hướng để tất cả các luật sư trong vụ án có quan điểm bào chữa mâu thuẫn tranh luận với nhau trước khi KSV tiến hành đối đáp. Như vậy, trình tự phát biểu khi tranh luận vẫn đảm bảo theo quy định tại điều 320 của BLTTHS và KSV có thể đánh giá và sử dụng các ý kiến đã tranh luận của luật sư cho phần đối đáp của mình; việc đối đáp cũng bao quát hết các vấn đề do các luật sư đưa ra, đảm bảo tính khoa học và hiệu quả.

3. Đối với các ý kiến có căn cứ của luật sư, nhất là các tình tiết giảm nhẹ TNHS cho bị cáo, KSV cần thẳng thắn thừa nhận, đề nghị HĐXX xem xét và đánh giá, không vì bảo vệ cáo trạng và mức hình phạt đã đề xuất để cố tình không thừa nhận quan điểm bào chữacó căn cứ của luật sư. Khi KSV thẳng thắn trong tranh luận sẽ góp phần quan trọng trong việc xây dựng hình ảnh người cán bộ kiểm sát “Công minh, chính trực, khách quan, thận trọng, khiêm tốn”.

4. Khi tranh luận, thực hiện tranh luận đến cùng một vấn đề và cần dứt khoát không đối đáp lại đối với những nội dung đã đưa ra quan điểm tranh luận. Trên cơ sở hệ thống chứng cứ buộc và gỡ tội đã trích cứu, KSV phải xác định rõ nội dung cần tranh luận và nội dung không thuộc phạm vi buộc tội của VKS để không đối đáp. Kinh nghiệm thực tế cho thấy, đối với các vụ án dư luận xã hội và cơ quan báo chí quan tâm thì KSV phải thật sự chuẩn chỉ trong phát ngôn, nếu KSV biết lựa chọn nội dung cần tranh luận sẽ tạo được chủ động trong đối đáp, không bị xa đà theo các vấn đề luật sư đưa ra,tránh phát sinh những quan điểm tranh luận không đáng có.

5. Thực hiện tranh tụng văn minh, thái độ khi tranh tụng không cần gay gắt nhưng phải rõ ràng và dứt khoát, vừa đạt hiệu quả chuyên môn vừa thể hiện được bản lĩnh, góp phần xây dựng hình ảnh cho Ngành. Tuy nhiên đứng trước việc một mình phải đối diện với nhiều luật sư thì KSV cần phải biết bảo vệ bản thân và bảo vệ uy tín của Ngành. Khi tranh luận, ngoài nội dung vụ án cũng cần đề nghị Hội đồng xét xử nhắc nhở Luật sư đối với những phát ngôn mang tính phán xét cá nhân hoặc yêu cầu Thư ký ghi rõ nội dung tranh luận vào Biên bản phiên tòa để thực hiện quyền kiến nghị đối với Liên đoàn Luật sự sau khi kết thúc phiên tòa.

**II. Kỹ năng tranh tụng**

1. Khi luật sư trình bày luận cứ, đối với bản luận cứ dài, không đi vào trọng tâm, KSV cần chủ động đề nghị HĐXX nhắc nhở luật sư đi vào trọng tâm quan điểm buộc tội của Viện kiểm sát. Trong những tình huống cần thiết (*như luật sư đưa ra những vấn đề mà Kiểm sát viên chưa nắm chắc, cần xem, nghiên cứu lại…*) KSV có thể đề nghị HĐXX nhắc nhở luật sư nói chậm hoặc trình bày lại ý kiến vừa nêu để KSV ghi chép đầy đủ, phục vụ đối đáp hoặc sau khi Luật sư trình bày xong luận cứ, đề nghị HĐXX yêu cầu Luật sư chốt ý cho KSV đối đáp, khi đó KSV sẽ có thêm thời gian để xem xét lại các tài liệu, chứng cứ và chuẩn bị ý kiến đối đáp chính xác.

Đối với những nội dung có thể trả lời được ngay KSV cần ghi luôn định hướng trả lời (*bằng bút đỏ để dễ quan sát)*. Đối với những nội dung chưa thể trả lời ngay thì cần đánh dấu (*hoặc gạch bỏ luôn*) để khi đứng dậy đối đáp Kiểm sát viên có thể tự tin trả lời liền mạch những nội dung đã nắm chắc mà không bị ngắt quãng hay ấp úng; còn những nội dung chưa nắm chắc sẽ để đối đáp tại lần sau khi đã có thêm thời gian chuẩn bị.

2. Vì phải đối đáp với nhiều luật sư nên khi đối đáp, cần viện dẫn các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, như Biên bản lời khai, Biên bản hỏi cung để chứng minh quan điểm tranh luận, KSV không nên nêu rõ số “bút lục” mà chỉ nên nêu là tại Biên bản lấy lời khai hoặc Biên bản hỏi cung hồi, giờ, ngày, tháng, năm do Điều tra viên A, B… tiến hành. Như vậy vẫn chỉ ra được cụ thể và chính xác tài liệu vừa viện dẫn nhưng không thực sự tạo thuận lợi cho luật sư trong việc tra cứu để đưa ra ý kiến phản hồi tranh luận.

3. Khi đối đáp, KSV không nên nhìn thẳng vào luật sư vì thực tế có luật sư, khi KSV đối đáp, luật sư tỏ thái độ không lắng nghe, không tôn trọng ý kiến của KSV, nếu KSV tập trung nhìn vào luật sư sẽ dẫn đến bị phân tâm, mất tự tin. Do vậy khi đối đáp, KSV nên nhìn HĐXX cũng như những người tham gia tố tụng khác khi tranh luận đến các nội dung có liên quan để thể hiện phong thái thoải mái, tự tin.

4. Đối với những nội dung về vi phạm tố tụng *(xác định không đúng tư cách tố tụng; khi lấy lời khai không giải thích quyền và nghĩa vụ; vi phạm thời hạn cấp chứng nhận người bào chữa…*) thì KSV phải thật sự thận trọng, không chọn cách đối đáp đúng hoặc sai mà chọn cách lý giải trên cơ sở các quy định của pháp luật thì những vấn đề về tố tụng luật sư đưa ra không làm thay đổi bản chất vụ việc, không làm mất đi giá trị lời khai và ảnh hưởng quyền của bị cáo cũng như của người tham gia tố tụng.

**III. Kinh nghiệm xử lý một số tình huống thực tế phát sinh khi tranh tụng**

1. Đối với vụ án Hoàng Công Lương, có việc Luật sư sử dụng phương pháp (*có thể gọi là kỹ thuật nghề nghiệp*) như lợi dụng việc vụ án có hồ sơ dày, nhiều tài liệu, khi tranh luận, Luật sư sẽ công bố một số tài liệu, trình bày các tài liệu này là do Luật sư thu thập và đưa ra ý kiến đây là tài liệu quan trọng nhưng không được các cơ quan tiến hành tố tụng phát hiện, thu thập đưa vào hồ sơ vụ án nhằm mục đích làm cho HĐXX, người tham gia tố tụng và dư luận xã hội thấy việc điều tra, truy tố không đầy đủ, toàn diện và khách quan.

 Đứng trước tình huống này thì điều đầu tiên, yêu cầu KSV phải nắm chắc, làm chủ hồ sơ, lập tức có ý kiến tranh luận lại luôn đối với ý kiến của luật sư về việc các tài liệu đó đã được thu thập và có trong hồ sơ vụ án.Sau đó tiến hành công khai bút lục và đề nghị Hội đồng xét xử công bố tài liệu đó. Do Luật sư sử dụng kỹ thuật nghề nghiệp nhằm làm KSV mất bình tĩnh và gây ảnh hưởng đến uy tín của Cơ quan tiến hành tố tụng (CQTHTT) nên KSV phải kịp thời có ý kiến phản bác, đề nghị luật sư cần nghiên cứu kỹ, nắm chắc các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để đưa ra quan điểm tranh luận chính xác, nếu còn tiếp tục đưa ra quan điểm bào chữa không chính xác, VKS sẽ căn cứ Điều 9 Luật luật sư (*quy định về các hành vi bị nghiêm cấm*) để kiến nghị xử lý vi phạm.

2. Đối với tình huống, luật sư đã thu thập được chứng cứ nhưng không giao nộp ngay cho các CQTHTT mà để phần tranh luận mới đưa ra chứng cứ và giao nộp cho HĐXX dẫn đến KSV bị động. Căn cứ theo Điều 81 - Bộ luật tố tụng hình sự quy định “*Khi thu thập được chứng cứ luật sư phải kịp thời giao ngay cho Cơ quan tiến hành tố tụng*”. Vì vậy, để hạn chế tình trạng này thì tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa và trước khi chuyển sang phần tranh luận, KSV cần đề nghị HĐXX nhắc nhở luật sư và những người tham gia tố tụng khác về việc đưathêm vật chứng và tài liệu ra xem xét nếu không sẽ căn cứ vào quy định về tính kịp thời trong giao nộp chứng cứ để bác bỏ tính hợp pháp và không chấp nhận xem xét, đánh giá chứng cứ.Đối với 1 số vụ án cụ thể, rút kinh nghiệm từ phiên xét xử sơ thẩm lần 1, tại phiên sơ thẩm lần 2 khi KSV đưa ra quan điểm như trên, tại phần thủ tục phiên tòa đã có rất nhiều luật sư chủ động giao nộp chứng cứ thu thập được cho HĐXX và KSV đã được tiếp cận, đánh giá chứng cứ trước khi bước sang phần tranh luận.

3. Đối với tình huống luật sư, bị cáo và những người tham gia tố tụng giao nộp chứng cứ là dữ liệu điện tử (*ghi âm, ghi hình*) trong phần tranh luận và đề nghị HĐXX cho công bố đoạn ghi âm, ghi hình đó.

Trong trường hợp này, KSV có thể đề nghị HĐXX yêu cầu luật sư trình bày về dữ liệu điện tử, đề nghị HĐXX quyết định việc cho xem dữ liệu ngay tại phiên tòa và KSV thực hiện đánh giá luôn nội dung chứng cứ. Tuy nhiên, kinh nghiệm cho thấy, theo quy định tại Điều 253 - BLTTHS thì *Viện kiểm sát có quyền nhận, nghiên cứu đánh giá chứng cứ trong thời hạn 3 ngày, việc cho xem, cho nghe dữ liệu điện tử tại phiên tòa thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng xét xử.* Do vậy để chủ động, trong tình huống này KSV nên đề nghị HĐXX yêu cầu luật sư trình bày về chứng cứ giao nộp và đề nghị HĐXX tiếp nhận chứng cứvà chuyển chứng cứ cho Viện kiểm sát để KSV đánh giá và tiếp tục phần tranh luận đối với các nội dung đã rõ hoặc đối với các bị cáo khác. Sau khi đã xem xét, đánh giá kỹ chứng cứ luật sư giao nộp thì KSV mới đưa ra quan điểm tranh luận hoăc đề nghị quay lại phần xét hỏi để làm rõ chứng cứ.

4. Đối với tình huống khi tranh luận, luật sư trình bày có chứng cứ mới chứng minh có hành vi và người phạm tộikhác nhưng không xuất trình chứng cứ ngay tại phiên tòa mà đề nghị HĐXX tạm dừng xét xử để giao nộp chứng cứ cho VKS. Trong tình huống này, KSV cần đề nghị HĐXX yêu cầu luật sư trình bày về chứng cứ, giao nộp chứng cứ cho HĐXX để HĐXX chuyển chứng cứ cho VKS đánh giá, không thực hiện việc dừng phiên tòa theo đề nghị của luật sư.

# CHUYÊN ĐỀ

# KINH NGHIỆM TRANH LUẬN, ĐỐI ĐÁP CỦA KIỂM SÁT VIÊN KHI THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ VÀ KIỂM SÁT XÉT XỬ CÁC VỤ ÁN NGHIÊM TRỌNG, PHỨC TẠP, DƯ LUẬN XÃ HỘI QUAN TÂM

## *Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh*

 **1. Một số kinh nghiệm trong quá trình tranh luận**

- Kiểm sát viên tham gia đối đáp phải bình tĩnh, bảo đảm việc đối đáp đầy đủ với từng luận điểm mà luật sư, người bào chữa, bị cáo nêu ra với mục đích bảo vệ cáo trạng; Đối với những quan điểm được sự đồng tình của những người tham gia tố tụng, KSV phải đưa vào nội dung đối đáp để tạo cơ sở cho các nội dung tranh luận tiếp theo. Đồng thời, kịp thời phát hiện những luận điểm, quan điểm sai trái của những người tranh tụng với mình để bác bỏ và đề nghị Hội đồng xét xử ra phán quyết đầy đủ, đúng đắn; Từ chối tranh luận, đối đáp các nội dung không liên quan đến vụ án hoặc đã tranh luận, đảm bảo việc tranh luận văn minh, lịch sự, đề nghị HĐXX xử lý những người tham gia tố tụng có thái độ không đúng mực trong phiên tòa để răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

 - Khi đối đáp, tranh luận Kiểm sát viên phải vận dụng tổng hợp những hiểu biết, kiến thức của mình về Luật và các văn bản hướng dẫn có liên quan đến việc xác định tội danh, điều khoản áp dụng hình phạt, trách nhiệm dân sự … trên cơ sở các chứng cứ, tài liệu, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, dân sự đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa. Kiểm sát viên phải đối đáp, tranh luận với bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác nhằm chứng minh luận điểm của Viện kiểm sát là đúng, có căn cứ.

- Khi tham gia tranh luận, đối đáp với bị cáo, luật sư, người bào chữa trong nhiều tình huống, Kiểm sát viên phải biết cách đặt câu hỏi để bác bỏ những luận điểm bào chữa sai trái, không có cơ sở.

- Đối với những vụ án có nhiều Luật sư, các luật sư đưa ra nhiều vấn đề khác nhau hoặc có những vấn đề luật sư đưa ra bị trùng lặp: Trước khi tranh luận KSV cần gạch sẵn và nhóm các vấn đề lại với nhau, khi tranh luận sẽ theo từng nhóm vấn đề đó, ví dụ: về chứng cứ: đi sâu vào phân tích hành vi phạm tội của bị cáo và đối chiếu vào các cấu thành cơ bản của từng loại tội phạm, phân tích hành vi của bị cáo đã thỏa mãn dấu hiệu của tội nào; Về tố tụng: các vấn đề như về quy trình giám định, giám định lại, giám định bổ sung, thực nghiệm điều tra, nhận dạng, đối chất, thu giữ vật chứng .... Trước khi tranh luận Kiểm sát viên nên có câu rào trước: "Quá trình VKS tranh luận có thể có những vấn đề KSV chưa tranh luận thì đề nghị luật sư nhắc lại để VKS đối đáp". Khi Luật sư nhắc lại thì KSV sẽ có thời gian dài hơn để chuẩn bị cho việc tranh luận tiếp theo.

- Đối với những vụ án có nhiều luật sư, phức tạp, thì Luận tội, bài phát biểu nên lập luận theo hướng quy nạp, ngắn gọn, xúc tích, nhưng phải đảm bảo đủ ý, còn để lại khi tranh luận mới viện dẫn chứng cứ, phân tích, lập luận chặt chẽ thì sẽ không bị lặp và thuyết phục người nghe, Hội đồng xét xử hơn.

- Bên cạnh đó Kiểm sát viên phải phối hợp chặt chẽ với Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa, thống nhất việc sử dụng các tài liệu, chứng cứ để đấu tranh làm rõ hành vi phạm tội của bị cáo như: Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ, bản ảnh hiện trường; biên bản khám nghiệm các phương tiện liên quan đến vụ tai nạn; Bản Kết luận giám định, Kết luận định giá tài sản của Giám định viên, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng; Lời khai bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác….

**2. Một số dạng, tình huống trong phần tranh luận tại phiên tòa và cách xử lý của Kiểm sát viên:**

 ***2.1. Trường hợp bị cáo, những người bào chữa đưa ra cơ sở và căn cứ pháp luật để chứng minh bị cáo không phạm tội như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố:***

**Ví dụ 1**: Vụ án Lê Công Minh (CĐP), phạm tội: “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Luật sư và bị cáo cho rằng mặc dù bị cáo có vi phạm trong việc cùng các bị cáo khác giả chữ ký của người khác, giả lập quy trình để chuyển mục đích sử dụng đất, nhưng về mặt nội dung, đối chiếu với quy định của pháp luật, bị cáo không chiếm đoạt đất công, việc bị cáo được cấp đất không phải nộp tiền thuế là đúng quy định.

Kiểm sát viên đã lập luận, chứng minh các tài liệu bị cáo và luật sư tự thu thập và cung cấp không có giá trị, thực tế diện tích đất bị cáo đề nghị chuyển mục đích sử dụng *có nguồn gốc sau năm 1980*, *nhưng lợi dụng thời điểm đó bị cáo giữ chức vụ quyền Chủ tịch UBND phường nên đã cùng các bị cáo khác xác nhận sai nguồn gốc đất, xác định đất có nguồn gốc từ trước năm 1980 để bị cáo được chuyển mục đích sử dụng mà không phải nộp thuế*.

**Ví dụ 2:** Vụ án Lê Quốc Thái (CĐP), phạm tội: *“Mua bán trái phép chất ma túy”*. Tại phiên tòa bị cáo Bùi Tiến Hạnh kêu oan không nhận tội. Luật sư do gia đình bị cáo mời bào chữa đã đưa ra các chứng cứ là lời khai *của các nhân chứng khai không mua ma túy của Hạnh*, từ đó đề nghị HĐXX tuyên bị cáo Hạnh không phạm tội như Viện kiểm sát đã truy tố.

Kiểm sát viên đã đưa ra các chứng cứ về lời khai nhận tội và bản tường trình bị cáo tự tay viết thừa nhận bán ma túy cho 2 người là Nguyễn Mạnh Hà và Phạm Chung Đức. Lời khai của Hà, Đức và Phạm Hoàng Sơn về việc nhiều lần mua ma túy của Hạnh, phù hợp với lời khai nhận tội của Hạnh. Các biên bản đối chất giữa bị cáo Hạnh với các nhân chứng này thì các nhân chứng vẫn khẳng định mua ma túy của Hạnh. Về các bản tường trình của Hà và Sơn về việc không mua ma túy của Hạnh do luật sư thu thập, KSV lập luận là không khách quan, bởi lẽ: Trong quá trình điều tra, KSV đã cùng Điều tra viên trực tiếp ghi lời khai của các nhân chứng này về lý do thay đổi lời khai: Các nhân chứng đều khai là do Luật sư cùng với mẹ của bị cáo Hạnh đến nhà các nhân chứng này nhờ họ khai giúp Hạnh; Do nể nang nên các nhân chứng này đã viết tường trình theo sự hướng dẫn của Luật sư.

Từ những phân tích, nhận định và đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử đã chấp nhận và tuyên phạt Bùi Tiến Hạnh 7 năm tù về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” như cáo trạng VKS đã truy tố.

***2.2. Luật sư và bị cáo đưa ra lập luận cho rằng bị cáo có phạm tội nhưng phạm tội khác, nhẹ hơn hoặc cùng một tội danh nhưng có khung hình phạt nhẹ hơn:***

**Ví dụ 1**: Vụ án Đỗ Văn Thành, phạm tội “Giết người”.

- Bị cáo, Luật sư bào chữa cho bị cáo tranh luận cho rằng: Bị cáo phạm tội "Giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh" vì thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, chỉ có bị cáo và người bị hại (có quan hệ tình cảm với bị cáo), không có ai biết và chứng kiến. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo một mực khẳng định đã tin tưởng, trao hết tình cảm và tiền bạc cho bị hại nhưng bị hại đã thay lòng. Do muốn gặp bị hại để nói chuyện đầu cuối nhưng bị hại đã chửi, xúc phạm bị cáo, đánh bị cáo trước. Bị cáo đã nhẫn nhịn, gạt bị hại ngã ra giường, nhưng bị hại tiếp tục ném lọ đựng hoa, điện thoại, gậy và đạp bị cáo ngã trúng thanh giá đỡ gương. Do bị đau......*lúc đó bị cáo rơi vào tình trạng bị kích động mạnh,* lao vào bóp cổ bị hại, bị cáo không cố ý muốn tước đoạt tính mạng của nạn nhân. Khi thấy bị hại không động đậy thì bị cáo đã tìm cách cấp cứu.

 - Xử lý tình huống: Kiểm sát viên đã dẫn chứng chính lời khai của bị cáo tại phiên tòa về thời gian bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, công bố tài liệu kết quả giám định về thời gian chết của người bị hại; thời gian người thợ khóa, bảo vệ cùng với người nhà nạn nhân lên phá khóa cửa phòng để vào (hiện trường vụ án), bản ảnh, biên bản kiểm tra điện thoại để chứng minh. Từ đó phản bác việc bị cáo khai bị kích động mạnh và chủ động cấp cứu bị hại như trên là không đúng và bị cáo đã phải thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Luật sư chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát.

  **Ví dụ 2**: Vụ án Nguyễn Ngọc Trản (CĐP) phạm các tội “Giết người” và “Bắt giữ người trái pháp luật”. Vụ án có bị can đã bỏ trốn, chưa lấy được lời khai, đã tách, truy nã xử lý sau). Các bị cáo Trản và Tùng tranh luận không phạm tội: “Giết người” mà chỉ phạm tội: “Cố ý gây thương tích dẫn đến hậu quả chết người” vì không có sự bàn bạc thống nhất từ trước với bị can hiện bỏ trốn. Hành vi giết người do bị can bỏ trốn thực hiện nên các bị cáo không đồng phạm với bị can bỏ trốn bị khởi tố về tội: “Giết người”.

 Kiểm sát viên đã trình chiếu video thu giữ tại nhà nghỉ nơi Trản cùng đồng bọn bắt giữ bị hại kết hợp với lời khai của từng bị cáo khai về Trản, Tùng (đặc điểm nhận dạng, hành vi...) kết quả khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường, kết quả thực nghiệm điều tra để xác định Tùng, Trản cùng đồng phạm đã có hành vi sử dụng hung khí, chân tay đánh bị hại. Trản, Tùng đã thừa nhận hành vi tham gia đánh bị hại.

Tiếp đó, Kiểm sát viên phân tích về việc nhóm của Trản dùng hung khí nguy hiểm đánh mạnh vào vùng đầu (khám tử thi bị nứt vỡ hộp sọ), người bị hại đã bị ngất tại hiện trường, *nhóm của Trản lại cắt gân chân, đưa đến khu vực vắng vứt, để mặc nạn nhân lại nơi bãi đất trống, dẫn đến nạn nhân tử vong là hành vi “Giết người”.* Tùng và Trản đều tham gia từ đầu, biết rõ điều đó nhưng không có hành động nào để hạn chế giảm bớt hậu quả mà còn tiếp tục tiếp tay đem xác nạn nhân đi phi tang. Vì vậy, việc truy tố cả 2 về tội Giết người với vai trò đồng phạm là có căn cứ đúng người, đúng tội. Trản không chỉ có vai trò là người giúp sức mà còn trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội.

***2.3. Luật sư, người bị hại đề nghị hủy án do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và có dấu hiệu của việc bỏ lọt tội phạm:***

**Ví dụ 1:** Vụ án Cướp tài sản, xảy ra năm 2012, đã xét xử phúc thẩm nhóm 1 gồm 05 bị cáo, các bị cáo thi hành án xong năm 2018. Còn lại 01 bị cáo thuộc nhóm 2 được tạm đình chỉ điều tra, tách ra, xét xử sơ thẩm tháng 4 năm 2019. Bị cáo (nhóm 2) không nhận tội, 04/05 bị cáo nhóm 1 nay là nhân chứng phản cung, không nhận tội, kêu oan và Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị cáo nhóm 2 cho rằng hồ sơ xử lý nhóm 1 trước đây chưa xác minh được lý lịch của người bị hại là người nước ngoài (ông B), mà bản thân ông B cũng không phải là người bị hại mà chỉ là người vận chuyển thuê; tài sản không làm rõ nguồn gốc (hàng điện tử đã qua sử dụng thu ở khu vực gần biên giới nên có thể là hàng nhập lậu) nhưng Cơ quan điều tra đã trả lại ngay cho người bị hại từ năm 2012 và đến năm 2018 mới xác định được lý lịch bị hại thông qua hoạt động tương trợ tư pháp. Điều này có nghĩa là bản án sơ, phúc thẩm đối với nhóm 1 còn những thiếu sót nghiêm trọng là chưa xác minh được lý lịch của người bị hại, không làm rõ nguồn gốc tài sản bị chiếm đoạt. Có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm “Buôn lậu” hoặc “ Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới”. Nên đề nghị hủy bản án sơ thẩm đối với bị cáo (nhóm 2).

 *Kiểm sát viên đối đáp:*

 - Trong hồ sơ xử lý nhóm 1 chưa xác định lý lịch của người bị hại nhưng không ảnh hưởng đến việc xác định hành vi phạm tội của nhóm này. Những lời nhận tội của các đối tượng này tại các giai đoạn tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập trong hồ sơ. Và không ảnh hưởng đến việc kết tội các bị cáo nhóm 1, cũng như bị cáo nhóm 2. Bản án xét xử nhóm 1 đã có hiệu lực pháp luật và được Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trả lời không có căn cứ để kháng nghị GĐT đối với Đơn kêu oan của các bị cáo.

 - Về nguồn gốc tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt và tư cách tham gia tố tụng của Ông B: Do ông B là người chở hàng thuê, khai rõ trong quá trình điều tra thỏa thuận với chủ hàng (hợp đồng miệng) nếu mất mát tài sản, ông B là người chịu trách nhiệm. Như vậy người trực tiếp quản lý và phải chịu trách nhiệm về hàng hóa là ông B hành vi của các đối tượng là dùng vũ lực tấn công ông B, chiếm đoạt tài sản do ông B đang trực tiếp quản lý. Do đó ông B là bị hại trong vụ án.

 - Về tính pháp lý của hàng hóa: Mặc dù hồ sơ không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc hàng hóa nhưng cũng không làm ảnh hưởng đến việc xác định hành vi phạm tội của các bị cáo vì đây là hàng hóa cũ, đã qua sử dụng, mua trôi nổi trên thị trường.

**Ví dụ 2**: Tháng 12/2017, ông K gửi đơn đến Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện H, tỉnh Q tố giác: Trong khoảng thời gian từ tháng 8/2017 đến tháng 11/2017, Đ đã nhiều lần có hành vi hiếp dâm, cưỡng dâm và quan hệ tình dục với cháu N – sinh năm 2002 là con ông K. Quá trình điều tra xác định: Do thời gian xảy ra sự việc phạm tội đã lâu, không xác định được dấu vết trên cơ thể cháu N; lời khai của Đ và cháu N trái ngược nhau, N khai 01 lần bị hiếp dâm, bị Đ dùng tay xé áo, đè ép quan hệ tình dục; 01 lần bị Đ dọa đưa video hai người quan hệ lên mạng để cưỡng dâm N và 02 lần N tình nguyện đến nhà Đ cho Đ quan hệ tình dục. Tuy nhiên, Đ khai cả 04 lần Đ và N đều tự nguyện quan hệ. Tại phiên tòa xét xử bị cáo Đ về tội: “Giao cấu với trẻ em” theo Điều 115 BLHS năm 1999, ông K cho rằng các cơ quan tiến hành tố tụng không xử lý trách nhiệm hình sự Đ về tội “Hiếp dâm” và “Cưỡng dâm” là bỏ lọt tội phạm.

*KSV đã tranh luận như sau:*

Trong phần xét hỏi, Kiểm sát viên đã hỏi kỹ bị hại N về tình tiết trong các lần quan hệ tình dục mà bị hại và người đại diện là ông K cho rằng đó là hiếp dâm và cưỡng dâm; ông K đã xác nhận lại những lời khai đó là phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, không bị ai cưỡng ép, xúi giục. Đồng thời, KSV viện dẫn các chứng cứ là: các Biên bản kiểm tra điện thoại, tài khoản mạng xã hội về việc không có video ghi lại cảnh quan hệ tình dục; lời khai của bị hại, bị cáo; Lời khai của những người làm chứng về việc sau khi quan hệ tình dục lần đầu với Đ, N không bỏ chạy mà ở lại một khoảng thời gian rồi mớivề. Sau lần đầu quan hệ, N tiếp tục chủ động đến nhà Đ để quan hệ tình dục mặc dù không bị cưỡng ép (02 lần cuối). Giữa bị hại, bị cáo có mối quan hệ tình cảm yêu đương. Từ đó chứng minh một người bị hiếp dâm hay cưỡng dâm sẽ mang tâm lý sợ hãi chứ không chủ động như bị hại N. Ngoài ra, Kiểm sát viên kết hợp giải thích cho bị hại N và người đại diện là ông K biết với những tố giác của bị hại thì không có căn cứ để chứng minh hành vi hiếp dâm và cưỡng dâm. Vì thế không có cơ sở xử lý trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Đ theo hai tội này.

***2.4. Luật sư đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như:****“Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án”(* điểm t, khoản 1, Điều 51 BLHS), vì Luật sư cho rằng: Vụ án có 02 bị cáo, bị cáo A khai ra hành vi phạm tội của bị cáo B nên phải cho A hưởng tình tiết giảm nhẹ này.

Kiểm sát viên tranh luận: Trong vụ án trên, A và B là đồng phạm. Việc A khai báo về hành vi của B là nghĩa vụ A phải khai báo; Viện kiểm sát đã đề nghị HĐXX áp dụng cho A tình tiết giảm nhẹ theo điểm s, khoản 1, Điều 51 BLHS (thành khẩn khai báo).

Ngoài ra, trong vụ án này, hành vi của B không chỉ được chứng minh bằng lời khai của A mà còn được chứng minh bằng rất nhiều các tài liệu, chứng cứ khác như lời khai người làm chứng, người bị hại...

Do vậy, không thể áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm t, khoản 1, Điều 51 BLHS đối với bị cáo A.

***2.5. Các tình huống khác:***

**Ví dụ 1:** 05 Bị cáo bị truy tố, xét xử sơ thẩm về tội “ Cướp tài sản”, tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo phản cung không thừa nhận việc phạm tội. Trong phần tranh luận, Luật sư cho rằng vụ án xảy ra trong đêm tối, có nhiều đối tượng cùng có mặt tại nơi xảy ra vụ án. Vật chứng thu được cách nơi các bị cáo bị bắt giữ 50m. Việc lập Biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang trong trường hợp này là không đúng vì việc truy bắt của Công an Phường A không đảm bảo tính liên tục. Đề nghị VKS chứng minh: *Có việc truy bắt liên tục không?* *vì đặc điểm nhận dạng của đối tượng bị truy đuổi và đặc điểm nhận dạng đối tượng bắt được không có gì thể hiện nên không biết ai đuổi ai, không thể nói là đuổi liên tục được*. Mặt khác nếu các bị cáo có hung khí là dao, kiếm, gậy…như Cáo trạng quy kết thì việc truy bắt của 03 chiến sỹ Công an Phường A là không thực hiện được.

**-** KSV tranh luận: Trong hoàn cảnh trời tối (1h sáng), các bị cáo chạy trên Đồi, các chiến sỹ Công an Phường A không chỉ có 3 người ở Phường tham gia đuổi bắt mà còn có Đội cảnh sát phòng chống TP, Công an thành phố A làm nhiệm vụ tuần tra tham gia ứng cứu. Các đối tượng cho dù có hung khí nhưng lực lượng Công an còn có súng. Việc bắt giữ được 5 đối tượng là hoàn toàn logic và hợp lý không thể như suy luận của Luật sư.

 Việc làm rõ đặc điểm nhận dạng của đối tượng gây án và người truy đuổi đối tượng trong đêm tối là điều phi lý.

**Ví dụ 2:** Trong vụ Cướp tài sản, Luật sư cho rằng lời khai nhận tội của các bị cáo không có căn cứ, vì ngay số lượng hung khí để thực hiện việc cướp tài sản là không thống nhất, đề nghị KSV lý giải tại sao số lượng hung khí và đặc điểm hung khí khác nhau, các bị cáo khai mâu thuẫn lúc thì khai có 9 tuýp sắt, 2 kiếm; khi thì khai có 5 tuýp 1 kiếm vv…; hoặc là đặc điểm, kích cỡ kiếm cũng khai không thống nhất.

**-** KSV tranh luận: Kiểm sát viên lập luận về đặc điểm kích cỡ hung khí chỉ mang tính ước lệ, phụ thuộc vào sự quan sát, chú ý của các bị cáo, nhưng tóm lại các bị cáo đều thừa nhận sử dụng tuýp sắt, kiếm, dây thừng phù hợp với vật chứng thu giữ trong vụ án, phù hợp với lời khai của người bị hại (số thanh niên cầm tuýp sắt nhảy lên đò…). Ngay cả bị cáo A là đối tượng khai báo thành khẩn nhất trong số các bị cáo cũng khai giảm số lượng hung khí và bị cáo A khai lý do khai giảm đi vì khi đối chất với bị cáo B, bị cáo B khai giảm số lượng hung khí đi thì A khai theo B để nhẹ tội. Mặt khác, chiếc kiếm mà Cơ quan điều tra truy tìm được trên đường bị cáo A bỏ chạy, vứt lại, chính là kiếm do A nhặt được trước đây nên A nhận ra khi Cơ quan điều tra cho A nhận dạng kiếm…

 **Ví dụ 3 :** Luật sư đề nghị VKS giải thích lý do không chấp nhận việc phản cung của tất cả các bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa và chỉ sử dụng lời khai nhận tội của họ trước đó làm chứng cứ buộc tội.

*-* KSV tranh luận: Trong hoạt động điều tra, việc phản cung là rất bình thường, các bị cáo có quyền chối tội và không buộc phải chứng minh là mình vô tội… Tuy nhiên, sự thay đổi trong lời khai của họ phải có căn cứ, và các căn cứ đó phải hợp lý thì mới được chấp nhận. Việc sử dụng lời khai nào có giá trị chứng minh đều phải dựa trên nguyên tắc đánh giá chứng cứ. Lời khai nhận tội của các bị cáo trước khi phản cung phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ nên được sử dụng làm chứng cứ buộc tội các bị cáo.

 **Ví dụ 4:** Trong vụ tai nạn giao thông đường bộ giữa xe ô tô tải và xe đạp điện. Luật sư yêu cầu thực nghiệm điều tra, dựng lại hiện trường vì với lý do: Trong biên bản khám nghiệm hiện trường thì xe đạp nằm trong hàng cọc tiêu; bản ảnh hiện trường cọc tiêu nằm ngoài . Tại phiên tòa sơ thẩm, bị hại khai đi ngoài hàng cọc tiêu và sát mép đường. Như vậy lời khai của bị hại là không đúng vì bị hại khai đi ngoài hàng cọc tiêu trong khi đó xe đạp điện nằm trong hàng cọc tiêu thì lời khai của bị hại với biên bản trong hồ sơ là mâu thuẫn. Quan điểm của VKS cho rằng xe ô tô đi sát hàng cọc tiêu và va vào xe đạp điện của bị hại là không đúng. Luật sư yêu cầu thực nghiệm điều tra, dựng lại hiện trường cho 2 xe đi như người bị hại khai xem có đúng như Luật sư phân tích không.

 **-** KSV tranh luận: Việc thực nghiệm điều tra là không thể thực hiện được vì nếu tiến hành thực nghiệm giữa xe ô tô tải và xe đạp điện đang chuyển động là rất nguy hiểm và điều này pháp luật đã nghiêm cấm, được quy định tại khoản 1 Điều 204 BLTTHS hiện hành và khoản 2 Điều 153 BLTTHS 2003. Việc dựng lại hiện trường cũng không thể thực hiện được, bởi vì hiện trường vụ tai nạn xảy ra tại vòng xuyến khi đang thi công; thực tế khi vụ án kết thúc và đưa ra xét xử thì đoạn đường này đã thi công xong nên hiện trạng đã khác và không thể thực hiện được việc dựng lại hiện trường như ý kiến Luật sư nêu ra. Mặt khác, tất cả các chứng cứ chứng minh bị cáo điều khiển xe ô tô vượt và va chạm vào xe đạp điện đã được CQĐT thu thập trong quá trình điều tra và có trong hồ sơ vụ án nên không cần thiết phải dựng lại hiện trường.

  **-** Cũng trong vụ án nêu trên, luật sư yêu cầu giám định ghi đông xe đạp điện xem có dính chất của bánh lốp ô tô không? và còn đề nghị giám định bàn đạp xe đạp vì Viện kiểm sát không chỉ ra được dấu vết trên lốp ô tô là do vật nào va vào? va vào thời điểm nào? cái nào va trước cái nào va sau ? việc giám định là cần thiết để xác định có vết dính của lazăng ô tô không vì trong vụ án chưa xác định được ai va vào ai thì phải làm rõ?

KSV lập luận: Đối với yêu cầu giám định ghi đông xe đạp điện xem có dính chất của bánh lốp ô tô trên xe đạp điện không? Trong quá trình khám nghiệm trên lốp ô tô chỉ có vết trượt chùi bụi chứ không có vết xước cao su của bánh lốp xe ô tô và do đó không thể nào để lại chất cao su trên tay nắm xe đạp điện được. Mặt khác, tay nắm xe đạp điện bằng nhựa mềm, lốp cao su cứng hơn nên chất của lốp cao su không thể để lại dấu vết trên tay nắm xe đạp điện cho nên không có vật chứng để giám định.

Đối với yêu cầu giám định bàn đạp xe đạp điện xem có dính chất thép của lazăng bánh xe ôtô hay không? Dựa trên cơ sở khoa học khi hai vật va chạm vào nhau đương nhiên vật cứng sẽ không bị vỡ, dấu vết bị xước để lại trên vật mềm hơn. Lazăng bánh trước xe ô tô bằng thép thì thép không thể bị xước, vỡ và dính vào tay nắm xe đạp bằng nhựa của xe đạp điện. Thực tế khi khám nghiệm xe đạp điện không thể hiện có dính chất thép của lazăng bánh xe ôtô nên không có căn cứ để trưng cầu giám định.

 **Ví dụ 5**:

 Vụ án Bùi Hùng Huyền, phạm tội "Cố ý gây thương tích", luật sư có ý kiến: Kết luận diều tra và Cáo trạng quy kết bị cáo đứng ở vị trí cửa lái bên trái của xe ô tô, thẳng chốt cửa xe, dùng tay trái giật chốt, tay phải cầm cục bê tông đáp vào kính chắn gió bên trái của xe ô tô tải thì có thể làm vỡ kính chắn gió và có thể gây thương tích ở vùng mặt bên trái người ngồi trên ghế lái xe ô tô *nhưng cục bê tông không thể tác động làm vỡ kính sau của cabin xe ô tô tải. Nếu vỡ kính sau của cabin xe ô tô tải thì người đứng ném cục bê tông phải đứng ở phía đầu mũi xe ô tô tải*.

 **-** KSV tranh luận: Quá trình thực nghiệm khi sử dụng cục bê tông tương tự như vật chứng (nặng khoảng 1,1 kg, KT15x7x6cm) ném vào kính chắn gió bên trái xe ô tô sẽ làm vỡ kính chắn gió, gây thương tích ở vùng mặt bên trái người ngồi trên ghế lái trong cabin xe ô tô và hoàn toàn có thể xảy ra việc cục gạch bê tông "có thể" tác động làm vỡ kính sau của cabin xe ô tô, vì kính chắn gió phía sau có KT (100 x25 cm), phần tựa đầu ghế lái cách chân kính cửa sau cabin là 12 cm. Điều này hoàn toàn phù hợp với cơ chế hình thành thương tích của người bị hại, phù hợp với Kết luận giám định cũng như lời trình bày của Giám định viên Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh: *việc thực nghiệm xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người tham gia thực nghiệm* nên Giám định viên đã sử dụng ma nơ canh có chiều cao, đặc điểm tương tự như bị hại để thực nghiệm, do ma nơ canh không có phản xạ như người nên Giám định viên mới xác định là “có thể” gây thương tích và “có thể” làm vỡ kính sau của cabin xe ô tô. Việc giám định đều có biên bản và ghi nhận bằng hình ảnh và giám định trên cơ sở khoa học (và chỉ thực nghiệm 1 lần). Điều này hoàn toàn phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo Huyền và lời khai người làm chứng A (là người nhà của bị cáo Huyền) đều xác nhận khi cửa xe mở bên trong xe có cục bê tông, phần kính sau cabin vỡ một khoảng 15 x15cm ở góc bên dưới phần ghế phụ của xe, phù hợp với vật chứng là cục bê tông cơ quan điều tra thu giữ.

# CHUYÊN ĐỀ

# KINH NGHIỆM TRANH LUẬN, ĐỐI ĐÁP CỦA KIỂM SÁT VIÊN KHI THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ VÀ KIỂM SÁT XÉT XỬ CÁC VỤ ÁN NGHIÊM TRỌNG, PHỨC TẠP, DƯ LUẬN XÃ HỘI QUAN TÂM

## *Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ*

**I. Đánh giá chung**

Trong công thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử án hình sự tại tỉnh Phú Thọ nhiệm vụ tranh luận, đối đáp của kiểm sát viên tại phiên toà là một yêu cầu khách quan, từng bước đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, được Lãnh đạo đơn vị và kiểm sát viên hết sức quan tâm nhằm nâng cao chất lượng công tác thực hành quyền công tố của kiểm sát viên tại phiên tòa và tuyên truyền, phổ biến pháp luât đến người dân. Đặc biệt đối với những vụ án nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm.

1.Để hoạt động trang luận, đối đáp của kiểm sát viên tại phiên toà đạt kết quả cao, đáp ứng được yêu cầu cải cách tư pháp trong giai đoạn hiện nay nhất là đối với vụ án nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm thì ngay sau khi vụ án xảy ra kiểm sát viên phải nắm chắc tiến trình giải quyết vụ án và nắm chắc nội dung vụ án. Quy định của BLTTHS hiện hành cho phép KSV tham gia thực hành quyền công tố, tiến hành kiểm sát việc tuân theo pháp luật ngay từ khâu tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm của cơ quan, người có thẩm quyền cho đến khi vụ án được khởi tố để điều tra và các giai đoạn sau của tố tụng hình sự để nắm bắt nội dung vụ án một cách chắc chắn, chi tiết. Vì vậy, việc nắm chắc nội dung, tiến trình giải quyết vụ án từ giai đoạn tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm sẽ góp phần không nhỏ cho KSV thực hiện tốt chức năng thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử mà trực tiếp là thực hiện tốt việc tham gia tranh luận, đối đáp tại phiên tòa để bảo vệ cáo trạng mà VKS đã ban hành.

2. Kiểm sát viên phải nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án, tìm ra những vấn đề còn mâu thuẫn, những nội dung chứng cứ còn yếu mà đó là điểm để luật sư, bị cáo căn xứ vào đó để chứng minh hành vi vô tội. Đặc biệt phải chú ý đến chứng cứ buộc tội, gỡ tội **(những chứng cứ, tài liệu đó phải là khách quan, toàn diện, đầy đủ và phải đảm bảo việc buộc tội, gỡ tội).**

3. Kiểm sát viên trước khi thực hành quyền công tố tại phiên toà cần xây dựng đề cương xét hỏi, nội dung tranh luận, đối đáp cụ thể, chi tiết, những căn cứ chứng minh hành vi phạm tội, tình tiết gỡ tội, những nội dung mà luật sư có thể bám vào để chứng minh hành vi vô tội của bị cáo, mâu thuẫn giữa lời khai của bị can với bị hại, người làm chứng, người liên quan… nhằm bác bỏ căn cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo. Khi xây dựng đề cương xét hỏi KSV cần lưu ý nội dung các câu hỏi phải rõ ràng, dễ hiểu, ngắn gọn, không đặt các câu hỏi mớm cung, dụ cung... Quá tình xét hỏi kiểm sát viên chủ động tham gia xét hỏi để làm rõ, loại bỏ những nội dung đề xét hỏi, tranh luận đề ra nhằm chủ động trong tranh luận, đối đáp và có căn cứ bảo vệ vững chắc quyết định truy tố. Kiểm sát viên dự kiến hết những chi tiết, tình huống không chỉ riêng đối với bị cáo, luật sư mà đồng thời dự kiến tranh luận, đối đáp với bị hại, người làm chứng, người liên quan, người tham gia tố tụng khác. Trước khi tham gia xét xử kiểm sát viên báo cáo án để lãnh đạo đơn vị để chủ động tham gia tranh luận, đối đáp và theo quy định của pháp luật thì kiểm sát viên phải tranh luận, đối đáp đến cùng. Để đảm bảo việc tranh luận tại phiên toà đạt chất lượng tốt, KSV phải tổng hợp, đánh giá chứng cứ một cách khách quan, toàn diện, coi trọng cả chứng cứ buộc tội và chứng cứ gỡ tội, các tình tiết có liên quan đến vụ án; phải kiểm tra tính hợp pháp và tính có căn cứ của các chứng cứ tài liệu được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án.

**4. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vừa phải tích cực tham gia xét hỏi nhằm đấu tranh làm rõ những chứng cứ, tình tiết chưa rõ, vừa phải tập trung cao độ để theo dõi mọi diễn biến, ghi chép đầy đủ các câu hỏi của Hội đồng xét xử, người bào chữa, các câu trả lời của bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác để phán đoán hướng bào chữa; từ đó bổ sung vào dự thảo những ý kiến đối đáp, tranh luận. Nội dung “đối đáp, tranh luận” của Kiểm sát viên tại phiên tòa chủ yếu phụ thuộc vào nội dung tự bào chữa của bị cáo, lời bào chữa của người bào chữa, của bị hại, của nguyên đơn, bị đơn dân sự… khi đối đáp, tranh luận Kiểm sát viên phải vận dụng tổng hợp những hiểu biết, kiến thức của mình về Bộ luật hình sự, Tố tụng hình sự, Luật, các văn bản pháp luật khác (Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án tối cao, Thông tư, Nghị định của Chính phủ, Liên ngành Trung ương …) có liên quan đến việc xác định tội danh, điều khoản áp dụng hình phạt, trách nhiệm dân sự … trên cơ sở các chứng cứ, tài liệu, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, dân sự đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa Kiểm sát viên phải đối đáp, tranh luận với bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác nhằm chứng minh luận điểm của Viện kiểm sát là đúng, có căn cứ và luận điểm của bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác là không đúng, không đầy đủ, không trung thực...**

5. Kiếm sát viên phải có bản lĩnh, năng lực, trình độ để tranh luận, đối đáp đúng với bản chất sự việc, đúng pháp luật, công tâm, khách quan **Kiểm sát viên cần phát hiện những mâu thuẫn trong tranh luận của người bào chữa và những người bào chữa với nhau, giữa người bào chữa với người bảo vệ quyền lợi của các đương sự để làm căn cứ phản bác lại những ý kiến tranh luận. Việc đối đáp cần đi thẳng vào trọng tâm, nội dung của vụ án, tránh dài dòng, lan man. Trong quá trình tranh luận, đối đáp, Kiểm sát viên cần bình tĩnh, linh hoạt, văn phong, ngôn ngữ dễ hiểu, chính xác, ngắn gọn, đi thẳng vào vấn đề, lập luận, phản bác phải có tính thuyết phục có lý, có tình trên cơ sở tôn trọng sự thật khách quan; giúp cho bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình đã gây nguy hiểm cho xã hội nên việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Kiểm sát viên cần tôn trọn quyền bào chữa của bị cáo và tôn trọng quyền lợi của những người tham gia tố tụng khác.**

**Tại tỉnh Phú Thọ, Kiểm sát viên khi thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử vụ án hình sự. Chức năng tranh luận, đối đáp của kiểm sát viên tại phiên toà đối với những vụ án nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm mục tiêu giải quyết vụ án nhanh tróng hiệu quả, chính xác, đúng pháp luật, thể hiện được vai trò của KSV được Lãnh đạo đơn vị đặt biệt quan tâm.**

**C**huyên án: “*Sử dụng mạng Internet thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*”, “*Tổ chức đánh bạc*”, “*Đánh bạc*”, “*Mua bán trái phép hóa đơn*”, “*Rửa tiền*”, “*Đưa hối lộ*” và “*Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ*”. Quá trình tranh luận, đối đáp tại chuyên án này, **ngoài những kinh nghiệm nêu trên thì số hoá hồ sơ vụ án khi giải quyết vụ án giúp cho Kiểm sát viên thực hiện tốt nhiệm vụ tranh luận, đối đáp tại phiên toà và là một trong những quy định trong BLTTHS mà chúng ta phải thực hiện trong giai đoạn hiện nay.**

Chuyên án này các đối tượng phạm tội đã lợi dụng công nghệ cao để phạm tội Tổ chức đánh bạc và Đánh bạc, quy mô của tội phạm xảy ra trên không gian mạng, có phạm vi không chỉ trong nước và quốc tế, lôi kéo số lượng 42.950.805 tài khoản đăng ký tham gia đánh bạc trực tuyến và 5.913 tài khoản đại lý; Tổng thu lời bất chính thông qua hoạt động nạp tiền, thẻ vào dịch vụ tổ chức đánh bạc trái phép là 9.853.227.342.109đ.Cơ quan điều tra đã khởi tố 105 bị can cư trú 24 tỉnh thành phố trong cả nước; đã thu hồi số tiền thu lời bất chính trên 1.600 tỷ tiền mặt có lẻ, phong tỏa tài khoản và kê biên tài sản trên 240 tỷ có lẻ. Số lượng đối tượng tham gia đủ yếu tố cấu thành tội phạm lên đến hàng chục ngàn người, sự đa dạng về thành phần phạm tội, cả nam lẫn nữ, từ người không nghề nghiệp đến viên chức nhà nước, từ đối tượng tiền án, tiền sự đến người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan được Nhà nước giao nhiệm vụ đấu tranh, phòng chống tội phạm lại trợ giúp cho các đối tượng phạm tội. Quá trình giải quyết vụ án này, xác định với lượng công việc nhiều, tài liệu cần phải nghiên cứu khổng lồ, mà các KSV còn phải theo sát các hoạt động điều tra nên việc ngồi đọc tài liệu một chỗ là không có nhiều thời gian. Do đó, áp dụng khoa học công nghệ để giải quyết vụ án nhanh, hiệu quả là vấn đề cần thiết. Do đó các KSV đã tự mình sao chụp tài liệu để chủ động nghiên cứu bất kể ở đâu, bất cứ thời gian nào. Nhất là phục vụ cho việc trích cứu các tình tiết quan trọng phục vụ việc xây dựng bản cáo trạng và việc xét xử tại phiên tòa.

Với mục đích đảm bảo thực hành quyền công tố KSĐT, KSXX đạt chất lượng cao, tránh oan sai, bỏ lọt tội phạm. Các KSV thuộc tổ chuyên án đã đề xuất với Lãnh đạo Viện về việc thống nhất với Cơ quan ANĐT thực hiện “*Số hóa hồ sơ vụ án”.* Do có việc số hóa tài liệu và được trang bị máy tính xách tay nên cả 4 Kiểm sát viên được phân công luôn chủ động trong nghiên cứu án bất cứ lúc nào mà không cần phải sử dụng đến hồ sơ chính nên hồ sơ chính của vụ án (hàng trăm ngàn bút lục) luôn được đáp ứng đầy đủ, kịp thời cho gần 40 luật sư tiếp cận sao chụp hồ sơ mà không gặp bất cứ khó khăn, trở ngại gì. Đồng thời, các biện pháp bảo quản hồ sơ, tài liệu trong giai đoạn truy tố được tuyệt đối an toàn, không bị thất lạc do chỉ phân công cho một người quản lý; tham mưu cho lãnh đạo Viện bố trí lịch tiếp luật sư và lịch thăm gặp bị can một cách công khai, khoa học và hợp lý; giải quyết mọi thắc mắc của người tham gia tố tụng. Xác định đây là vụ án phức tạp, dư luận xã hội quan tâm. Để bảo đảm và nâng cao hiệu quả tranh tụng tại phiên tòa, là một dịp để đưa hình ảnh của Ngành kiểm sát đến với nhân dân, Lãnh đạo viện đã chỉ đạo thuê 2 màn hình cỡ lớn và phối hợp với Tòa án tỉnh lắp đặt để phục vụ cho kiểm sát viên trình chiếu nguồn chứng cứ phục vụ tranh tụng; tiến hành luận tội, đề cương xét hỏi, dự kiến các tình huống có thể xảy ra khi tranh luận của kiểm sát viên nên hoạt động tranh tụng tại phiên tòa diễn ra rất dân chủ, đối đáp đầy đủ các nội dung luật sư cũng như người tham giâ tố tụng đặtt ra, bảo đảm tính khoa học, đúng pháp luật, có tình, có lý, có tính giáo dục cao nên được mọi người tham dự phiên tòa đồng tình và ủng hộ, được nhân dân trong cả nước nhìn nhận, đánh giá vai trò của KSV tại phiên toà cũng như hình ảnh Ngành kiểm sát đến người dân.

Điểm nổi bật đặc biệt góp phần thành công của chuyên án trong tranh tụng, đó là: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hiện trình chiếu các nguồn tài liệu, chứng cứ như: các trang quảng cáo của các đại lý cấp 1 trong tổ chức đánh bạc; trình chiếu các biên bản đối soát dữ liệu điện tử có sự tham gia của bị cáo, luật sư bào chữa; các văn bản chỉ đạo và có nội dung Phan Văn Vĩnh và Nguyễn Thanh Hóa “chống lưng”, “ bảo kê” cho Nguyễn Văn Dương cùng đồng phạm tổ chức đánh bạc đã có sức thuyết phục trực tiếp và đúng là “*Trăm hay không bằng một thấy”*. Dứt lời tranh luận của kiểm sát viên thì bị cáo Phan Văn Vĩnh giơ tay xin phát biểu thừa nhận hoàn toàn hành vi phạm tội của mình, không có lời bào chữa nào khác, không cần luật sư tiếp tục bào chữa về hành vi phạm tội của mình nữa vì bị cáo xác định “ *chính bị cáo là người trong cuộc mới hiểu hết và biết rõ...”* và có lời xin lỗi HĐXX, đại diện VKS, xin lỗi Đảng, Nhà nước, Bộ Công an...

Đối với các cơ quan thông tấn, báo chí và người tham gia tố tụng tại phiên tòa đều thừa nhận: các cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Phú Thọ chuẩn bị rất chu đáo về mọi mặt; chưa từng có phiên tòa nào thuộc diện Ban Chỉ đạo Trung ương chỉ đạo mà thực hiện được như phiên tòa này; Phiên tòa diễn ra đúng tinh thần cải cách tư pháp, công khai, dân chủ, tranh luận thẳng thắn; đặc biệt là việc trình chiếu nguồn chứng cứ của VKS khi xét hỏi và tranh tụng làm cho không chỉ Hội đồng xét xử mà các bị cáo, người tham gia tố tụng khác và người tham dự phiên tòa dễ dàng nhận thức đúng bản chất cũng diễn biến hành vi phạm tội của các bị cáo làm cho việc buộc tội đầy sức thuyết phục.

Việc số hoá hồ sơ vụ án là một quy định mới trong BLTTHS năm 2015, nên các KSV giải quyết vụ án với mục đích tranh tụng tại phiên toà làm cho luật sư, bị cáo… tâm phục, khẩu phục đã tự tìm tòi, nghiên cứu cách “số hoá hồ sơ vụ án”. Các KSV tự chụp ảnh tài liệu bằng máy điện thọai thông minh đối với các tài liệu mà Kiểm sát viên khi tham gia phối hợp với Điều tra viên ngoài trụ sở. Việc tự chụp tài liệu không phụ thuộc vào việc ở nơi đó có máy photo hay không...và Scan tài liệu khi Cơ quan điều tra giao tài liệu cho Viện kiểm sát để kiểm sát hoạt động điều tra... Việc chụp ảnh và Scan tài liệu bảo đảm tính nguyên vẹn, đầy đủ và có giá trị chứng cứ chứng minh. Các tài liệu sau khi được Scan, chụp ảnh được đưa vào máy tính, sắp xếp theo thư mục, đặt tên, cấp độ để dễ nghiên cứu khai thác.

Với sự thành công từ việc số hóa hồ sơ vụ án hình sự trong giải quyết vụ chuyên án. Cách làm này được nhân rộng trong cả nước với rất nhiều các đơn vị trong cả nước và VKSNDTC về học hỏi kinh nghiệm. Viện kiểm tsa nhân dân tỉnh Phú Thọ ngoài số hoá hồ sơ vụ án này còn được thực hiện ở các vụ án khác và tiếp tục nhân rộng công tác số hóa này với chủ trương: để toàn thể các Kiểm sát viên được tiếp cận với sự phát triển và vận dụng sự phát triển của khoa học công nghệ vào việc giải quyết án nhưng không chỉ trong lĩnh vực án hình sự mà còn số hóa cả đối với những hồ sơ vụ án dân sự đảm bảo việc tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa vừa khách quan, minh bạch và có sức thuyết phục cao đối với người tham gia tố tụng.

**II. Một số giải pháp để nâng cao chất lượng hoạt động tranh luận, đối đáp của Kiểm sát viên tại phiên toà**

*Một là,* phải nêu cao hơn nữa trách nhiệm của Lãnh đạo đơn vịtrong quản lý, chỉ đạo điều hành các hoạt động tố tụng hình sự và trách nhiệm của Kiểm sát viên trong thực hiện công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử các vụ án hình sự. Tập trung chỉ đạo làm tốt công tác chuẩn bị tham gia xét xử như nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án, chuẩn bị đề cương tham gia xét hỏi, dự thảo luận tội trên cơ sở nghiên cứu, nắm vững nội dung của vụ án, hệ thống chứng cứ buộc tội, gỡ tội và các nội dung khác có liên quan đến việc giải quyết vụ án. Thực hiện tốt việc nghe báo cáo án, chỉ đạo về đường lối giải quyết vụ án, chỉ đạo cụ thể các vấn đề nghiệp vụ mà Kiểm sát viên cần lưu ý khi tham gia phiên toà. Thường xuyên rút kinh nghiệm, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ cho Kiểm sát viên.

Trong quá trình thực hành quyền công tố tại phiên toà, các Kiểm sát viên phải tập trung theo dõi mọi diễn biến của phiên toà, chủ động tham gia xét hỏi để góp phần làm sáng tỏ các tình tiết của vụ án; ghi chép đầy đủ nội dung xét hỏi, trả lời và các ý kiến mà bị cáo, luật sư và những người tham gia tố tụng nêu lên, nhất là những ý kiến phản bác lại nội dung luận tội của Kiểm sát viên để chủ động tranh luận. Kiểm sát viên chủ động trong tranh luận, xác định đúng những vấn đề trọng tâm cần phải tranh luận để bảo vệ quan điểm truy tố, luận tội. Kiểm sát viên phát huy tính sáng tạo, những việc làm hay trong thưc hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa nhằm thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ tranh luận, đối đáp.

*Hai là,* tăng cường việc bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ Kiểm sát viên.Trước hết, mỗi Kiểm sát viên phải tích cực nghiên cứu, học tập để nắm vững các quy định của pháp luật, nhất là pháp luật về hình sự, về tố tụng hình sự, các luật có liên quan, các văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật; nắm vững các quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước về đấu tranh phòng chống tội phạm.

Thường xuyên rèn luyện các kỹ năng nghiệp vụ về tham gia phiên toà hình sự như kỹ năng trình bày bản luận tội, kỹ năng diễn đạt, đối đáp trôi chảy, khả năng phản xạ linh hoạt trước các vấn đề mới phát sinh tại phiên toà.v.v. Phải thể hiện sự ứng xử có văn hoá trong thái độ, trong cách xưng hô tại phiên toà, bảo đảm tôn trọng sự điều khiển của chủ toạ phiên toà, tôn trọng quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng nhất là những người tham gia tranh tụng với mình. Các đơn vị thường xuyên sơ kết rút kinh nghiệm hoạt động tranh luận của Kiểm sát viên, thông qua việc tổ chức phiên tòa rút kinh nghiệm để phổ biến kinh nghiệm, nâng cao năng lực, kỹ năng tranh luận. Kiểm sát viên phải thường xuyên tự mình đánh giá lại kết quả hoạt động sau mỗi phiên toà, rút kinh nghiệm một cách nghiêm túc những thiếu sót, chú ý lắng nghe các ý kiến góp ý của đồng nghiệp, dư luận của công chúng với thái độ cầu thị để không ngừng hoàn thiện hơn kỹ năng nghiệp vụ của mình trong công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử sơ thẩm hình sự nói chung cũng như việc trình bày luận tội, tham gia tranh luận của Kiểm sát viên tại các phiên toà. Các KSV không chỉ trau dồi kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm trong tranh luận, đối đáp mà thường xuyên học hỏi những kỹ thuật tiến bộ để việc giải quyết vụ án hiệu quả.

*Ba là, tiếp tục quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của Quy chế* về công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự ban hành kèm theo Quyết định của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao để vai trò thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử của kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự được nâng cao nhất là thực hiện tốt chức năng tranh luận, đối đáp đáp nhằm nâng cao vị thế của Kiểm sát viên tại phiên tòa và vai trò của Viện kiểm sát đến từng người dân, đồng thời đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp đang đặt ra trong giai đoạn hiện nay.

# CHUYÊN ĐỀ

# KINH NGHIỆM TRANH LUẬN, ĐỐI ĐÁP CỦA KIỂM SÁT VIÊN KHI THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ VÀ KIỂM SÁT XÉT XỬ CÁC VỤ ÁN NGHIÊM TRỌNG, PHỨC TẠP, DƯ LUẬN XÃ HỘI QUAN TÂM

## *Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An*

**1. Đánh giá chung**

Đối với những vụ án nghiêm trọng, phức tạp, dư luận quan tâm, công tác THQCT kiểm sát xét xử thể hiện qua việc tranh luận, đối đáp tại phiên tòa giữa Kiểm sát viên với bị cáo, người bào chữa của bị cáo tập trung ở một số nội dung như: bị cáo phủ nhận toàn bộ hành vi phạm tội cho rằng Viện kiểm sát truy tố oan; bị cáo, người bào chữa của bị cáo đưa ra cơ sở và căn cứ pháp luật để chứng minh bị cáo không phạm tội như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố; hoặc đưa ra cơ sở, chứng cứ và căn cứ pháp luật để chứng minh bị cáo có phạm tội nhưng là tội danh khác nhẹ hơn hoặc cùng tội danh nhưng có khung hình phạt nhẹ hơn; Thậm chí đưa ra ý kiến thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh, nhưng không thống nhất cách đánh giá tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, hoặc đưa ra một số tình tiết giảm nhẹ khác, về nhân thân để đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt dưới mức Kiểm sát viên đề nghị và đưa ra ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa hoặc trả lại hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung…

Trong quá trình giải quyết vụ án, vấn đề tranh luân, đối đáp của Kiểm sát viên khi THQCT và KSXX các vụ án hình sự nói chung có vai trò hết sức quan trọng, đăc biệt là đối với các vụ án nghiêm trọng, có nhiều tình tiết phức tạp, những vụ án được dư luận xã hội quan tâm. Nhận thức được ý nghĩa, tầm quan trọng đó, Lãnh đạo Viện Tỉnh đã có nhiều biện pháp chỉ đạo nhằm nâng cao trách nhiệm của KSV trong công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử nhất là kỹ năng tranh tụng, đối đáp của KSV tại phiên tòa, góp phần cùng Tòa án làm sáng tỏ các tình tiết của vụ án, việc giải quyết các vụ án ngày càng có chất lượng tốt hơn, bảo đảm đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật; tình trạng sai sót trong việc giải quyết các vụ án hình sự đã giảm rõ rệt, nhất là không xảy ra trường hợp Viện kiểm sát truy tố nhưng Tòa án tuyên bị cáo không phạm tội.

Qua thực tiễn có nhiều Kiểm sát viên đã thực hiện tốt vai trò trước và trong khi tham gia phiên tòa, bình tĩnh, tự tin trong đối đáp tranh luận, thể hiện được bản lĩnh của KSV khi thực hành quyền công tố. Các Kiểm sát viên khi được giao nhiệm vụ thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử đã có sự chuẩn bị chu đáo, nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án, đánh giá các chứng cứ buộc tội, gỡ tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và các nội dung khác có liên quan đến việc giải quyết vụ án. Từ đó xây dựng đề cương xét hỏi và dự thảo luận tội dự kiến những nội dung cần tranh luận; tích cực tham gia xét hỏi nhằm đấu tranh làm rõ những chứng cứ, tình tiết chưa rõ và tập trung theo dõi mọi diễn biến, ghi chép đầy đủ bút ký phiên tòa, các câu trả lời của bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác. Do đó, chất lượng công tác THQCT-KSXX các vụ án hình sự được nâng cao, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp theo tinh thần Nghị quyết số 49-NQ/TW, ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị và Chỉ thị số 09/CT-VKSTC, ngày 06/4/2016 của Viện trưởng VKSNDTC về tăng cường các biện pháp nâng cao chất lượng tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa;

Tuy nhiên bên cạnh đó, một số Kiểm sát viên khi tranh luận với luật sư và bị cáo chưa có sức thuyết phục, còn né tránh, ngại tranh luận. Một số Kiểm sát viên khi tranh luận không đối đáp hết ý kiến của luật sư, bị cáo, không có sức thuyết phục. Phong cách, thái độ của một số Kiểm sát viên khi tranh luận còn tỏ ra thiếu bình tĩnh, dẫn đến hạn chế việc tranh luận.

**2. Một số kinh nghiệm trong THQCT và KSXX hình sự:**

Thông qua công tác THQCT và KSXX các vụ án hình sự nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm, VKS tỉnh Nghệ An rút ra một số kinh nghiệm như sau:

*Thứ nhất, phân công, lựa chọn Kiểm sát viên phải phù hợp.*

Trong quá trình phân công Kiểm sát viên trực tiếp thụ lý vụ án, cần phải lựa chọn những Kiểm sát viên có năng lực, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ và có nhiều kinh nghiệm trong việc giải quyết các vụ án nghiêm trọng, vụ án phức tạp, được dư luận xã hội quan tâm.

Kiểm sát viên phải có sự hiểu biết nhất định về đặc điểm nhân thân, đặc điểm kinh tế xã hội, dân cư; có hiểu biết nhất định về tâm lý học, sự hình thành, phát triển và cơ chế bột phát của tâm lý trong diễn biến hành vi tội phạm.

*Thứ hai, nâng cao năng lực, trình độ, trách nhiệm của Kiểm sát viên*

Trước hết bản thân Kiểm sát viên phải nâng cao trách nhiệm của mình trong việc nghiên cứu hồ sơ vụ án và chuẩn bị cho hoạt động tranh tụng tại phiên tòa. Phải nghiên cứu để nắm vững các quy định của pháp luật, nhất là về hình sự, về tố tụng hình sự, các văn bản pháp luật có liên quan và các văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật, các thông báo rút kinh nghiệm của ngành và của các cơ quan chức năng khác. Thường xuyên rèn luyện các kỹ năng nghiệp vụ về tham gia phiên tòa hình sự như kỹ năng trình bày luận tội, diễn đạt, đối đáp, sự linh hoạt trước các vấn đề mới phát sinh tại phiên tòa. Phải tự mình đánh giá lại kết quả hoạt động sau mỗi phiên tòa, rút kinh nghiệm một cách nghiêm túc những thiếu sót, chú ý lắng nghe các ý kiến góp ý nhằm hoàn thiện hơn kỹ năng nghiệp vụ của mình.

*Thứ ba,nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án, chuẩn bị kỹ lưỡng các tình huống có thể xảy ra tại phiên tòa.*

KSV được phân công tham gia phiên tòa phải nghiên cứu kỹ HSVA, phải có sự chuẩn bị đề cương xét hỏi, dự kiến tình huống tranh luận, dự thảo kết luận, dự kiến nội dung đối đáp làm tiền đề cho hoạt động xét hỏi tại phiên tòa, để làm cơ sở đối đáp, tranh luận làm sáng tỏ hành vi phạm tội của bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, bồi thường TNDS. Quá trình tranh luận, đối đáp phải hết sức bình tĩnh, tự tingóp phần làm cho Tòa án ra những phán quyết đúng người, đúng pháp luật, không làm oan người vô tội, không bỏ lọt tội phạm, công bằng trong quyết định hình phạt, đảm bảo quyền con người, quyền công dân. Cụ thể:

- Đối với vụ án nếu bị cáo chối tội tại phiên tòa thì ngoài các chứng cứ đã thu thập đó đủ để buộc tội cần chuẩn bị thêm các tài liệu khác có liên quan tới việc kết tội bị cáo và giải quyết vụ án đó. Các tài liệu, chứng cứ phải sắp xếp có hệ thống trước để khi đối đáp tranh luận và phải nêu rõ bút lục của tài liệu trong hồ sơ chính nhằm nâng cao tính thuyết phục trong lập luận đối đáp, tranh luận.

- Đối với những vụ án có sự tham gia của người bào chữa cần phải thực hiện thật đầy đủ và đúng quy định của BLTTHS về quyền và nghĩa vụ của người bào chữa. Quá trình kiểm sát cần áp dụng nhiều biện pháp linh hoạt để nắm bắt và dự đoán được ý kiến bảo vệ của người bào chữa để từ đó xây dựng phương án tranh luận, đối đáp.

- Xây dựng kế hoạch xét hỏi và kế hoạch tranh luận tại phiên tòa và chuẩn bị các văn bản pháp luật, văn bản hướng dẫn thi hành pháp luật của các cơ quan chức năng có liên quan tới việc xác định tội danh, điều luật, khoản để áp dụng hình phạt; trách nhiệm dân sự đối với bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án để chủ động trong đối đáp, tranh luận tại phiên tòa.

 - Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vừa phải chủ động tham gia xét hỏi nhằm đấu tranh làm rõ những chứng cứ, tình tiết chưa rõ, vừa phải tập trung, ghi chép để theo dõi mọi diễn biến, ghi chép đầy đủ các câu hỏi của Hội đồng xét xử, người bào chữa, các câu trả lời của bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác để phán đoán hướng bào chữa; từ đó bổ sung vào dự thảo những ý kiến đối đáp, tranh luận.

Cần dự kiến những tình huống có thể xảy ra tại phiên tòa dựa trên thái độ, lời khai của bị cáo, nhân chứng, người bị hại, người liên quan trong quá trình điều tra, truy tố để phán đoán những tình huống, những câu hỏi, việc chối tội, khai không đúng sự thật… tại phiên tòa để dùng tài liệu và các quy định của Pháp luật để giải thích, tranh luận bảo vệ cáo trạng đã truy tố và luận tội một cách thuyết phục.

Linh hoạt, bình tĩnh để xử lý các tình huống phát sinh ngoài dự kiến, tránh trường hợp ra giữa phiên tòa bị can chối tội, bác bỏ các hành vi phạm tội. Kiểm sát viên ngoài những chứng cứ có tại hồ sơ cần phải sắc sảo, lập luận, đưa ra những chứng cứ nhằm buộc tội bị cáo.

*Thứ tư, trau dồi và nâng cao văn hoá pháp lý của Kiểm sát viên*

Hoạt động tranh luận, đối đáp của Kiểm sát viênkhi THQCT và KSXX các vụ án hình sự là hoạt động đấu tranh công khai của kiểm sát viên tại phiên tòa. Do vậy, để xây dựng hình ảnh của người cán bộ kiểm sát thì Kiểm sát viên phải không ngừng trau dồi các thao tác, kỹ năng nghiệp vụ của mình theo những chuẩn mực cơ bản về “văn hóa”, nhất là văn hóa pháp lý trong tranh luận, đối đáp. Tránh tình trạng nóng vội, phản ứng gay gắt hoặc đưa ra những phản biện mà văn phong không rõ ràng gây hiểu lầm...làm cho hoạt động tranh luận, đối đáp không đạt được kết quả đã vạch ra.

*Thứ năm, đề cao trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra của Lãnh đạo Việnvà tính kỷ luật, kỷ cương của Kiểm sát viên*

Lãnh đạo đơn vị cần tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ, công việc được giao, tăng cường hơn nữa ý thức trách nhiệm của kiểm sát viên trong việc thực hiện các quyền hạn tố tụng. Yêu cầu kiểm sát viên phải kiểm sát chặt chẽ hoạt động xét xử, đồng thời mở sổ theo dõi và tích luỹ vi phạm trong hoạt động xét xử của Tòa án. Định kỳ cần tổ chức giao ban giữa Viện kiểm sát và Tòa án để nêu lên những vi phạm, tồn tại mà Tòa án thường mắc phải nhưng chưa đến mức phải ban hành kiến nghị nhằm hạn chế tình trạng vi phạm kéo dài đồng thời cũng tránh việc lạm dụng kiến nghị ảnh hưởng đến quan hệ phối hợp. Đối với những vi phạm nghiêm trọng và có hệ thống thì kiên quyết phải ban hành kiến nghị để Tòa án sớm khắc phục.

*Thứ sáu: Nâng cao hơn nữa mối quan hệ phối hợp giữa các Cơ quan tiến hành tố tụng*

Thực tiễn cho thấy rằng, nếu các Cơ quan tiến hành tố tụng phối hợp tốt không những tranh thủ được các ý kiến đóng góp và khắc phục những sơ hở thiếu sót của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán mà còn giúp cho việc giải quyết vụ án được thuận lợi hơn. Do đó, đối với những vụ án phức tạp cần tiến hành họp 03 ngành trước khi khởi tố vụ án, khởi tố bị can để lấy ý kiến thống nhất về việc xác định tội danh, vấn đề đồng phạm, những việc chưa làm được và những việc cần làm trong giai đoạn tố tụng tiếp theo. Trong đó, những Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán nào tham gia cuộc họp thì Lãnh đạo các đơn vị cần phân công cho những người trực tiếp thụ lý và giải quyết vụ án.

*Thứ bảy, áp dụng công nghệ thông tin vào quá trình giải quyết vụ án*

Tại phiên tòa. Kiểm sát viên có thể linh hoạt sử dụng máy tính để từ đó, ứng dụng các phần mềm tìm kiếm, nhằm hộ trợ việc cập nhật các văn bản hướng dẫn, các quy định có liên quan để làm căn cứ trích dẫn, đối đáp.

*Thứ tám, cần thỉnh thị, xin ý kiến chỉ đạo của VKS cấp trên khi có khó khăn, vướng mắc trong áp dụng pháp luật*

Quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phải chỉ đạo Kiểm sát viên thực hiện việc báo cáo, thỉnh thị xin đường lối giải quyết và ý kiến chỉ đạo của VKS cấp trên. Khi có ý kiến chỉ đạo cần thực hiện đầy đủ và nghiêm túc nhằm đảm bảo vụ án được xử lý đúng pháp luật, không oai sai, không bỏ lọt tội phạm.

*Thứ chín,rút kinh nghiệm, lấy ý kiến góp ý và khen thưởng kịp thời*

Khi kiểm sát viên để xảy ra vi phạm, thiếu sót trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì cần phải phân tích, đánh giá những vi phạm của KSV, của Lãnh đạo trực tiếp phụ trách để đúc rút kinh nghiệm cho các phiên tòa lần sau.

Biểu dương, khen thưởng những đ/c Kiểm sát viên thực hiện tốt nhiệm vụ, đặc biệt là thể hiện tốt kỹ năng của mình trước phiên tòa để làm gương cho các đồng chí khác noi theo.

**3. Vụ án điển hình**

Thời gian qua, VKS Nghệ An có thụ lý và giải quyết một số vụ án nghiêm trọng, phức tạp, dư luận quan tâm, điển hình là hai vụ án sau:

 **\* Vụ ánTrần Minh Hoài phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".**

Trần Minh Hoài (sinh năm 1970) trú tại xóm 8, xã Diễn Trường, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An bị VKSND tỉnh Nghệ An truy tố về tội *“Mua bán trái phép chất ma túy”* quy định tại điểm h, khoản 4 điều 194 BLHS 1999. Đây là vụ án mà bị cáo là người đã bị Tòa án kết án nhiều lần về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, trong suốt quá trình điều tra truy tố, xét xử bị cáo liên tục thay đổi lời khai không thừa nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy như VKS truy tố mà chỉ thừa nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Tại phiên tòa bị cáo khai ra tình tiết mới để chứng minh cho lời khai của bị cáo. Tuy nhiên trong phần tranh luận và đối đáp Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa đã lập luận, đưa ra các căn cứ để bác bỏ lời khai của bị cáo bảo vệ quan điểm truy tố của VKS được HĐXX chấp nhận và tuyên phạt bị cáo đúng tội danh mà VKS đã truy tố. Theo nội dung cáo trạng và các tài liệu chứng cứ thu thập được có tại hồ sơ vụ án thì hành vi phạm tội của bị cáo Trần Minh Hoài thể hiện:

Vào 08h ngày 14/12/2017 Hoài mang theo 60.000.000đ đi xe khách từ huyện Diễn Châu lên huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An gặp một người đàn ông tên Bố dân tộc Mông (không rõ lai lịch địa chỉ) hỏi mua ma túy về bán kiếm lời. hai bên thỏa thuận Hoài mua 200 gam ma túy đá và 02 cây ma túy heroin tổng số tiền 100.000.000đ, Hoài trả trước 56.000.000đ hen lần sau lên mua tiếp sẽ trả hết tiền. Sau khi mua được ma túy Hoài cất dấu tại nhà trọ. Khoảng 14h ngày 15/12/2017 có một người đàn ông tên Tuấn (Hoài quen biết từ trước) nhưng không rõ lai lịch, địa chỉ gọi điện cho Hoài đến phòng 606 khách sạn Mường Thanh ở thị trấn Diễn Châu, huyện Diễn Châu gặp một người đàn ông ở Đà Nẵng để giao dịch mua bán ma túy. Hoài điều khiển xe ô tô BKS 37A.088.08 đến khách sạn Mường Thanh, tại phòng 606 người đàn ông này mở túi xách lấy tiền cho Hoài xem thì Hoài nói đi về nhà Hoài để giao dịch mua bán ma túy, người đàn ông này nói Hoài về trước rồi sẽ đến sau. Khi về nhà có chị Đặng Thị Hoa (bạn Hoài) đang ngủ trong phòng. Hoài lấy ma túy đá và heroin cho Tuấn xem, đồng thời Hoài lấy một ít ma túy đá ra cùng Tuấn và Duyên (bạn Hoài) sử dụng. Khoảng 20 phút sau người đàn ông Quảng Nam đến và gọi Hoài ra mở cửa. Đúng lúc này lực lượng công an ập vào thu giữ 02 gói potylen chứa 211,09 gam ma túy Methamphetamine, 01 gói potylen chứa 72,23 gam ma túy heroin; 01 bình thủy tinh màu trắng dạng thắt cổ chai được gắn vòi nhựa, 01 chai thủy tinh màu trắng được gắn vòi nhựa, 01 cân điện tử, 30 bao potylen màu trắng, 03 cuộn băng dính, 01 điện thoại di động Itel, các đối tượng Tuấn, Duyên và người đàn ông Quảng Nam chạy thoát.

Quá trình điều tra Hoài khai nhận mua ma túy về để bán kiếm lời, khi đang chuẩn bị giao dịch mua bán ma túy với người đàn ông Quảng Nam thì bị cơ quan công an bắt giữ. Tuy nhiên, sau đó Hoài đã phản cung khai nhận số ma túy cơ quan công an thu giữ do Hoài mua về để sử dụng, Hoài không thừa nhận mua ma túy để bán kiếm lời, chỉ chấp nhận tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Tại phiên tòa hình sự sơ thẩm ngày 25/5/2018 bị cáo Hoài tiếp tục phản cung thay đổi toàn bộ lời khai của bị cáo so với khi bị bắt và trong quá trình điều tra cụ thể bị cáo cho rằng: Bị cáo lái xe tải chạy tuyến Bắc Nam, thường xuyên đi lại trên đường nên bị cáo mua ma túy sử dụng để chống buồn ngủ, làm tinh thần tỉnh táo để điều khiển phương tiện. Bị cáo còn khai rằng trước khi bị bắt bị cáo được một số đơn vị công an sử dụng để để đấu tranh, phát hiện tội phạm ma túy trên địa bàn tỉnh Nghệ An, toàn bộ số ma túy bị bắt quả tang, cân điện tử, bao potylen, băng dính là do các cán bộ Công an thành phố Vinh, Công an huyện Diễn Châu, Phòng CSĐT tội phạm ma túy Công an tỉnh Nghệ An cho bị cáo để giúp họ bắt giữ tội phạm ma túy. Bị cáo khai rõ họ tên, chức vụ, đơn vị công tác của những người cho ma túy, cho bị cáo mượn súng và các vật chứng khác là để giúp cơ quan Công an trong đấu tranh tội phạm ma túy, bị cáo không mua ma túy về để bán, trước đây bị cáo khai nhận mua ma túy về bán kiếm lời là do bị cán bộ công an đánh đập. Khi kiểm sát viên hỏi bị cáo cơ sở nào bị cáo cho rằng toàn bộ số ma túy bị bắt quả tang là do cán bộ công an cho bị cáo? Bị cáo trình bày các cuộc tin nhắn trao đổi giữa bị cáo và những người cho ma túy, đưa súng cho bị cáo đều được lưu trên điện thoại di động và lưu trên mạng xã hội tài khoản “Icloud” (tài khoản đám mây). Kiểm sát viên hỏi bị cáo sử dụng điện thoại nào để lưu giữ thông tin. Bị cáo khai sử dụng điện thoại nhãn hiệu Oppo (smartphone) khi bị bắt quả tang Công an thị xã Hoàng Mai đã thu giữ. Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị HĐXX trả hồ sơ để điều tra bổ sung làm rõ lời khai của bị cáo. Đây là tình huống bị cáo khai ra tình tiết mới hoàn toàn khác với các tình tiết có tại hồ sơ vụ án, có thể làm thay đổi toàn bộ quyết định truy tố của Viện kiểm sát, HĐXX có thể trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung. Nếu lời khai của bị cáo có căn cứ có thể làm thay đổi tội danh của bị cáo từ tội “*Mua bán trái phép chất ma túy”* sang tội *“Tàng trữ trái phép chất ma túy*. Tuy nhiên kiểm sát viên thấy rằng bị cáo là người có 02 tiền án về tội mua bán trái phép chất ma túy, bị cáo có kinh nghiệm trong khai báo, cố ý nại ra các tình tiết để kéo dài thời gian xử lý, gây khó khăn cho các cơ quan tố tụng mục đích của bị cáo là để không bị xét xử về tội *“Mua bán trái phép chất ma túy”* vì có khung hình phạt cao hơn so với tội *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”*. Kiểm sát viên đã đề nghị HĐXX căn cứ Điều 251, 252 BLTTHS tạm dừng phiên tòa để xác minh, bổ sung tài liệu, chứng cứ. HĐXX đã tạm dừng phiên tòa 05 ngày và có công văn đề nghị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Nghệ An, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Vinh, Cơ quan CSĐT Công an huyện Diễn Châu, Cơ quan CSĐT Công an thị xã Hoàng Mai làm rõ về việc có sử dụng Hoài làm cơ sở bí mật để đấu tranh tội phạm ma túy không? có đưa ma túy, súng cho Hoài không? Trong thời gian tạm dừng phiên tòa Cơ quan điều tra đã bổ sung các tài liệu theo yêu cầu của HĐXX.

Sau thời gian tạm dừng phiên tòa để thu thập, bổ sung tài liệu chứng cứ, phiên tòa tiếp tục phần xét hỏi và tranh luận. Tại phiên tòa bị cáo Hoài vẫn không thừa nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy như cáo trạng truy tố mà cho rằng chất ma túy Cơ quan công an thu giữ của bị cáo là do các cán bộ công an đưa cho bị cáo để giúp công an đấu tranh tội phạm ma túy, bị cáo chỉ phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Kiểm sát viên đã đưa ra các căn cứ để bác bỏ lời khai của bị cáo:

Thứ nhất công văn của các đơn vị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Nghệ An, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Vinh, Cơ quan CSĐT Công an huyện Diễn Châu khẳng định không cung cấp ma túy cho bị cáo Hoài và không sử dụng bị cáo Hoài để thực hiện các chuyên án đấu tranh phòng chống tội phạm ma túy như lời khai của Hoài.

Thứ hai, khi bị cáo Hoài bị bắt quả tang Cơ quan điều tra chỉ thu giữ 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Itel của bị cáo Hoài, điện thoại này chỉ có chức năng nghe, gọi và nhắn tin không có chức năng ghi âm, truy cập mạng. Ngoài ra không có tài liệu nào phản ánh Cơ quan điều tra Công an thị xã Hoàng Mai thu giữ chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo như lời khai của bị cáo tại phiên tòa, việc bị cáo cho rằng có lưu tin nhắn, nội dung trao đổi giữa bị cáo và người đưa ma túy trong tài khoản đám mây là không có cơ sở. Do đó không có căn cứ để cho rằng bị cáo Hoài là cơ sở bí mật của các đơn vị công an tỉnh Nghệ An và số ma túy thu giữ của Hoài là do các đơn vị công an đưa cho Hoài để thực hiện chuyên án đấu tranh phòng chống tội phạm ma túy. Quá trình điều tra bị cáo khai nhận mua ma túy về bán lại kiếm lời thể hiện: biên bản bắt người phạm tội quả tang có người chứng kiến tham gia Hoài khai mua ma túy để bán kiếm lời. Quá trình lập biên bản không bị đánh đập, bức cung hay nhục hình; các bản tự khai do bị cáo tự viết, các biên bản hỏi cung bị can khi bị can nhận tội mua ma túy về bán kiếm lời có sự tham gia Kiểm sát viên đều được Điều tra viên cho bị cáo tự đọc và xác nhận nội dung khai báo là đúng, bị cáo cũng không khiếu nại, tố cáo gì về việc bị cán bộ, điều tra viên bức cung, nhục hình. Những tài liệu trê đều được thu thập khách quan, đúng quy định của pháp luật. Như vậy, việc bị cáo khai do bị đánh đập, bức cung là không có căn cứ chấp nhận. Từ đó kiểm sát viên bác bỏ toàn bộ lời khai không có căn cứ của bị cáo tại phiên tòa và khẳng định nội dung cáo trạng truy tố bị cáo về tội mua bán trái phép chất ma túy là có căn cứ, đúng pháp luật.

Trên cơ sở quan điểm của kiểm sát viên và kết quả thẩm vấn, tranh luận tại phiên tòa kết hợp các tài liệu chứng cứ thu thập có tại hồ sơ vụ án HĐXX đã áp dụng điểm h, khoản 4, điều 194 BLHS 1999 tuyên phạt bị cáo Trần Minh Hoài 20 năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo Hoài kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm cho rằng mức án 20 năm tù là không phù hợp, Tòa án xét xử chưa đúng tội danh, đề nghị Tòa phúc thẩm TAND Tối Cao xem xét lại bản án, xử đúng người, đúng tội. Ngày 29/11/2018 Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm tuyên phạt y án 20 năm tù đối với Trần Minh Hoài về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy”*.

**\* Vụ án Thái Bá Tuấn phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” và tội “*Đe dọa giết người*”**

Nội dung vụ việc như sau: Trong khoảng thời gian từ 15 giờ đến 17 giờ 30 phút ngày 02/12/2019 tại nhà Thái Bá Tuấn ở xóm Tân Thịnh, xã Tân An, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An, Thái Bá Tuấn đã dùng dao tự chế chém anh Trần Văn Thạch gây tổn thương cơ thể do thương tích gây nên 02 %. Sau đó, Thái Bá Tuấn dùng súng ngắn bắn, đe dọa giết anh Trần Văn Thạch, Tạ Quang Minh, Thái Văn Thịnh làm các anh Trần Văn Thạch, Tạ Quang Minh, Thái Văn Thịnh hoang mang, lo sợ.

Ngay từ đầu, vụ án được liên ngành Công an- Viện kiểm sát- Tòa án huyện Tân Kỳ đánh giá là vụ án phức tạp bởi lẽ, bị can là đối tượng đã có tiền án, nhân thân xấu, có ảnh hưởng nhất định trong giới giang hồ trên địa bàn, ngay từ giai đoạn điều tra, bị can đã không thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Tại phiên tòa, bị cáo tiếp tục ngoan cố cho rằng: Ngày 02/12/2019 bị cáo đánh anh Nguyễn Văn Thạch và anh Tạ Quang Minh là do phát hiện anh Thạch vào nhà mình để trộm cắp tài sản, lúc đánh bị can không sử dụng hung khí là dao mà chỉ dùng chiếc cốc nhựa. Bị cáo cho rằng dùng dao đánh thì không thể gây thương tích 2% cho người khác. Khẩu súng mà Thái Bá Tuấn dùng để đe dọa anh Nguyễn Văn Thạch, Tạ Quang Minh, Thái Văn Thịnh không phải là khẩu súng thật nên không cấu thành tội “Đe dọa giết người” như Cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố.

Để đối đáp, tranh luận, Kiểm sát viên đã bình tĩnh, tự tin vận dụng linh hoạt lý luận pháp luật về cơ chế hình thành dấu vết, về cấu thành tội phạm; đồng thời hệ thống, tổng hợp những chứng cứ, tài liệu đã được kiểm tra tại phiên tòa và những tài liệu, chứng cứ khác được thu thập từ giai đoạn điều tra, truy tố đã có trong hồ sơ vụ án; trên cơ sở đó, phân tích một cách lôgic, lập luận một cách chặt chẽ để chứng minh hành vi của bị cáo là phạm tội và cũng nhằm bác bỏ những chứng cứ, căn cứ pháp luật mà bị cáo nêu ra. Cụ thể: Kiểm sát viên đã căn cứ vào Bản Kết luận giám định pháp y kết luận: “*Vết thương trên có khả năng do vật sắc gây nên*…”, việc sử dụng chiếc cốc nhựa để gây nên vết thương trên là không có căn cứ; mặc dù bị cáo cho rằng việc Nguyễn Văn Thạch và Tạ Quang Minh vào nhà mình thực hiện hành vi trộm cắp tài sản có vợ của bị cáo làm chứng, tuy nhiên tại phiên tòa, qua quá trình xét hỏi nhân chứng là vợ bị cáo, Kiểm sát viên đã chỉ ra được mâu thuẫn giữa mốc thời gian vợ bị cáo ở nhà và thời gian xảy ra vụ việc, qua đó kết luận được việc vợ của Bị cáo không biết được sự việc trên là chính xác, bác bỏ quan điểm của bị cáo. Đồng thời, Kiểm sát viên đã phân tích những yếu tố cấu thành nên tội “*Đe dọa giết người*” theo quy định của Điều 133 BLHS, không bao gồm bắt buộc việc sử dụng “súng thật” như quan điểm của bị cáo.

Dưới sự chủ trì của Chủ tọa phiên tòa, Kiểm sát viên đã đưa ra chứng cứ, tài liệu và lập luận để đối đáp đến cùng từng ý kiến của bị cáo. Từ những phân tích, nhận định và đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử đã tuyên Thái Bá Tuấn 07 năm tù.

Với kinh nghiệm nhiều năm công tác, bản lĩnh nghề nghiệp và tinh thần trách nhiệm cao trong quá trình giải quyết vụ án, Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử sơ thẩm đã thể hiện được vai trò Thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử, kỹ năng đối đáp tranh luận tốt và có chất lượng đã nâng cao vị thế của Kiểm sát viên tại phiên tòa, góp phần nâng cao uy tín, trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân trong tiến trình cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay. Phiên tòa đã nhận được sự đánh giá cao của các cơ quan tiến hành tố tụng, sự ghi nhận của cấp trên cũng như chính quyền địa phương.

# CHUYÊN ĐỀ

# KINH NGHIỆM TRANH LUẬN, ĐỐI ĐÁP CỦA KIỂM SÁT VIÊN KHI THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ VÀ KIỂM SÁT XÉT XỬ CÁC VỤ ÁN NGHIÊM TRỌNG, PHỨC TẠP, DƯ LUẬN XÃ HỘI QUAN TÂM

## *Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang*

**1. Thực trạng, kinh nghiệm đối đáp của Kiểm sát viên khi THQCT và KSXX các vụ án nghiêm trọng, phức tạp, dự luận xã hội quan tâm**

Thực hiện chủ trương, Nghị quyết của Đảng và của Ngành về nâng cao chất lượng tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự, thời gian qua hai cấp Kiểm sát tỉnh Kiên Giang đã đưa nội dung này vào chương trình, kế hoạch công tác năm và triển khai nhiều giải pháp thực hiện, trong đó chú trọng nâng cao toàn diện công tác THQCT và KSXX các vụ án hình sự, thực hiện thông khâu kiểm sát điều tra (KSĐT) – KSXX sơ thẩm các vụ án hình sự (Kiểm sát viên làm nhiệm vụ kiểm sát điều tra, đồng thời tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm);tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn nghiệp vụ, tổ chức phiên tòa hình sự rút kinh nghiệm để đề cao tinh thần trách nhiệm, hoàn thiện kỹ năng nghiệp vụ của từng cán bộ, Kiểm sát viên ở hai cấp Kiểm sát. Một số đơn vị đã lựa chọn khâu đột phá nâng cao chất lượng tranh tụng của Kiểm sát viên tại các phiên tòa hình sự đưa vào nội dung chương trình, kế hoạch công tác năm của đơn vị mình để triển khai thực hiện. Đặc biệt là sau khi có Chỉ thị số 09/CT-VKSTC của Viện trưởng VKSND tối cao, VKSND tỉnh Kiên Giang đã kịp thời xây dựng và ban hành Chương trình (số 37/CTr-VKS-P7 ngày 22/4/2016) quán triệt đến các đơn vị hai cấp Kiểm sát xây dựng kế hoạch thực hiệncác biện phápnâng cao chất lượng tranh tụng của Kiểm sát viên tại các phiên tòa hình sự và thực hiện có hiệu quả tại đơn vị mình, nhất là đối với các vụ án nghiêm trọng, phức tạp, dự luận xã hội quan tâm. Qua quá trình triển khai, thực hiện, chất lượng hoạt động tranh luận, đối đáp của Kiểm sát viên tại phiên tòa được nâng lên rõ rệt. Kiểm sát viên đã nhận thức đúng đắn và đầy đủ về bản chất, ý nghĩa của tranh luận và vai trò của mình trong việc thực hiện chức năng công tố tại phiên tòa.

Theo số liệu thống kê trong 03 năm(từ năm 2017 – 2019), Kiểm sát viên hai cấp đã THQCT và KSXX tại phiên tòa 3.393 vụ, 5.824bị cáo (sơ thẩm 2.938 vụ, 5.100 bị cáo; phúc thẩm 455vụ, 724bị cáo). Các vụ án chủ yếu tập trung vào nhóm tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe; tội phạm xâm phạm sở hữu, tội phạm ma túy.Quy mô tội phạm, tính chất, mức độ thực hiện tội phạm, tínhchất phức tạp trong cácvụ án đã truy tố, xét xử thuộc dạng trung bình, chưa xảy ra vụ án nào có tính chất đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp, được dư luận xã hội đặc biệt quan tâm. Hầu hết các vụ án đã được các cơ quan tiến hành tố tụng khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử một cách khách quan, toàn diện, chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật;bị cáo, người bào chữa thống nhất cao với quyết định truy tố và quan điểm giải quyết vụ án của Viện Kiểm sát, do đó tại phiên tòa cũng hạn chế phát sinh các vấn đề cần tranh luận, đối đáp.Trung bình mỗi năm, Kiểm sát viên hai cấp đã thực hiện hoạt động tranh luận, đối đáp đối với hàng nghìn ý kiến và đề nghị của bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa, nội dung tranh luận chủ yếu tập trung vào hai dạng chính sau:

*- Dạng thứ nhất:* Bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội;bị cáo, người bào chữa cho rằng hành vi của bị cáo chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hoặc hành vi của bị cáo thuộc trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự(sự kiện bất ngờ, phòng vệ chính đáng, tình thế cấp thiết…). Trong trường hợp này, Kiểm sát viên phảidựa trên các chứng cứ buộc tộithể hiện ở từng bút lục cụ thể để loại trừ yếu tố ngoại phạm của bị cáo, trên cơ sở các chứng cứ đó, phân tích lý luận về cấu thành tội phạm, lý luận về các vấn đề loại trừ trách nhiệm hình sự cụ thểđể khẳng định hành vi phạm tội của bị cáo[[11]](#footnote-11).

*- Dạng thứ hai:* Bị cáo, người bào chữa không thống nhất với loại và mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị.Bị cáo, người bào chữa cho rằng loại và mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị là quá nặng đối với bị cáo, không tương xứng với hành vi phạm tội, không phù hợp với chính sách pháp luật hình sự của Nhà nước, cần giảm hình phạt; bị hại hoặc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự lại cho rằng loại và mức hình phạt như vậy là quá nhẹ đối với bị cáo, cần tăng hình phạt. Trường hợp này, Kiểm sát viênphải căn cứ vào chính sách xử lý hình sự và thực tiễn yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương; mục đích, tính chất, mức độ, phương thức, thủ đoạn thực hiện hành vi phạm tội;tính chất quan trọng của khách thể bị xâm hại, mục đích, hậu quả hành vi phạm tội gây ra; hình thức và mức độ lỗi, mức độ thiệt hại đã gây ra, các biện pháp và khả năng khắc phục thiệt hại, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo để phân tích một cách chi tiết, sâu sắc, từ đó khẳng định loại và mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị là có căn cứ, phù hợp tích chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội, đúng quy định của pháp luật[[12]](#footnote-12).

Nhìn chung, hoạt động tranh luận, đối đáp của Kiểm sát viên tại phiên tòa cơ bản đáp ứng được yêu cầu cải cách tư pháp. Kiểm sát viên đã tích cực hơn trong việc nghiên cứu hồ sơ vụ án, phương pháp tổng hợp, đánh giá các chứng cứ buộc tội, gỡ tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và các nội dung khác có liên quan đến việc giải quyết vụ án chặt chẽ hơn; công tác chuẩn bị đề cương xét hỏi, bản luận tội và dự kiến các vấn đề cần phải tranh luận tại phiên tòa với người bào chữa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác được quan tâm, chú trọng. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã đề cao vai trò của mình trong hoạt động xét hỏi, tranh luận, chủ động ghi chép diễn biến phiên tòa, chủ động xét hỏi làm rõ tình tiết của vụ án phục vụ cho đối đáp, tranh luận; Kiểm sát viên thể hiện được sự bình tĩnh, tự tin, ứng xử đúng mựctheo Quyết định số 46/QĐ-VKS ngày 20/02/2017 của Viện trưởng VKSND tối cao. Hầu hết các vấn đề tranh luận do người bào chữa, bị cáo và người tham gia tố tụng đưa ra đều được Kiểm sát viên đối đáp một cách đầy đủ, có căn cứ, đúng quy định pháp luật, lập luận chặt chẽ, có sức thuyết phục cao. Tuy nhiên, hoạt động tranh luận, đối đáp của Kiểm sát viên còn bộc lộ một số hạn chế nhất định: Một số Kiểm sát viênchuẩn bị xét xử còn sơ sài, chưa toàn diện, chủ quan, không trích cứu, trích dẫn các chứng cứ quan trọng phục vụ cho việc tranh luận; dự liệu các vấn đề cần phải tranh luận tại phiên tòa chưa được Kiểm sát viên quan tâm thực hiện đúng mức (không dự liệu trước, dự liệu sơ sài) dẫn đến tại phiên tòa Kiểm sát viên bị động, lúng túng do phát sinh nội dung cần tranh luận.Tại phiên tòa, một số Kiểm sát viên chưa tham gia sâu vào hoạt động xét hỏi, câu hỏi đưa ra còn trùng lắp với câu hỏi của Hội đồng xét xử, chưa làm rõ được vấn đề và phục vụ tốt cho hoạt động tranh luận. Kiểm sát viên không tập trung theo dõi quá trình xét hỏi tại phiên tòa, không ghi chép đầy đủ các quan điểm khác nhau về từng vấn đề cần tranh luận dẫn đến đối đáp không đầy đủ, không hết các vấn đề mà người bào chữa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đưa ra; chứng cứ, lập luận Kiểm sát viên đưa ra để bảo vệ quan điểm truy tố của Viện Kiểm sát thiếu sắc bén, không chặt chẽ, tính thuyết phục không cao, còn lúng túng trước các tình huống phát sinh tại phiên tòa.

Những hạn chế trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân: Một số Kiểm sát viên chưa nhận thức đầy đủ ý nghĩa và tầm quan trọng của việc tranh luận, đối đáp tại phiên tòa,còn chủ quan trong việc nghiên cứu hồ sơ vụ án, không chuẩn bị đầy đủ các thao tác nghiệp vụ trước khi xét xử; chưa chịu khó nghiên cứu, tự học tập nâng cao khả năng, kỹ năng nghiệp vụ; chưa nắm vững cơ bản các quy định của pháp luật, những quy định chuyên ngành liên quan đến giải quyết vụ án và các văn bản dưới luật, dẫn đến việc tranh luận, đối đáp thiếu sắc bén hoặc không đối đáp thẳng vào vấn đề cần tranh luận. Lãnh đạo một số đơn vị chưa kiểm tra sâu sát đến việc thực thi nhiệm vụ của Kiểm sát viên, nhất là trong việc xây dựng đề cương xét hỏi và dự kiến các vấn đề cần tranh luận tại phiên tòa; chưadành nhiều thời gian để trực tiếp tham gia, theo dõi các phiên toà để có nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm trong hoạt động tranh luận, đối đáp của Kiểm sát viên. Quy định pháp luật về hình sự phát sinh nhiều điểm vướng mắc trong quá trình áp dụng do chưa có văn bản hướng dẫn, nhất là những quy định mới của BLHS năm 2015. Công tác THQCT và KSĐT trong một số vụ án còn sơ hở, thiếu sót, vi phạm tố tụng, chưa giải quyết được triệt để các vấn đề cần chứng minh trong vụ án. Công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực trình độ chuyên môn, nghiệp vụ nói chung và bồi dưỡng về kỹ năng tranh luận, đối đáp cho Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nói riêng chưa được quan tâm đúng mức.

**2. Một số giải pháp nâng cao chất lượng tranh luận, đối đáp của Kiểm sát viên tại các phiên tòa hình sự, đặc biệt là các vụ án nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm**

Để nâng cao được chất lượng tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự cần phải thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

*Thứ nhất*, nâng cao chất lượng công tác THQCT, KSĐT trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự.

Thực tiễn cho thấy chất lượng tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa phụ thuộc khá nhiều vào kết quả thu thập tài liệu, chứng cứ trong quá trình điều tra, Nếu làm tốt ở giai đoạn này sẽ phục vụ tốt cho hoạt động tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa và ngược lại. Do đó, trong quá trình THQCT và KSĐT các vụ án hình sự, Kiểm sát viên phải làm tốt công tác KSĐT ngay từ giai đoạn đầu, chủ động đề ra yêu cầu điều tra theo hướng buộc tội, gỡ tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, đảm bảo khi kết thúc điều tra, các vấn đề cần phải chứng minh trong vụ án hình sự đã được giải quyết đầy đủ, toàn diện, các tài liệu, chứng cứ bảo đảm tính hợp pháp, có căn cứ, đảm bảo việc truy tố đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

*Thứ hai*, nâng cao chất lượng các thao tác nghiệp vụ của Kiểm sát viên trong giai đoạn xét xử các vụ án hình sự.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, vấn đề Kiểm sát viên phải chú trọng hàng đầu là xây dựng bản luận tội, dự thảo đề cương xét hỏi và dự kiến các vấn đề cần phải tranh luận tại phiên tòa. Đây là ba vấn đề có mối liên hệ chặt chẽ với nhau quyết định chất lượng luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Để chuẩn bị tốt các vấn đề này đòi hỏi Kiểm sát viên được phân công trực tiếp THQCT và KSXX tại phiên tòa phải nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án, hệ thống được đầy đủ tài liệu, chứng cứ cần phải sử dụng để chứng minh các vấn đề trong vụ án thông qua việc trích cứu hồ sơ, bút lục cụ thể, tránh việc phôtô tài liệu tràn lan, không có hệ thống. Đồng thời với việc hệ thống chứng cứ, Kiểm sát viên phải dự thảo chi tiết đề cương xét hỏi để làm rõ các vấn đề cần phải chứng minh trong vụ án và dự liệu trước nội dung trả lời của bị cáo đối với câu hỏi đưa ra tại phiên tòa, chuẩn bị sẵn căn cứ để phản bác, làm rõ những lời khai mâu thuẫn đã thu thập được trong quá trình điều tra (nếu có). Làm tốt công tác này giúp cho Kiểm sát viên chủ động hơn trong hoạt động tranh luận với người bào chữa, bị cáo về sau, không lúng túng, bị động trước những lời khai, những tình tiết mới phát sinh tại phiên tòa.

Thực tiễn hoạt động xét xử cho thấy hoạt động tranh tụng thường xoay quanh hai nhóm vấn đề chính đó là về tội danh và hình phạt. Do đó tùy thuộc vào từng loại tội phạm khác nhau và tình tiết thể hiện trong hồ sơ vụ án, Kiểm sát viên phải dự liệu hết tất cả các vấn đề mà người bào chữa, bị cáo có thể đưa ra để tranh luận như: hành vi của bị cáo có cấu thành tội phạm hay không, tội danh gì, tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt của bị cáo…trong đó đặc biệt chú trọng đối với các tội danh có hành vi khách quan tương đồng nhau, từ đó chuẩn bị sẵn cơ sở pháp lý (văn bản quy phạm pháp luật), cơ sở khoa học (chứng cứ thể hiện ở tài liệu nào, bút lục số mấy, mối quan hệ giữa lời khai của người phạm tội, bị hại, người tham gia tố tụng khác với các tài liệu chứng cứ thu thập được) để phục vụ hoạt động đối đáp, tranh luận với người bào chữa, bị cáo và người tham gia tố tụng tại phiên tòa được đầy đủ, toàn diện, đảm bảo tính thuyết phục cao, nhận được sự đồng tình ủng hộ của dư luận xã hội.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phải tập trung theo dõi mọi diễn biến của phiên toà; ghi chép đầy đủ nội dung xét hỏi, khi hỏi cần tập trung vào những vấn đề còn mâu thuẫn, chưa được Hội đồng xét xử làm rõ; các chứng cứ, tài liệu mới được bổ sung, phát sinh mới tại phiên tòa. Khi tranh luận Kiểm sát viên phải chú ý lắng nghe lập luận của người bào chữa và bị cáođưa ra, vừa nghe, vừa ghi tóm tắt lại để nắm được nội dung vấn đề mà mình cần phải đối đáp lại. Trên cơ sở đó, Kiểm sát viên dựa vào tài liệu, chứng cứ và kết quả xét hỏi tại phiên tòa để đưa ra lập luận đối đáp đến cùng, dứt khoát, không vòng vo, né tránh những vấn đề mà bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng đưa ra, nhất là những ý kiến phản bác lại nội dung luận tội của Kiểm sát viên. Bởi chỉ khi thông qua tranh luận công khai giữa Kiểm sát viên với người bào chữa, người tham gia tố tụng, các tình tiết của vụ án, các vấn đề cần phải chứng minh trong vụ án mới được sáng tỏ, thậm chí có thể chuyển sang hướng khác làm thay đổi cơ bản nội dung vụ án. Trong trường hợp này Kiểm sát viên phải kiểm chứng lại những nội dung, tình tiết người bào chữa đưa ra có phù hợp với các tình tiết, chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra, truy tố hay không, có cơ sở hay không. Nếu phát hiện các vấn đề người bào chữa, bị cáo, người tham gia tố tụng đưa ra là có căn cứ và chưa được làm rõ thì Kiểm sát viên phải đề nghị Hội đồng xét xử trở lại việc xét hỏi để làm rõ. Nếu rõ ràng không có cơ sở thì Kiểm sát viên viện dẫn căn cứ pháp lý, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được để bác bỏ quan điểm của người bào chữa, bị cáo và người tham gia tố tụng đưa ra. Tuyệt đối không được bỏ qua ý kiến tranh luận của bị cáo và của người bào chữa, giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng.

Trong quá trình tranh luận, Kiểm sát viên phải bảo đảm văn hoá ứng xử,thực hiện nghiêm quy tắc ứng xử tại phiên tòa ban hành kèm theo Quyết định số 46/QĐ-VKS ngày 20/02/2017 của Viện trưởng VKSND tối cao; bảo đảm địa vị pháp lý của Kiểm sát viên là người thay mặt Nhà nước THQCT, kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng; không được có những hành vi, cử chỉ mang tính coi thường, xúc phạm bị cáo, người bào chữa; ngôn từ sử dụng khi tranh luận phải thể hiện tính văn minh, lịch sự, không dùng những từ ngữ mang tính miệt thị, thái độ cáu gắt, quát nạt tại phiên tòa.

*Thứ ba*, nâng cao chất lượng tổ chức phiên tòa hình sự rút kinh nghiệm.

Lãnh đạo các đơn vị cần quán triệt về mục đích và tầm quan trọng của việc tổ chức phiên tòa hình sự rút kinh nghiệm, xem đây là giải pháp tự đào tạo qua thực tiễn nhằm nâng cao kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng tranh tụng cho Kiểm sát viên. Do đó, các đơn vị cần chủ động phối hợp với Tòa án cùng cấp chọn vụ án có nhiều nội dung tranh luận, có người bào chữa tham gia để tổ chức phiên tòa rút kinh nghiệm cho Kiểm sát viên trong đơn vị. Sau mỗi phiên tòa rút kinh nghiệm cần tổ chức họp đánh giá kết quả rút ra được mặt làm tốt, chưa tốt cả về hình thức, tác phong, ứng xử và chất lượng tranh tụng…để Kiểm sát viên từng bước tạo đà phát huy khả năng, năng lực, bản lĩnh THQCT tại tòa.

*Thứ tư*, nâng cao chất lượng chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, hướng dẫn nghiệp vụ và đánh giá thực chất hoạt động tranh luận, đối đáp của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Thực hiện tốt giải pháp này đòi hỏi lãnh đạo phải kiểm tra sâu sát quá trình thực hiện nhiệm vụ của từng Kiểm sát viên trong đơn vị mình, trên cơ sở kết quả đánh giá toàn diện năng lực của từng Kiểm sát viên, lãnh đạo các đơn vị cần phải có sự phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ và sở trường thực tế của Kiểm sát viên, tăng cường áp dụng việc thông khâu, Kiểm sát viên THQCT và KSĐT đồng thời THQCT và KSXX vụ án hình sự, hạn chế việc điều chuyển Kiểm sát viên giữa các khâu công tác trong thời gian ngắn. Thực tiễn cho thấy, để đào tạo Kiểm sát viên có năng lực THQCT và KSXX, có kỹ năng, kinh nghiệm tranh tụng tốt tại phiên tòa phải trải qua quá trình rèn luyện lâu dài, có điều kiện tiếp xúc, va chạm nhiều với thực tế công tác THQCT và KSXX nhiều loại án, nếu điều chuyển thường xuyên Kiểm sát viên đảm nhận các khâu công tác khác nhau sẽ không đảm bảo tính chuyên sâu và chuyên môn cao.

Bên cạnh đó, lãnh đạo các đơn vị cần phải quan tâm sâu sát đến việc thực thi nhiệm vụ của Kiểm sát viên trong các giai đoạn tố tụng, nhất là trong việc theo dõi tiến độ giải quyết vụ án, nghe báo cáo án, chỉ đạo Kiểm sát viên thực hiện đầy đủ các thao tác nghiệp vụ theo đúng quy định tại Quy chế công tác THQCT và KSXX các vụ án hình sự ban hành kèm theo Quyết định số 505/QĐ-VKSTC ngày 18/12/2017 của Viện trưởng VKSND tối cao, trong đó phải đảm bảo tất cả các hồ sơ kiểm sát đều phải có đầy đủ đề cương xét hỏi, dự thảo luận tội (phát biểu quan điểm) và dự kiến các vấn đề tranh luận trước khi báo cáo án với lãnh đạo Viện. Đối với các vụ án đặc biệt nghiêm trọng, dư luận xã hội quan tâm thì Kiểm sát viên, lãnh đạo Viện cần đặc biệt quan tâm, theo dõi, nắm bắt các nguồn, nội dung dư luận, các bản dự thảo luận tội, phát biểu quan điểm, đề cương xét hỏi, dự liệu các vấn đề cần tranh luận phải được lãnh đạo Viện phê duyệt, cho ý kiến về nội dungtrước khi tham gia phiên tòa.

Hàng quý, hàng năm thông qua công tác theo dõi, trao đổi, hướng dẫn nghiệp vụ, VKSND cấp trên cần tăng cường tổng hợp vi phạm, thiếu sót của VKSND cấp dưới để thông báo, trao đổi, rút kinh nghiệm, chấn chỉnh kịp thời, đảm bảo cho việc vận dụng pháp luật được thống nhất, nghiêm minh, quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của Viện Kiểm sát ngày càng có chất lượng, được Hội đồng xét xử chấp nhận, nâng cao được vị thế của Ngành.

*Thứ năm*, nâng cao tinh thần trách nhiệm, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của Kiểm sát viên.

Đây những yếu tố quan trọng góp phần nâng cao chất lượng tranh luận của Kiểm sát viên.Vì vậy, hai cấp kiểm sát cần phải tiếp tục quán triệt tốt yêu cầu của Nghị quyết số 08-NQ/TW và Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 37/2012/QH13 ngày 23/11/2012; Nghị quyết số 63/2013/QH13 ngày 27/11/2013; Nghị quyết số 111/2015/QH13 ngày 27/11/2015; Nghị quyết số 06/2015/QH13 ngày 26/6/2015 của Quốc hội; Chỉ thị số 09/CT-VKSTC về nâng cao chất lượng tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Trên cơ sở đó định hướng cho cán bộ, Kiểm sát viên nâng cao tinh thần trách nhiệm, tích cực nghiên cứu, học tập, nắm vững các quy định của pháp luật, các văn bản luật có liên quan, các văn bản hướng dẫn áp dụng để phục vụ tốt cho công tác. Mỗi Kiểm sát viên làm tốt công tác này là trực tiếp nâng cao vị thế của chính Kiểm sát viên đó tại mỗi phiên tòa và góp phần nâng cao vị thế, vai trò của ngành trong hoạt động xét xử nói riêng và trong tố tụng hình sự nói chung.

**3. Kiến nghị, đề xuất**

Viện Kiểm sát cấp trên thường xuyên hoặc định kỳ tổ chức Hội nghị rút kinh nghiệm công tác THQCT và KSXX nói chung và hoạt động tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa nói riêng. Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện công tác THQCT và KSXX tại phiên tòa để đề ra giải pháp nâng cao chất lượng THQCT, KSĐT, KSXX phục vụ cho hoạt động tranh tụng tại phiên tòa.

Viện Kiểm sát tối cao chủ động phối hợp với liên ngành Trung ương và các cơ quan hữu quan hướng dẫn kịp thời các vấn đề vướng mắc và có nhiều cách hiểu khác nhau trong BLHS, BLTTHS và các văn bản có liên quan để thống nhất về nhận thức cũng như trong áp dụng pháp luật; tăng cường công tác tổng kết thực tiễn, tổ chức nhiều các Hội nghị chuyên đề về hoạt động tranh tụng để đưa công tác này ngày càng đi vào chiều sâu, thiết thực, hiệu quả. Đồng thời, có chính sách thỏa đáng về chế độ bồi dưỡng phiên tòa, phụ cấp đối với Kiểm sát viên làm công tác này.

Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tăng cường công tác tổng kết thực tiễn, xây dựng các chuyên đề nghiệp vụ chuyên sâu gắn với từng thao tác nghiệp vụ trong công tác THQCT và KSXX nói chung và trong hoạt động tranh tụng nói riêng để nâng cao toàn diện chất lượng giải quyết án hình sự, làm cơ sở phục vụ tốt cho hoạt động tranh luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

# CHUYÊN ĐỀ

# KINH NGHIỆM TRANH LUẬN, ĐỐI ĐÁP CỦA KIỂM SÁT VIÊN KHI THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ VÀ KIỂM SÁT XÉT XỬ CÁC VỤ ÁN NGHIÊM TRỌNG, PHỨC TẠP, DƯ LUẬN XÃ HỘI QUAN TÂM

## *Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ*

 **1. Một số kinh nghiệm cần thiết trong thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử**

- Trong giai đoạn điều tra:Để làm tốt công tác, tranh luận và đối đáp tại phiên Tòa, kiểm sát viên cần làm tốt công tác kiểm sát ngay từ giai đoạn tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; để làm nền tảng trong công tác chuẩn bị các nội dung cho việc tranh luận tại phiên Tòa. Trong giai đoạn điều tra, kiểm sát viên chủ động nghiên cứu các tài liệu do Cơ quan điều tra thu thập để nắm rõ tình tiết vụ án ngay từ ban đầu, cùng với điều tra viên tham gia việc ghi lời khai, hỏi cung bị can để nắm rõ nội dung vụ án, hiểu rõ diễn biến sự việc, hành vi phạm tội, tâm lý đối với từng bị can về nguyên nhân, điều kiện, hoàn cảnh phạm tội, chứng cứ buộc tội và chứng cứ gỡ tội phản ánh đúng sự thật khách quan. Trước khi kết thúc điều tra cần nghiên cứu lại một cách toàn diện nội dung vụ án, kịp thời yêu cầu Cơ quan điều tra bổ sung thêm các chứng cứ buộc tội (nếu có).

- Trong giai đoạn truy tố: Đối với những vụ án có nhiều tình tiết phức tạp chưa giải quyết trong giai đoạn điều tra thì kiểm sát viên chủ động tiến hành phúc cung bị can để bổ sung, làm rõ thêm các chứng cứ buộc tội, gỡ tội. Mặc khác nhằm nắm bắt được diễn biến hành vi, tâm lý, thái độ của bị can để có hướng tranh luận, đối đáp tại tòa.

Dự thảo ban hành Cáo trạng, trích cung, ghi lời khai, scan hồ sơ… đối với bị can, bị hại, người làm chứng, người liên quan…; Những yêu cầu của những người này về phần hình sự, dân sự, vật chứng, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trong vụ án, chuẩn bị kỹ nội dung báo cáo án và nội dung dự thảo bản luận tội.

- Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử: Sau khi báo cáo kết quả nghiên cứu, giải quyết vụ án, đề xuất mức án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, kiểm sát viên phải kiểm tra dự thảo luận tội, lập kế hoạch xét hỏi chi tiết, chuẩn bị các nội dung cần tranh luận, dự trù những trường hợp có thể phát sinh tại phiên tòa, dự trù cả tình huống bị cáo phản cung...để có thể kịp thời tranh luận, đối đáp nếu có phát sinh. Chuẩn bị đầy đủ các văn bản pháp luật liên quan đến lĩnh vực hoạt động tội phạm và tội danh truy tố bị cáo. Chú trọng việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa. Kiểm sát viên thực hiện việc số hóa hồ sơ vụ án, trình chiếu tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa đối với những vụ án cần thiết, chuẩn bị các tài liệu cần thiết để công bố chứng cứ bằng hình ảnh tại phiên tòa để đảm bảo tính thuyết phục trong quá trình tranh tụng.

**2. Một số kinh nghiệm trong tranh luận, đối đáp của Kiểm sát viên khi thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa**

- Để phát huy tốt việc tranh luận, đối đáp tại phiên tòa, Kiểm sát viên khi thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự tại phiên tòa là phải biết “*lắng nghe và khả năng* *quan sát*” tại phiên tòa.

+ Khi thực hành quyền công tố kiểm sát xét xử tại phiên tòa, ngoài việc nghiên cứu kỹ hồ sơ, nắm chắc các căn cứ buộc tội, gỡ tội, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, dự kiến những tình huống có thể xảy ra tại phiên tòa.... thì khả năng lắng nghe và quan sát của Kiểm sát viên tại phiên tòa đóng vai trò rất quan trọng trong việc bảo vệ thành công quan điểm truy tố của Viện kiểm sát. Kiểm sát viên phải chú ý lắng nghe Hội đồng xét xử cũng như những người tham gia tố tụng khác đặt câu hỏi đối với bị cáo. Bên cạnh đó, phải chú ý lắng nghe lời trình bày của họ nhằm giúp Kiểm sát viên phát hiện những vấn đề liên quan của vụ án chưa được xét hỏi để Kiểm sát viên có thể đặt câu hỏi bổ sung một cách chính xác, đầy đủ, giúp cho quá trình điều tra công khai tại phiên tòa được toàn diện. Lắng nghe tại phiên tòa còn giúp Kiểm sát viên rút ra những chứng cứ thuyết phục, có giá trị nhằm bổ sung vào việc luận tội, đề nghị giải quyết vụ án của Kiểm sát viên với Hội đồng xét xử, cũng như việc thực hiện đối đáp tại phiên tòa đạt kết quả tốt.

+ Bên cạnh đó, khả năng quan sát tốt, phân tích diễn biến tâm lý của từng bị cáo, bị hại, người có nghĩa vụ, quyền lợi liên quan.... tại phiên tòa cũng là một lợi thế của Kiểm sát viên. Việc chú ý quan sát khi tranh tụng giúp Kiểm sát viên phát hiện được sự đồng tình của Hội đồng xét xử và những người tham gia phiên tòa hay không để tiếp tục phát huy hay ngược lại để nhanh chóng điều chỉnh cách thức, biện pháp tranh tụng sao cho phù hợp. Có như vậy, hoạt động tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa mới đạt hiệu quả cao. Khả năng quan sát tốt giúp Kiểm sát viên có thể phát hiện sự bất thường trên cử chỉ, hành động, lời nói của những người được thẩm vấn tại phiên tòa để có những phương pháp, chiến thuật thích hợp đối với từng đối tượng tham gia tại phiên tòa.

- Đối với những vụ án, bị cáo “*không thừa nhận hành vi phạm tội”*, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử cần nghiên cứu hồ sơ chi tiết, kỹ và kiểm sát chặt chẽ hơn về chứng cứ buộc tội, nắm bắt được tâm lý của bị cáo và dự trù tình huống phát sinh tại phiên tòa. Đồng thời chuẩn bị tốt đề cương xét hỏi, đề cương tranh luận, viện dẫn những chứng cứ để buộc tội bị cáo, bác bỏ những tranh luận mà bị cáo, hoặc luật sư bào chữa cho bị cáo nêu ra không phù hợp. Đối với những phiên tòa bị cáo không nhận tội cần thực hiện số hóa hồ sơ và trình chiếu chứng cứ tại phiên tòa nhằm chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, tạo tính thuyết phục đối với Hội đồng xét xử và những người tham dự phiên tòa.

**+ Điển hình vụ án xảy ra trên địa bàn như sau:**

\* Vụ án: Tham ô tài sản, xảy ra Trạm thu phí của Dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 91 tại Km16+905 thuộc khu vực Thới Trinh, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ (gọi tắt Trạm thu phí số 1).

Nội dung vụ án: Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Cường Thuận IDICO, địa chỉ số 168, khu phố 11, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 19/9/2007 và đã thực hiện chào bán cổ phiếu ra công chúng. Ngày 28/12/2015, Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Cường Thuận IDICO ký kết hợp đồng với Công ty Cổ phần đầu tư Quốc lộ 91 Cần Thơ - An Giang, địa chỉ số 315, đường Võ Nguyên Giáp, xã Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để thực hiện việc tổ chức, quản lý thu phí tại Trạm thu phí của Dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 91 tại Km16+905 thuộc khu vực Thới Trinh, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ (gọi tắt Trạm thu phí số 1).

Ngày 02/4/2016, Nguyễn Hoàng Huy được nhận vào làm việc tại Trạm thu phí số 1. Đến ngày 30/4/2017, Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Cường Thuận IDICO ký kết hợp đồng lao động với Nguyễn Hoàng Huy, từ ngày 30/4/2017 đến ngày 02/5/2020, chức vụ kế toán của Trạm thu phí số 1, với nhiệm vụ nhận tiền từ các nhân viên bán vé và kế toán Võ Thị An Di để nộp doanh thu vào tài khoản của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Cường Thuận IDICO thông qua Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam chi nhánh Tây Đô, vào các ngày thứ 2, thứ 4, thứ 6 hàng tuần và các ngày lễ, tết. Đồng thời được giao quản lý quỹ hoạt động của Trạm thu phí. Trong khoảng từ tháng 4/2018 đến ngày 05/02/2019, Huy lấy tiền quỹ hoạt động của Trạm thu phí số 1 để sử dụng cá nhân, mỗi lần Huy lấy thấp nhất 500.000 đồng, cao nhất 1.500.000 đồng. Tổng cộng 66.000.000 đồng (*Sáu mươi sáu triệu đồng*).

 Từ ngày 06/02/2019 đến ngày 10/02/2019, Huy nhận tổng số tiền 1.247.947.000 đồng từ các nhân viên bán vé của Trạm thu phí số 1 nhưng Huy không nộp cho ngân hàng mà chiếm đoạt số tiền trên để trả tiền mua số đề của Đào Thị Bé Bảy, Phan Thanh Tùng, với số tiền 420.000.000 đồng, trả nợ và chuộc xe 70.000.000 đồng, chi xài cá nhân rồi bỏ trốn đến Vĩnh Long và Đồng Tháp.

 Tổng số tiền Huy chiếm đoạt của của Trạm thu phí số 1 là 1.313.947.000 đồng.

Nguyễn Hoàng Huy lợi dụng chức vụ được giao quản lý quỹ hoạt động của Trạm thu phí số 1, thu tiền doanh thu bán vé nộp vào Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam chi nhánh Tây Đô nhưng không nộp, chiếm đoạt tổng số tiền 1.313.947.000 đồng (*Một tỷ ba trăm mười ba triệu chín trăm bốn mươi bảy ngàn đồng*) mà mình có trách nhiệm quản lý. Gây ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của doanh nghiệp, tổ chức ngoài nhà nước, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội.

Đây là vụ án được áp dụng khoản 6 Điều 353 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, điểm mới đối với “Tội tham ô tài sản” ngoài khu vực nhà nước.

 Tại phiên tóa xét xử sơ thẩm luật sư bào chữa theo hướng bị cáo không phạm tội; Bị cáo kêu oan không thừa nhận hành vi phạm tội. Bằng những kỹ năng tốt trong thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử taị phiên tòa, Kiểm sát viên đã nêu các tình tiết và các chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án để phân tích hành vi của bị cáo. Bị cáo là kế toán của Trạm thu phí, là người được giao thu, quản lý tiền của Trạm thu phí. Theo quy định, bị cáo phải giao nộp cho Ngân hàng đúng hạn và không được đem số tiền trên ra khỏi cơ quan. Bị cáo đã không thực hiện đúng các quy định trên mà chiếm đoạt tổng cộng 1.313.947.000 đồng, bỏ trốn sang Vĩnh Long và Đồng Tháp. Sau 02 ngày được gia đình vận động, bị cáo mới đem số tiền trên về giao nộp lại cho Trạm thu phí. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo đã hoàn thành, việc giao nộp số tiền 758.030.000 đồng chỉ là khắc phục một phần số tiền đã chiếm đoạt.

 Vụ án đã được Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm tuyên thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát. Tuyên bố bị cáo phạm tội “Tham ô tài sản” và xử phạt bị cáo mức án 15 năm tù theo mức đề nghị của Viện kiểm sát. Vụ án đã được xét xử phúc thẩm tuyên giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

- Trong thực tế, ở một số phiên tòa, luật sư bào chữa cho bị cáo thường đưa ra những lập luận chứng cứ mang tính chủ quan, không căn cứ để bào chữa cho bị cáo, cộng thêm một số luật sư áp dụng một số thủ thuật nhằm làm kiểm sát viên mất tập trung như nói lớn tiếng tại phiên tòa, thể hiện thái độ thiếu tôn trọng người tham gia tố tụng và kiểm sát viên, đưa ra những vấn đề không liên quan đến vụ án. Đối với trường hợp này Kiểm sát viên cần phải giữ bình tĩnh đối đáp, tranh luận những vấn đề liên quan trực tiếp đến vụ án, việc buộc tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ. Đối với những vấn đề không liên quan do người bào chữa đặt ra thì kiểm sát viên phải thể hiện rõ quan điểm, quyết đoán, chọn lọc bác bỏ những nội dung không liên quan bằng thái độ đúng mực, tôn trọng, giữ vững quan điểm, tranh luận để làm sáng tỏ vụ án, không để bị cáo, người bào chữa dẫn dắt vấn đề lạc hướng.

- Trường hợp có nhiều luật sư bào chữa, ý kiến của bị cáo, người liên quan thì tổng hợp lại các ý kiến tranh luận trùng nhau để đối đáp tranh luận 1 lần tránh lặp lại. Khi tranh luận Kiểm sát viên phải phân tích, lập luận có sức thuyết phục trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, để làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án, bảo vệ quan điểm truy tố của Viện kiểm sát, đảm bảo việc truy tố đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội, bảo đảm việc xét xử của Tòa án đúng pháp luật, nghiêm minh, kịp thời, nhằm có tác dụng tuyên truyền giáo dục pháp luật, đấu tranh phòng chống tội phạm, góp phần ổn định và giữ vững tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

- Sau khi kết thúc phiên tòa, Kiểm sát viên tiếp tục kiểm sát chặt chẽ bản án, quyết định của Tòa án để phát hiện vi phạm pháp luật, đối chiếu nội dung bản án và nội dung tuyên án của Hội đồng xét xử tại phòng xử án bảo đảm tính thống nhất, công khai và đúng quy định của pháp luật. Kiên quyết kháng nghị hoặc đề xuất kháng nghị phúc thẩm khi có căn cứ.

**3. Những khó khăn, vướng mắc trong công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử vụ án hình sự tại phiên tòa**

- Trong một số vụ án có phát sinh các tình tiết mới tại phiên tòa, liên quan đến việc giải quyết vụ án, trường hợp lời khai của bị cáo hoặc người liên quan phát sinh các tình tiết mới liên quan đến việc định tội danh hoặc hành vi phạm tội khác hoặc lời khai có sự mâu thuẫn, thông thường đối với trường hợp này Hội đồng xét xử sẽ trả hồ sơ để điều tra bồ sung mà không tiến hành cho đối chất tại phiên tòa để làm rõ xem tình tiết mới trên có cần trả điều tra bổ sung không là quá “cứng nhắc”. Bởi vì theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử có thể xét xử bị cáo theo khoản khác với khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố trong cùng một điều luật hoặc về một tội khác nhẹ hơn (khoản 2 Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự 2015).

- Chưa có sự thống nhất trong áp dụng tình tiết giảm nhẹ “phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn” theo điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; tình tiết tăng nặng “Phạm tội có tính chất côn đồ” theo điểm d khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Do đó việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trên còn chưa thống nhất, cần hướng dẫn cụ thể.

# CHUYÊN ĐỀ

# KINH NGHIỆM TRANH LUẬN, ĐỐI ĐÁP CỦA KIỂM SÁT VIÊN KHI THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ VÀ KIỂM SÁT XÉT XỬ CÁC VỤ ÁN NGHIÊM TRỌNG, PHỨC TẠP, DƯ LUẬN XÃ HỘI QUAN TÂM

## *Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh*

**I. Thực trạng qua thực hiện vai trò, nhiệm vụ tranh luận, đối đáp của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử án hình sự**

**1. Kết quả đạt được:**

Tiếp tục quán triệt và thực hiện nghiêm túc yêu cầu trong Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 và Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 06/2015/QH13 ngày 26/6/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 96/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội về công tác tư pháp; Chỉ thị số 09/CT-VKSTC ngày 06/4/2016 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về nâng cao chất lượng tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Trong thời gian qua, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đã kiểm sát, giải quyết nhiều vụ án hình sự với số lượng lớn, tính chất nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm. Quá trình thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa, trước những khó khăn về yêu cầu nhiệm vụ, đòi hỏi về kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp cùng với nhiều áp lực từ các cơ quan truyền thông và dư luận xã hội, nhiều vụ án có tính chất phức tạp, nhiều Luật sư, người bào chữa tham gia… nhưng đa số các Kiểm sát viên đã làm tốt vai trò nhiệm vụ của mình, thể hiện được thái độ bản lĩnh, có sự chủ động tranh luận, đối đáp đầy đủ với bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa, từng bước nâng cao hơn nữa về trình độ, kỹ năng nghề nghiệp, bảo vệ quyết định truy tố, thuyết phục được Hội đồng xét xử thống nhất về tội danh và mức hình phạt.

Điển hình như vụ án “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” xảy ra tại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Mía đường Tây Ninh. Đây là doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh làm chủ sở hữu. Cáo trạng truy tố xác định các bị cáo Trần Cảnh Lạc (Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty), Nguyễn Xuân Danh (Trưởng phòng kinh doanh), Nguyễn Thị Phúc (Kế toán trưởng, Trưởng phòng kế toán tài chính) trong thời gian dài đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái các quy định của Nhà nước trong hoạt động kinh doanh xuất khẩu hàng hóa, cụ thể từ năm 2009 đến 2012 đã ký kết 55 hợp đồng xuất khẩu hàng hóa sang Trung Quốc cho công ty Xi Lai Phúc và Công ty Guo Qi Do Li không đảm bảo trong giao dịch dẫn đến gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước với tổng số tiền 69.784.214.663 đồng, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh truy tố 03 bị cáo Trần Cảnh Lạc, Nguyễn Xuân Danh, Nguyễn Thị Phúc tội danh “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” theo quy định tại khoản 3 Điều 165 Bộ luật hình sự.

Vụ án được lãnh đạo, Kiểm sát viên được phân công đánh giá phức tạp, có sự tham gia của 08 Luật sư ở các địa phương tham gia bảo vệ cho các bị cáo nên đã có sự chủ động trong công tác chuẩn bị chu đáo các tài liệu chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh quyết định truy tố cũng như các nội dung dự kiến khi tranh luận đối đáp tại phiên tòa. Tại phiên tòa xét xử, các luật sư bào chữa cho rằng các bị cáo Lạc, Danh không phải chịu trách nhiệm hình sựvà bị cáo Nguyễn Thị Phúc không phạm tội vì các hợp đồng ký kết với Công ty Xi Lai Phúc đã được Công ty Mía đường Tây Ninh khởi kiện Công ty Xi Lai Phúc và được Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam tại TPHCM phán quyết buộc Công ty Xi Lai Phúc hoàn trả cho Công ty mía đường Tây Ninh nên đây là một hành vi vừa xử lý dân sự, vừa xử lý hình sự.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa đã có sự chuẩn bị kỹ các tài liệu chứng cứ chứng minh việc Công ty mía đường Tây Ninh khởi kiện tại Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam sau khi Cơ quan điều tra vào cuộc là bước hợp thức hóa để chứng minh mình không phạm tội, tài liệu chứng cứ chứng minh thông qua kết quả tương trợ tư pháp của Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã xác định được Công ty Xi Lai Phúc và Công ty Guo Qi Do Li không hề tồn tại và không được cấp phép hoạt động tại Trung Quốc, phán quyết của Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam tại TPHCM chỉ dựa trên hợp đồng kinh tế được ký kết của 02 Công ty, và chứng minh được đến thời điểm truy tố, xét xử giá trị thiệt hại vẫn chưa được thu hồi. Do đó lập luận của Luật sư cho rằng các bị cáo không phạm tội là không có căn cứ. Quá trình thực hành quyền công tố tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã làm tốt vai trò, trách nhiệm của mình, tranh luận đối đáp từng vấn đề với các Luật sư, bác bỏ những lập luận thiếu căn cứ và được Hội đồng xét xử sơ thẩm, phúc thẩm tuyên các bị cáo phạm tội như đề nghị của Viện kiểm sát.

**2. Một số tồn tại, hạn chế:**

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, trong quá trình thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa ở Viện kiểm sát hai cấp tỉnh Tây Ninh trong thời gian qua vẫn còn có trường hợp Kiểm sát viên khi đối đáp, tranh luận còn hạn chế về khả năng diễn đạt, trình bày và phản ứng chưa linh hoạt với vấn đề Luật sư đưa ra tại phiên tòa, còn lúng túng trong sử dụng từ ngữ và cách lập luận dẫn tới kết quả tranh luận không mạch lạc, thiếu tính thu phục, thuyết phục của các bên tham gia tố tụng và tiến hành tố tụng. Phong cách, thái độ của Kiểm sát viên khi tranh luận có thời điểm còn tỏ ra thiếu bình tĩnh, dẫn đến hạn chế khả năng tranh luận, làm giảm hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật tại phiên tòa nhất là ở các phiên tòa lưu động có đông người tham dự.

Nguyên nhân của tồn tại nêu trên là do kỹ năng giao tiếp ứng xử của Kiểm sát viên trong tranh tụng tại phiên tòa còn hạn chế. Vấn đề này thuộc về khả năng cá nhân của từng người, đòi hỏi phải có quá trình nỗ lực phấn đấu, rèn luyện lâu dài.

**II. Kinh nghiệm khi tranh luận, đối đáp của Kiểm sát viên khi thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa**

Từ những ưu điểm và hạn chế thiếu sót nêu trên của Kiểm sát viên khi tranh luận, đối đáp tại phiên tòa đã rút ra được những kinh nghiệm cần phải có để thực hiện và hoàn thành tốt vai trò, trách nhiệm khi thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự. Đó là:

- Phải bình tĩnh, tự tin và có bản lĩnh, thể hiện được phong cách, phong thái của Kiểm sát viên người đại diện cơ quan công tố;

- Nắm chắc các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nắm vững những quy định của pháp luật về phần tố tụng, các lĩnh vực tội phạm xâm phạm cũng như phần nội dung để lập luận, đối đáp tại phiên tòa. Như vụ án điển hình nêu trên, khi được phân công thực hành quyền công tố tại tòa đối với tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” theo quy định Điều 165 Bộ luật hình sự, Kiểm sát viên phải có kiến thức, am hiểu về lĩnh vực quản lý kinh tế để vận dụng khi tranh luận, đối đáp với người bào chữa, để phản bác lại những lập luận không có căn cứ, bảo vệ được quan điểm truy tố.

- Thực hiện nhuần nhuyễn kỹ năng nghiệp vụ khi tham gia tranh tụng tại phiên tòa, đó là việc tốc ký, lắng nghe, quan sát, đối đáp, phản bác những quan điểm, lập luận sai trái, không có căn cứ… Đây là một quá trình lâu dài tích lũy, rèn luyện, học tập, trao dồi nghề nghiệp và khả năng trang bị tri thức của bản thân để ngày một tốt hơn.

**III. Giải pháp để nâng cao chất lượng tranh luận, đối đáp của Kiểm sát viên khi thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử án hình sự.**

**1. Đối với lãnh đạo**

- Lựa chọn, bố trí, phân công nhiệm vụ Kiểm sát viên thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử hình sự phải có bản lĩnh, trình độ và khả năng tranh luận, đối đáp tại phiên tòa.

- Đối với các vụ án có tính chất nghiêm trọng, dư luận xã hội quan tâm, cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát Kiểm sát viên thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử hình sự các nội dung chuẩn bị trước khi tham gia phiên tòa như: Đề cương xét hỏi, dự kiến tình huống tại phiên tòa, các vấn đề dự kiến phải tranh luận đối đáp với Luật sư và những người tham gia bào chữa. Khi cần thiết có thể họp tập thể để trao đổi, tạo tình huống dự kiến để chuẩn bị đối đáp tốt tại phiên tòa xét xử.

- Thường xuyên tổ chức rút kinh nghiệm qua thực thi nhiệm vụ của Kiểm sát viên, đánh giá những mặt được, chưa được trong thực hiện kỹ năng tranh luận, đối đáp nhằmđể phổ biến kinh nghiệm, học hỏi lẫn nhau nhằm nâng cao năng lực, kỹ năng tranh luận.

**2. Đối với Kiểm sát viên thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử hình sự tại phiên tòa**

- Phải có tinh thần trách nhiệm trong công tác, làm đúng chức trách nhiệm vụ được giao, giữ vững phẩm chất, đạo đức cán bộ của người Kiểm sát “Công minh, chính trực, khách quan, thận trọng, khiêm tốn”, không cẩu thả, thiếu trách nhiệm trong công việc.

-Tiếp tục rèn luyện, trao dồi các kỹ năng tranh tụng, kỹ năng giao tiếp và sự bản lĩnh, nhạy bén trong xử lý tính huống vừa đảm bảo trong ứng xử văn hóa vừa đảm bảo tính đúng đắn của pháp luật để bác bỏ những lập luận không có cơ sở, không đảm bảo quy định pháp luật, thuyết phục Hội đồng xét xử tuyên bản án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

- Tích cực nghiên cứu, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ để phục vụ tốt yêu cầu nhiệm vụ được phân công. Theo đó, bản thân Kiểm sát viên phải nâng cao trách nhiệm cá nhân trong việc nghiên cứu hồ sơ vụ án và chuẩn bị cho hoạt động tranh tụng tại phiên tòa.

- Trước khi xét xử phải nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án, đánh giá, hệ thống các chứng cứ buộc tội, gỡ tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và các nội dung khác có liên quan đến việc giải quyết vụ án. Từ đó đã chuẩn bị đề cương tham gia xét hỏi và dự thảo luận tội sát hơn với nội dung của vụ án và dự kiến các vấn đề tranh luận tại phiên tòa đảm bảo đầy đủ nội dung và bám sát các tình tiết, chứng cứ của vụ án; các bản dự thảo được lãnh đạo Viện xem xét, phê duyệt./.

# CHUYÊN ĐỀ

# KINH NGHIỆM TRANH LUẬN, ĐỐI ĐÁP CỦA KIỂM SÁT VIÊN KHI THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ VÀ KIỂM SÁT XÉT XỬ CÁC VỤ ÁN NGHIÊM TRỌNG, PHỨC TẠP, DƯ LUẬN XÃ HỘI QUAN TÂM

## *Viện kiểm sát nhân dân tỉnh* *Đồng Nai*

**I. Thực trạng hoạt động tham gia tranh luận, đối đáp của Kiểm sát viên cấp huyện và cấp tỉnh tại phiên tòa hình sự**

***1. Ưu điểm***

Kiểm sát viên khi được giao nhiệm vụ thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử đã có sự chuẩn bị chu đáo hơn, thể hiện qua việc nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án, đánh giá, hệ thống các chứng cứ buộc tội, gỡ tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và các nội dung khác có liên quan đến việc giải quyết vụ án. Từ đó, các Kiểm sát viên đã chuẩn bị đề cương tham gia xét hỏi và dự thảo luận tội (phát biểu quan điểm) sát hơn với nội dung của vụ án. Việc trình bày luận tội và đối đáp của Kiểm sát viên tại phiên toà có chất lượng tốt hơn và có sức thuyết phục hơn. Phương pháp, kỹ năng đối đáp của Kiểm sát viên cũng đã được chú ý và có nhiều đổi mới, tiến bộ.

Chất lượng hoạt động tranh luận, đối đáp của Kiểm sát viên khi thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên toà hình sự đã được nâng lên đáng kể. Đã góp phần cùng Toà án làm sáng tỏ các tình tiết của vụ án, làm cho việc giải quyết các vụ án ngày càng có chất lượng tốt hơn, bảo đảm đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; tình trạng oan, sai trong việc giải quyết các vụ án hình sự đã giảm rõ rệt, nhất là đã hạn chế đến mức thấp nhất các trường hợp Viện kiểm sát truy tố nhưng Toà án tuyên bị cáo không phạm tội. Từ đó cho thấy Kiểm sát viên đã thực hiện tốt vai trò trước và trong khi tham gia phiên tòa; bình tĩnh, tự tin trong việc xét hỏi và đối đáp tranh luận với Luật sư và những người tham gia tố tụng khác, thể hiện được bản lĩnh của người thực hành quyền công tố Nhà nước.

***2. Nguyên nhân đạt được***

Đạt được những kết quả nêu trên là do Ban cán sự Đảng, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đã quán triệt đến toàn thể Kiểm sát viên 02 cấp Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị “về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới”, đã xác định: “*Nâng cao chất lượng công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa, bảo đảm tranh tụng dân chủ với Luật sư, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác. Khi xét xử, các Tòa án phải đảm bảo cho mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, thực sự dân chủ, khách quan, Thẩm phán và Hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; việc phán quyết của Tòa án phải căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa… để ra những bản án, quyết định đúng pháp luật, có sức thuyết phục và trong thời hạn luật định. Các cơ quan tư pháp có trách nhiệm tạo điều kiện để Luật sư tham gia vào quá trình tố tụng, tham gia hỏi cung bị can, nghiên cứu hồ sơ vụ án, tranh luận dân chủ tại phiên tòa...”*. Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 *“Nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan tư pháp, chất lượng tranh tụng tại tất cả các phiên tòa xét xử, coi đây là hoạt động đột phá của các cơ quan tư pháp*…” và Chỉ thị số 09/CT-VKSTC ngày 06/4/2016 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao “*Tăng cường các biện pháp nâng cao chất lượng tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa*” để mỗi Kiểm sát viên nhận thức đúng và đầy đủ về vai trò của mình trong công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử các vụ án hình sự trong tình hình hiện nay.

Kiểm sát viên tập trung làm tốt công tác chuẩn bị tham gia xét xử như: Chuẩn bị đề cương tham gia xét hỏi, đề cương tranh luận, dự thảo phát biểu của Kiểm sát viên trên cơ sở nghiên cứu, nắm vững nội dung của vụ án, hệ thống chứng cứ buộc tội, gỡ tội và các nội dung khác có liên quan đến việc giải quyết vụ án. Bản thân từng Kiểm sát viên khi thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử hình sự luôn nhận thức được tầm quan trọng của việc tranh luận, đối đáp với Luật sư và những người tham gia tố tụng khác, xem đây như một tấm gương phản chiếu lại trình độ nghiệp vụ, bản lĩnh, kĩ năng, khả năng ứng phó các tình huống. Qua đó, phát huy những ưu điểm và tạo điều kiện cho các đồng nghiệp khác trong ngành Kiểm sát trao đổi và học tập; đồng thời nghiêm túc tiếp thu những nhận xét, đánh giá của lãnh đạo Viện, lãnh đạo đơn vị và đồng nghiệp khác để khắc phục hoàn thiện bản thân, đảm bảo thực hiện tốt chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa hình sự, thể hiện cán bộ kiểm sát "*Vững về chính trị, giỏi về nghiệp vụ, tinh thông về pháp luật, công tâm và bản lĩnh, kỷ cương và trách nhiệm*".

***3. Những hạn chế, tồn tại***

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, những mặt đã làm tốt thì hoạt động tranh luận, đối đáp của Kiểm sát viên tại phiên toà hình sự trong thời gian qua vẫn còn những tồn tại, cụ thể là:

Thiếu sót trong việc chuẩn bị tham gia xét xử như trước khi tham gia phiên tòa, có Kiểm sát viên chưa nghiên cứu kỹ hồ sơ để nắm vững chứng cứ, không dự kiến được những vấn đề cần tranh luận, những tình huống có thể phát sinh tại phiên tòa liên quan đến vụ án để có phương án giải quyết.

Một số Kiểm sát viên chưa có sự phản ứng linh hoạt khi tham gia tranh luận, còn hạn chế trong đối đáp nên có tâm lý ngại tranh luận hoặc tranh luận qua loa, chưa đưa ra đầy đủ những luận điểm có sức thuyết phục với sự diễn đạt rõ ràng, mạch lạc để đối đáp với các ý kiến của Luật sư và những người tham gia tố tụng khác đã nêu lên, nhất là những ý kiến trái ngược với quan điểm của Kiểm sát viên đã trình bày trong luận tội.

***4. Nguyên nhân của những hạn chế, tồn tại***

Những hạn chế nêu trên có nhiều nguyên nhân, song nguyên nhân cơ bản là do Kiểm sát viên chưa nhận thức đầy đủ việc tranh luận, đối đáp là quyền hạn và trách nhiệm được Bộ luật tố tụng hình sự quy định mà Kiểm sát viên thực hành quyền công tố Nhà nước có trách nhiệm phải thực hiện tại phiên tòa.

**II. Một số nội dung tranh luận, đối đáp mà Kiểm sát viên thường gặp tại phiên tòa hình sự**

Theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, việc “đối đáp, tranh luận” được bắt đầu sau khi kết thúc giai đoạn thẩm vấn, xét hỏi công khai. Đầu tiên, Kiểm sát viên phải trình bày “Luận tội” (Điều 321); tiếp theo bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác trình bày ý kiến, đưa ra chứng cứ, tài liệu và lập luận về luận tội của Kiểm sát viên. Dưới sự chủ trì của Chủ tọa phiên tòa, Kiểm sát viên phải đưa ra chứng cứ, tài liệu và lập luận để đối đáp đến cùng từng ý kiến của bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa (Điều 322).

Thực tiễn qua công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự cho thấy Kiểm sát viên thường phải đối đáp, tranh luận với bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác về các vấn đề sau:

**\* Đối đáp tranh luận xoay quanh vấn đề thủ tục tố tụng:**

Đưa ra các cơ sở và căn cứ để chứng minh việc lập các loại biên bản (bắt người phạm tội quả tang, sự việc, bắt người phạm tội trong trường hợp khẩn cấp…) sai trình tự, thủ tục tố tụng, dẫn đến việc phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

**\* Đối đáp tranh luận liên quan đến thu thập chứng cứ:**

Đưa ra các căn cứ để chứng minh việc lập các biên bản lấy lời khai, thu giữ đồ vật tài liệu không đúng quy định tố tụng. Ví du: Địa điểm tìm thấy vật và cách thức thu giữ vật liên quan chặt chẽ tới giá trị chứng minh của chứng cứ, giá trị pháp lý của chứng cứ, làm nảy sinh căn cứ pháp lý để tiến hành các hoạt động tố tụng khác; Khi lấy lời khai người bị bắt, người bị tạm giữ, người làm chứng phải có thủ tục giải thích quyền và nghĩa vụ cho đối tượng bị áp dụng; Biện pháp khám chỗ ở, nơi làm việc, địa điểm đòi hỏi phải có người láng giềng, đại diện chính quyền địa phương (nơi làm việc thì đại diện cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc) chứng kiến. Trường hợp vắng chủ nhà thì phải có hai người chứng kiến,…

**\* Đối đáp tranh luận liên quan đến đánh giá chứng cứ:**

Đưa ra cơ sở và căn cứ pháp luật để chứng minh bị cáo không phạm tội như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Để đối đáp, tranh luận, Kiểm sát viên phải bình tĩnh, tự tin vận dụng linh hoạt lý luận pháp luật về cấu thành tội phạm; đồng thời hệ thống, tổng hợp những chứng cứ, tài liệu đã được kiểm tra tại phiên tòa và những tài liệu, chứng cứ khác được thu thập từ giai đoạn điều tra, truy tố đã có trong hồ sơ vụ án; trên cơ sở đó, phân tích một cách lô gic, lập luận một cách chặt chẽ để chứng minh hành vi của bị cáo là phạm tội và cũng nhằm bác bỏ những chứng cứ, căn cứ pháp luật mà bị cáo, người bào chữa của bị cáo nêu ra.

**\* Đối đáp tranh luận liên quan đến định tội, định khung hình phạt:**

Đưa ra cơ sở, chứng cứ và căn cứ pháp luật để chứng minh bị cáo có phạm tội nhưng là tội danh khác nhẹ hơn hoặc cùng tội danh nhưng có khung hình phạt nhẹ hơn. Trường hợp này, Kiểm sát viên phải đưa ra các chứng cứ, tài liệu buộc tội để kiểm tra, đối chứng ngay tại phiên tòa (có thể trở lại phần thẩm vấn, xét hỏi); vận dụng lý luận pháp luật về cấu thành tội phạm, những biểu hiện hành vi khách quan của bị cáo; đồng thời phải lập luận, chứng minh rằng tội danh mà bị cáo, người bào chữa nêu ra có ít nhất một yếu tố cấu thành không thỏa mãn, đáp ứng hoặc khung, khoản, điều luật mà bị cáo, người bào chữa đề nghị là không chính xác, không đầy đủ để bác bỏ.

**\* Đối đáp tranh luận liên quan đến áp dụng pháp luật:**

Đưa ra ý kiến thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh, nhưng không thống nhất cách đánh giá tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, hoặc đưa ra một số tình tiết giảm nhẹ khác, về nhân thân … để đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt dưới mức Kiểm sát viên đề nghị hoặc cho bị cáo được hưởng án treo, giảm trách nhiệm bồi thường … Trường hợp này, Kiểm sát viên cần phải ghi chép đầy đủ, tỷ mỉ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trách nhiệm bồi thường, các tình tiết về nhân thân mà bị cáo, người bào chữa nêu ra; từ đó đối chiếu các quy định của pháp luật để xem xét các tình tiết đó đã được quy định trong luật hay chưa, quy định ở đâu, văn bản còn hiệu lực hay không, còn tình tiết nào chưa được Kiểm sát viên xem xét, cân nhắc để từ đó chấp nhận hay không chấp nhận.

Đưa ra ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa hoặc trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung. Trường hợp này, Kiểm sát viên cần nghiên cứu kỹ, nắm vững nội dung bào chữa của bị cáo, người bào chữa để đối chiếu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, các văn bản áp dụng pháp luật về xác định sự thật vụ án, nguồn chứng cứ, vật chứng, bảo quản vật chứng, về công tác giám định, định giá, kết quả giám định; các quy trình thực hiện việc giám định, định giá … đã đảm bảo đúng, đầy đủ, khách quan hay chưa để chấp nhận hay bác bỏ.

**\* Đối đáp tranh luận liên quan đến việc phản bác lại những quan điểm, nhận thức sai trái về pháp luật hay ngụy biện, viện dẫn các cơ sở pháp lý chưa phù hợp:**

Thường xảy ra với người bị hại, người bào chữa của bị hại:

- Thông thường, những người tham gia tố tụng này hay đưa ra lý lẽ chứng minh cơ quan tố tụng bỏ lọt tội phạm, người phạm tội và yêu cầu xử lý. Kiểm sát viên phải tôn trọng những ý kiến từ phía bị hại, người bào chữa của bị hại; bình tĩnh xem xét kỹ những ý kiến, lý lẽ đó, đồng thời đối chiếu với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án với các văn bản pháp luật; từ đó phân tích, đánh giá có đúng cơ quan tố tụng có bỏ lọt tội phạm hoặc người phạm tội hay không. Nếu xác định là không bỏ lọt thì bác bỏ yêu cầu của bị hại, người bào chữa của bị hại; nếu xác định có dấu hiệu bỏ lọt thì Kiểm sát viên có thể đề xuất việc khởi tố bị can để tiếp tục điều tra xử lý tội phạm, người phạm tội này sau nếu không ảnh hưởng đến vụ án đang xét xử, hoặc nếu thấy việc không điều tra bổ sung sẽ ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án và việc điều tra bổ sung này không thể thực hiện được tại phiên tòa, Kiểm sát viên cần vận dụng Thông tư liên tịch số: 02/2017/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP ngày 22/12/2017 để đề nghị Hội đồng xét xử trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

- Đưa ra các lý lẽ, tình tiết tăng nặng để yêu cầu tăng hình phạt. Kiểm sát viên phải căn cứ các quy định của pháp luật, các tình tiết tăng nặng nào đã được cân nhắc, xem xét; tình tiết nào chưa được cân nhắc, xem xét áp dụng để từ đó chấp nhận hay không chấp nhận.

- Đưa ra các cơ sở để đề nghị Hội đồng xét xử tăng mức bồi thường thiệt hại. Kiểm sát viên phải xem xét, tổng hợp các tài liệu, chứng từ họ xuất trình có đúng pháp luật hoặc có phù hợp thực tế không. Đối với yêu cầu bồi thường không đúng thì kiên quyết bác bỏ (áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự, Bộ luật dân sự, các Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để xác định thiệt hại và bồi thường thiệt hại); đối với yêu cầu bồi thường đúng pháp luật nhưng tại phiên tòa các khoản đó vẫn chưa được chi thực tế thì Kiểm sát viên cần phải xem xét kỹ yêu cầu để đề nghị Hội đồng xét xử có thể tách ra thành một vụ kiện dân sự riêng (khi có đủ chứng từ chứng minh thiệt hại và bị hại có đơn yêu cầu, hoặc không liên quan đến việc xác định cấu thành tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo); đối với yêu cầu bồi thường đúng pháp luật nhưng chưa đảm bảo về mặt pháp lý, song đó là các khoản chi có thật, phù hợp với thực tế thì đề nghị chấp nhận.

**III. Kinh nghiệm tranh luận, đối đáp của Kiểm sát viên khi thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm**

Để tranh luận, đối đáp đạt kết quả tốt khi thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án nghiêm trọng, phức tạp, dự luận xã hội quan tâm, Kiểm sát viên cần thực hiện tốt các việc sau:

*Một là, phải nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của Kiểm sát viên.* Trước hết bản thân Kiểm sát viên phải nâng cao trách nhiệm cá nhân trong việc nghiên cứu hồ sơ vụ án và chuẩn bị cho hoạt động tranh tụng tại phiên tòa. Phải tích cực nghiên cứu, học tập để nắm vững các quy định của pháp luật, nhất là pháp luật về hình sự, về tố tụng hình sự, các luật có liên quan, các văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật; nắm vững các quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước về đấu tranh phòng chống tội phạm. Thường xuyên rèn luyện các kỹ năng nghiệp vụ về tham gia phiên tòa hình sự như kỹ năng trình bày luận tội, diễn đạt, đối đáp, khả năng phản xạ linh hoạt trước các vấn đề mới phát sinh tại phiên tòa. Thường xuyên tự mình đánh giá lại kết quả hoạt động sau mỗi phiên tòa, rút kinh nghiệm một cách nghiêm túc những thiếu sót, chú ý lắng nghe các ý kiến góp ý của đồng nghiệp, dư luận của công chúng với thái độ cầu thị để không ngừng hoàn thiện hơn kỹ năng nghiệp vụ của mình.

*Hai là, Kiểm sát viên phải nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án.* Mục đích của việc nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án để nắm chắc diễn biến vụ án từ kết quả điều tra; tìm ra những vấn đề còn mâu thuẫn, những điểm chứng cứ yếu, đặc biệt phải xem xét các chứng cứ buộc tội bị cáo. Trong trường hợp nếu bị cáo ra tòa phản cung chối tội thì các chứng cứ đó đủ để buộc tội không, cần chuẩn bị các tài liệu khác có liên quan tới việc kết tội bị cáo và giải quyết vụ án đó. Các tài liệu, chứng cứ được trích cứu, sao chụp đầy đủ, có ghi rõ bút lục theo hồ sơ chính để khi đối đáp tranh luận có thể nêu rõ bút lục của tài liệu trong hồ sơ chính nhằm nâng cao tính thuyết phục trong lập luận đối đáp tranh luận.

*Ba là, phải xây dựng kế hoạch xét hỏi và tranh luận đối với từng vụ án.* Việc xây dựng kế hoạch xét hỏi gắn liền với xây dựng kế hoạch tranh luận tại phiên tòa và chuẩn bị các văn bản pháp luật, văn bản hướng dẫn thi hành pháp luật của các cơ quan chức năng có liên quan tới việc xác định tội danh, điều luật, khoản để áp dụng hình phạt; trách nhiệm dân sự đối với bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án để chủ động trong đối đáp, tranh luận tại phiên tòa. Kế hoạch xét hỏi phải hỗ trợ đắc lực cho kế hoạch tranh luận tại phiên tòa, khi dự thảo kế hoạch đối đáp tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên phải tự đặt mình vào vị trí của bị cáo, người bào chữa để tìm các lý lẽ, chứng cứ có lợi cho bị cáo để dự đoán những nội dung chính, những tình huống mà luật sư, bị cáo sẽ tranh luận, sau đó, tìm các tài liệu chứng cứ để bác bỏ. Nếu thấy chứng cứ buộc tội không đủ để bác bỏ chứng cứ chứng minh bị cáo không phạm tội hoặc không đủ chứng cứ chứng minh bị cáo phạm tội như cáo trạng truy tố mà phạm một tội khác nhẹ hơn thì báo cáo ngay cho Lãnh đạo đơn vị để có hướng giải quyết kịp thời.

*Bốn là, cần có phương pháp đối đáp tranh luận tại phiên tòa.* Phương pháp đối đáp tranh luận tại phiên tòa là cách thức mà Kiểm sát viên thực hiện khi đối đáp tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm hình sự. Tại phiên tòa, trong quá trình đối đáp tranh luận, Kiểm sát viên có thể dùng lời khai nhận tội ở Cơ quan điều tra và tại phiên tòa của bị cáo này để tranh luận đối với lời tự bào chữa chối tội của bị cáo khác, hoặc dùng ngay lời bào chữa của luật sư này để phản bác lời bào chữa của luật sư phía bên kia khi các luật sư bào chữa cho những thân chủ có quyền lợi đối lập nhau. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phải tập trung tư tưởng theo dõi diễn biến phiên tòa, tích cực tham gia xét hỏi làm rõ các chứng cứ buộc tội, chứng cứ gỡ tội, ghi chép đầy đủ câu hỏi của người bào chữa và câu trả lời của bị cáo để phán đoán hướng bào chữa của người bào chữa, của bị cáo, từ đó chuẩn bị ý kiến đối đáp tranh luận.

# CHUYÊN ĐỀ

# KINH NGHIỆM TRANH LUẬN, ĐỐI ĐÁP CỦA KIỂM SÁT VIÊN KHI THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ VÀ KIỂM SÁT XÉT XỬ CÁC VỤ ÁN BUÔN LẬU ĐƯỢC DƯ LUẬN XÃ HỘI QUAN TÂM

*Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng*

***1. Vụ án điển hình***

Trong số các vụ án buôn lậu được TAND TP Đà Nẵng đưa ra xét xử thì vụ án Trương Huy Liệu và các bị cáo khác bị xét xử về các tội ‘Buôn lậu” và ‘Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” (*sau đây gọi tắt là vụ án Trương Huy Liệu*) là vụ án nghiêm trọng, phức tạp, được dư luận đặc biệt quan tâm. Quá trình xét xử vụ án có sự giám sát của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Trị, Truyền hình Quốc hội tiến hành ghi hình toàn bộ diễn biến tại phiên tòa và truyền hình trực tiếp phiên khai mạc và phiên tuyên án. Qua công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa đối với vụ án này, chúng tôi rút ra được một số kinh nghiệm quan trọng khi tranh luận, đối đáp.

Tóm tắt nội dung vụ án như sau: Ngày 17/12/2011, Trương Huy Liệu là Phó Giám đốc Công ty Ngọc Hưng đã chỉ đạo các cá nhân trong Công ty Ngọc Hưng làm giả hồ sơ, tài liệu nhập khẩu, xuất khẩu gỗ; sau đó, sử dụng bộ hồ sơ này để nhập khẩu lậu gỗ từ Lào về Việt Nam, xuất khẩu lậu gỗ từ Việt Nam đi Trung Quốc với khối lượng 614,672 m3 gỗ, trị giá 63.619.706.500 đồng. Trần Thị Dung là Giám đốc Công ty Ngọc Hưng, vợ của Trương Huy Liệu đã có hành vi ký các hồ sơ, giấy tờ giả mạo để làm thủ tục nhập khẩu, xuất khẩu lậu gỗ; giúp sức cho Trương Huy Liệu thực hiện hành vi buôn lậu.

Đỗ Lý Nhi, Lê Xuân Thành là công chức Hải quan Chi cục Hải quan Cảng Cửa Việt, được giao nhiệm vụ kiểm hóa lô hàng gỗ xuất khẩu theo Tờ khai Hải quan số 849/XK/KD/C32D ngày 19/12/2011 của Công ty Ngọc Hưng, nhưng đã thực hiện không đúng, không đầy đủ các quy định về địa điểm, trình tự, thủ tục kiểm tra hàng hóa xuất khẩu nên đã đề xuất cho thông quan đối với lô hàng buôn lậu của Công ty Ngọc Hưng. Đỗ Danh Thắng là Chi cục trưởng Chi cục Hải quan Cảng Đà Nẵng, được giao nhiệm vụ tổ chức việc khám xét theo thủ tục hành chính đối với lô hàng gỗ xuất khẩu có vi phạm của Công ty Ngọc Hưng, nhưng đã thực hiện không đúng, không đầy đủ các quy định về trình tự, thủ tục áp dụng biện pháp khám xét theo thủ tục hành chính trong lĩnh vực hải quan nên đã không phát hiện được hành vi buôn lậu của Công ty Ngọc Hưng. Hành vi của các bị can trên đã gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền thuế chênh lệch mà Công ty Ngọc Hưng không nộp là 1.852.298.923 đồng.

Đây là vụ án rất phức tạp, quá trình tố tụng kéo dài. Vụ án được khởi tố ngày 06/4/2012 doViện KSNDTC thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, ban hành Cáo trạng và phân công Viện KSND TP Đà Nẵng thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử sơ thẩm vụ án. Qua 06 lần trả hồ sơ điều tra bổ sung, 03 lần mở phiên tòa, đến phiên toà xét xử vụ án diễn ra từ ngày 14.8.2018 đến ngày 23.8.2018 thì TAND TP Đà Nẵng mới tuyên án đối với các bị cáo.

***2. Một số đặc điểm của tội phạm Buôn lậu***

Từ thực tiễn xử lý tội phạm Buôn lậu cho thấy : Chủ thể của tội phạm này là những chủ thể tham gia vào quan hệ “buôn bán qua biên giới hoặc từ khu phi thuế quan vào nội địa hoặc ngược lại”. Đối tượng phạm tội là chủ buôn lậu là các Doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp nhà nước, công ty liên doanh với nước ngoài; người vận chuyển là chủ các phương tiện vận tải (chủ tàu, thuyền, chủ xe ô tô…); dân lao động tự do, cửu vạn tham gia vận chuyển hàng hóa, tiền tệ trái pháp luật; Ngoài ra, nhiều vụ án có liên quan đến cán bộ, nhân viên Hải quan, Bộ đội biên phòng, Công an, Hàng không, Bưu điện bị tội phạm mua chuộc tham gia vào hoạt động buôn lậu với tư cách bảo kê hoặc trực tiếp vận chuyển hàng hóa, nhập lậu.

Đây là loại tội phạm ẩn cao, cụ thể số vụ việc được phát hiện, đưa ra xét xử chưa phải ảnh đầy đủ thực trạng tội phạm xảy ra. Hoạt động phạm tội, vận chuyển, tiêu thụ hàng buôn lậu diễn ra ở nhiều nơi, nhiều địa bàn. Thủ đoạn phạm tội tinh vi từ khâu thu mua, tập kết, vận chuyển, tiêu thụ hàng hóa. Hoạt động phạm tội mang tính tổ chức cao, xuyên biên giới quốc gia có sự cấu kết chặt chẽ giữa bên bán, bên mua, người vận chuyển, có sự tham gia của người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài và cả cơ quan chuyên trách phòng chống buôn lậu. Quá trình phát hiện, Cơ quan điều tra thường chỉ xử lý được đối tượng vận chuyển, phần lớn kẻ chủ mưu, cầm đầu không phát hiện được. Chủ thật sự của các lô hàng buôn lậu thường có tiềm lực kinh tế, có mối quan hệ xã hội rộng, có kinh nghiệm và nhiều thủ đoạn trốn tránh sự phát hiện của cơ quan chuyên trách chống buôn lậu. Trong một số vụ việc được phát hiện gần đây, chủ hàng thường dùng thủ đoạn thuê các cá nhân, tổ chức thực hiện việc xuất - nhập khẩu ủy thác,tạm nhập tái xuất hoặc thuê người làm thủ tục nhập khẩu hàng hóa, khi bị phát hiện khó xác định được người chủ thực sự của lô hàng để xử lý. Lợi dụng quy định phân luồng hàng hóa hoặc các quy định liên quan đến thủ tục kiểm hóa lô hàng nhập khẩu, hoặc khi có thông tin lô hàng nhập khẩu có dấu hiệu buôn lậu thì làm văn bản từ chối nhận hàng với lý do hàng giao không đúng theo hợp đồng, cấu kết với đồng phạm ở nước ngoài gởi thông báo về việc gởi nhầm hàng đến cơ quan chức năng trong nước để thoát tội. Việc thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội khó khăn, các yêu cầu tương trợ tư pháp ít khi nhận được trả lời từ các quốc gia liên quan đặc biệt là Trung Quốc, các quốc gia Châu Phi.

***3. Tiếp cận hồ sơ vụ án***

Một trong những khó khăn của Kiểm sát viên hiện nay là việc tiếp cận và hiểu được hồ sơ, hiểu thủ đoạn, phương thức phạm tội của đối tượng phạm tội. Do đặc thù của hoạt động buôn lậu liên quan đến nhiều lĩnh vực khác nhau, mỗi lĩnh vực được điều chỉnh bởi các quy phạm pháp luật khác nhau và do các cơ quan chuyên ngành khác nhau phụ trách; Quá trình làm thủ tục xuất, nhập khẩu từng loại hàng hóa đều có các quy định khác nhau về bộ hồ sơ xuất nhập khẩu (tờ khai hải quan, hóa đơn chứng từ (như Invoice, Parking list, C/O, B/L và các chứng nhập khác nhau của cơ quan chức năng đối với loại hàng hóa xuất nhập khẩu (Chứng nhận kiểm dịch thực vật, giấy phép của Ngân hàng nhà nước khi nhập khẩu vàng nguyên liệu, giấy phép của Bộ trưởng Bộ văn hóa thể thao, du lịch cho pháp mang di vật, cổ vật ra nước ngoài…). Ví dụ tại vụ án Trương Huy Liệu nêu trên, ngoài bộ chứng từ nhập khẩu thì cần có thêm Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật của Trạm kiểm dịch thực vật Lao Bảo cấp cho Công ty Ngọc Hưng; Bảng kê lâm sản.

Ngoài ra, như đã nêu ở phần đối tượng, hoạt động buôn lậu thường có sự tiếp tay, giúp sức của một bộ phận cán bộ các cơ quan quản lý nhà nước liên quan nên nó thường gắn liền với các tội phạm khác như “Nhận hối lộ”, ‘Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”, ‘Trốn thuế” nên việc thu thập tài liệu, chứng cứ gặp nhiều khó khăn. Việc không thống nhất trong quan điểm đánh giá chứng cứ và áp dụng pháp luật giữa các cơ quan tiến hành tố tụng dẫn đến vụ án phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung nhiều lần, thời gian xử lý vụ án kéo dài.

Gia đoạn tiếp cận hồ, sơ vụ án, đánh giá chứng cứ là giai đoạn đặc biệt quan trọng định hướng cho Kiểm sát viên trong suốt quá trình đánh giá, phân loại chứng cứ, dự kiến được các vấn đề cần xét hỏi, các vấn đề cần tranh luận và chuẩn bị hồ sơ, tài liệu, văn bản pháp luật có liên quan phục vụ cho việc đối đáp, tranh luận tại phiên tòa.

***4. Kinh nghiệm tranh luận, đối đáp của Kiểm sát viên khi thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa sơ thẩm***

Vụ án Trương Huy Liệu là vụ án đầu tiên Viện KSNDTC tiến hành phân công Kiểm sát viên Vụ 1 - Viện KSNDTC biệt phái đến làm nhiệm vụ thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử sơ thẩm vụ án cùng Kiểm sát viên Viện KSND TP Đà Nẵng.

Thực tiễn cho thấy các năm qua, các vụ án hình sự do Viện KSNDTC truy tố chuyển cho Viện KSND địa phương thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử thường gặp nhiều khó khăn do đây là các vụ án phức tạp, số lượng hồ sơ nhiều, Kiểm sát viên địa phương không được tiếp xúc hồ sơ vụ án ngay từ đầu, không nắm vững được nội dung vụ án cũng như hệ thống các chứng cứ và những vấn đề có thể phát sinh trong khi xét hỏi, luận tội, tranh luận, hoặc do quan điểm đánh giá chứng cứ, xử lý vụ án khác nhau. Do vậy, trong thời gian qua, tại địa phương, 100% các vụ án do Viện KSNDTC kiểm sát điều tra, truy tố chuyển đến Viện KSND TP Đà Nẵng thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử đều bị Tòa án nhân dân TP Đà Nẵng trả hồ sơ điều tra bổ sung, chất lượng xét hỏi, luận tội, tranh luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa hạn chế. Do vậy, việc cử Kiểm sát viên các vụ nghiệp vụ trực tiếp làm công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra biệt phái tham gia việc xét xử là rất cần thiết.

Đối với vụ án Trương Huy Liệu, để thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ, Kiểm sát viên Viện KSND TP Đà Nẵng có văn bản thông báo kịp thời lịch xét xử, các chỉ đạo của cấp ủy địa phương, nội dung giám sát của Đoàn đại biểu Quốc Hội tỉnh Quảng Trị và việc Truyền Hình Quốc hội ghi âm, ghi hình để có sự trao đổi, phối hợp, chuẩn bị tốt nhất các tình huống có thể phát sinh tại phiên tòa.

Ngoài ra, đây là vụ án mà quan điểm đánh giá chứng cứ, mức độ phạm tội của Tòa án và Viện Kiểm sát khác nhau nên cần có sự trao đổi, thống nhất đường lối xử lý và phân công phối hợp cụ thể nhiệm vụ của Kiểm sát viên Vụ 1 và Kiểm sát viên Viện KSND TP Đà Nẵng từ giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa được quy định tại Điều 8, Điều 9 Quy chế phối hợp giữa Viện kiểm sát cấp trên và Viện kiểm sát cấp dưới trong việc giải quyết vụ án hình sự do Viện kiểm sát cấp trên thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra và truy tố, phân công cho Viện kiểm sát cấp dưới thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử sơ thẩm (Ban hành kèm theo Quyết định số 314/QĐ-VKSTC ngày 05/7/2018 của Viện trưởng VKSND tối cao).

Để việc thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tốt vụ án Trương Huy Liệu, trước khi tham gia phiên tòa, các Kiểm sát viên phối hợp nghiên cứu kỹ hồ sơ, nắm chắc nội dung của vụ án, phối hợp chuẩn bị các nội dung quan trong như : Chuẩn bị Dự thảo bản luận tội, chuẩn bị hệ thống các chứng cứ buộc tội (Lời khai các bị cáo, người làm chứng, người liên quan, tài liệu tương trợ tư pháp, kết luận giám định chữ ký, mẫu dấu, kết luận định giá tài sản, kết luận giám định khối lượng gỗ, các tài liệu liên quan khác như hợp đồng, chứng từ chuyển tiền, nhận tiền…), hệ thống các văn bản pháp luật có liên quan điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong việc nhập khẩu, xuất khẩu lô hàng, quy định thủ tục hải quan kiểm hóa cả giai đoạn nhập khẩu và xuất khẩu…; Chuẩn bị đề cương xét hỏi làm rõ hành vi phạm tội trên cơ sở bám sát các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội đã được thu thập đúng trình tự thủ tục Bộ luật tố tụng hình sự có trong hồ sơ vụ án (do trong vụ án này, có một số tài liệu, chứng cứ thu thập không đầy đủ hoặc không đúng trình tự thủ tục quy định tại bộ luật tố tụng hình sự, sau đó phải trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung, thu thập lại (trong vụ án này, các luật sư sử dụng các tài liệu, chứng cứ cũ để lập luận theo hướng các bị cáo không phạm tội); Chuẩn bị các nội dung dự kiến tranh luận, đối đáp và các tình huống tố tụng có thể phát sinh tại phiên tòa. Phân công trách nhiệm của từng Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, các Kiểm sát viên phân chia phần xét hỏi từng bị cáo, xét hỏi bổ sung nếu thấy cần thiết. Ghi chép cụ thể diễn biến phiên tòa để có định hướng tranh luận, làm rõ hành vi phạm tội của bị cáo, tránh tình trạng Kiểm sát viên tranh luận, đối đáp với luật sư, người tham gia tố tụng không triệt để, đầy đủ. Kịp thời đề nghị Hội đồng xét xử công bố lời khai của bị cáo có tại hồ sơ khi phát hiện có mâu thuẩn giữa lời khai bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa; Cung cấp tài liệu mới cho Tòa án nhằm đảm bảo quan điểm truy tố, buộc tội của Viện Kiểm sát thuyết phục, có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình xét xử, sau mỗi buổi xử, các Kiểm sát viên tập hợp các khó khăn, vướng mắc kịp thời bán cáo Lãnh đạo Viện để xin ý kiến chỉ đạo đối với từng giai đoạn của quá trình xét xử.

Do vậy, mặc dù quá trình xét xử vụ án có nhiều quan điểm khác nhau, nhưng qua quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, trước các quan điểm, lập luận của các Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuyên án đối với các bị cáo.

Sau khi kết thúc phiên tòa, nhận định Bản án do Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân TP Đà Nẵng tuyên không đúng quy định của pháp luật, không đánh giá một cách khách quan, toàn diện các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, quá trình xét hỏi cũng như kết quả việc tranh luận tại phiên toà, các Kiểm sát viên thống nhất tham mưu đề xuất Lãnh đạo Viện KSNDTC chỉ đạo ban hành kháng nghị phúc thẩm đối với Bản án. Vụ án này sau đó đã được lãnh đạo VKSND tối cao chỉ đạo Viện KSND cấp cao tại Đà Nẵng ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm theo hướng sửa án sơ thẩm tăng hình phạt đối với các bị cáo Liệu, Dung và tịch thu sung công quỹ số tiền bán tang vật vụ án.

MỤC LỤC

[CHUYÊN ĐỀ:](#_Toc54873508) [KỸ NĂNG XỬ LÝ CỦA KIỂM SÁT VIÊN VỀ TÌNH HUỐNG CỦA NGƯỜI THAM GIA TỐ TỤNG CUNG CẤP CHỨNG CỨ, TÀI LIỆU, ĐỒ VẬT TẠI PHIÊN TÒA XÉT XỬ VỤ ÁN HÌNH SỰ](#_Toc54873509)

[*Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội* 1](#_Toc54873510)

[CHUYÊN ĐỀ:](#_Toc54873511) [KINH NGHIỆM TRANH LUẬN, ĐỐI ĐÁP CỦA KIỂM SÁT VIÊN KHI THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ VÀ KIỂM SÁT XÉT XỬ CÁC VỤ ÁN NGHIÊM TRỌNG, PHỨC TẠP, DƯ LUẬN XÃ HỘI QUAN TÂM](#_Toc54873512)

[*Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh* 9](#_Toc54873513)

[CHUYÊN ĐỀ:](#_Toc54873514) [GIẢI PHÁP NÂNG CAO SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG KHÁNG NGHỊ PHÚC THẨM HÌNH SỰ NGANG CẤP](#_Toc54873515)

[*Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh* 17](#_Toc54873516)

[CHUYÊN ĐỀ:](#_Toc54873517) [GIẢI PHÁP NÂNG CAO SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG KHÁNG NGHỊ PHÚC THẨM TRÊN MỘT CẤP](#_Toc54873518)

[*Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng* 25](#_Toc54873519)

[CHUYÊN ĐỀ:](#_Toc54873520) [KỸ NĂNG NHẬN DIỆN VI PHẠM PHÁP LUẬT, THIẾU SÓT TRONG CÁC BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH HÌNH SỰ CỦA TÒA ÁN](#_Toc54873521)

[*Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội* 35](#_Toc54873522)

[CHUYÊN ĐỀ:](#_Toc54873523) [RÚT KINH NGHIỆM VỀ VIỆC BÁO CÁO ĐỀ NGHỊ KHÁNG NGHỊ GIÁM ĐỐC THẨM BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH CỦA TÒA ÁN TRONG TỐ TỤNG HÌNH SỰ](#_Toc54873524)

[*Vụ Thực hành quyền công tố và Kiểm sát xét xử hình sự* 43](#_Toc54873525)

[CHUYÊN ĐỀ:](#_Toc54873530) [KINH NGHIỆM TRANH LUẬN, ĐỐI ĐÁP CỦA KIỂM SÁT VIÊN KHI THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ VÀ KIỂM SÁT XÉT XỬ CÁC VỤ ÁN NGHIÊM TRỌNG, PHỨC TẠP, DƯ LUẬN XÃ HỘI QUAN TÂM](#_Toc54873531)

[*Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng* 57](#_Toc54873532)

[*Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình* 71](#_Toc54873535)

[*Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh* 77](#_Toc54873538)

[*Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ* 87](#_Toc54873541)

[*Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An* 93](#_Toc54873544)

[*Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang* 103](#_Toc54873549)

[*Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ* 113](#_Toc54873552)

[*Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh* 119](#_Toc54873555)

[*Viện kiểm sát nhân dân tỉnh* *Đồng Nai* 123](#_Toc54873558)

[*Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng* 131](#_Toc54873562)

1. **Vụ án Phan Văn Anh Vũ** phạm tội “Lợi dụng chức vụ trong khi thi hành công vụ”: xét xử phúc thẩm ngày 13/6/2019, VC1 báo cáo đề nghị kháng nghị ngày 10/7/2019. [↑](#footnote-ref-1)
2. **Vụ án Võ Thị Ánh Ngọc** phạm tội “Tham ô tài sản” ở tỉnh Bình Định: xét xử phúc thẩm ngày 20/3/2017; VC2 báo cáo đề nghị kháng nghị ngày 24/4/2017. [↑](#footnote-ref-2)
3. **Vụ án Trương Thị Hoa** phạm tội “Nhận hối lộ” ở tỉnh Đắk Lắk: xét xử phúc thẩm ngày 01/10/2018; VC2 báo cáo đề nghị kháng nghị ngày 15/10/2018. [↑](#footnote-ref-3)
4. **Vụ án Lê Hoàng Lực** phạm tội “Giết người” ở tỉnh Cần Thơ: xét xử phúc thẩm vụ án ngày 30/7/2018; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ báo cáo đề nghị kháng nghị ngày 20/8/2018. [↑](#footnote-ref-4)
5. **Vụ án Phạm Công Danh** phạm tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”: xét xử phúc thẩm từ ngày 12/12/2018 đến ngày 25/12/2018, cùng ngày 25/12/2018, VC3 đã báo cáo đề nghị kháng nghị. [↑](#footnote-ref-5)
6. **Vụ Vũ Đăng Nghị** phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” tại thành phố Hà Nội; **Vụ Nguyễn Việt Thương** phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn” tại tỉnh Cà Mau; **vụ Đinh Quang Dân** phạm tội “Dâm ô đối với trẻ em” tại tỉnh Gia Lai. [↑](#footnote-ref-6)
7. **Vụ Trịnh Bá Tuấn** phạm tội “Giết người” ở Thành phố Hồ Chí Minh: xét xử phúc thẩm vụ án ngày 20/9/2018 nhưng đến ngày 12/2/2019 (sau gần 5 tháng), VC3 mới báo cáo. [↑](#footnote-ref-7)
8. **Vụ Phạm Thái Long** phạm tội “Giết người” ở tỉnh Gia Lai: xét xử phúc thẩm vụ án ngày 17/4/2018 nhưng đến ngày 12/11/2018 (sau gần 7 tháng), VC2 mới báo cáo. [↑](#footnote-ref-8)
9. **Vụ Nguyễn Thị Ngọc Loan** phạm tội “Môi giới mại dâm” ở thành phố Hồ Chí Minh: xét xử phúc thẩm vụ án ngày 13/12/2016, nhưng đến ngày 09/10/2017 (sau gần 10 tháng) VC3 mới báo cáo. [↑](#footnote-ref-9)
10. **Vụ Nguyễn Trọng Nghĩa** phạm tội “Giết người” và “Cố ý gây thương tích” ở thành phố Hồ Chí Minh: xét xử phúc thẩm ngày 19/3/2019 nhưng ngày 13/3/2020 (sau gần 1 năm), VC3 báo cáo; ngày 19/3/2020, Viện kiểm sát nhân dân tối cao mới nhận được báo cáo. [↑](#footnote-ref-10)
11. *Điển hình vụ án gây rối trật tự công cộng*: Bị cáo Trần Thị Ba, Trần Thị Gái và Thị Bê có hành vi tụ tập đông người la hét trước cổng cơ quan Nhà nước đòi giải quyết quyền lợi về đất đai, gây rối trật tự công cộng, ùn tắc giao thông khoảng hơn 02 giờ đồng hồ (trước đó các bị cáo đã 02 lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng). Tại phiên tòa, các bị cáo và Luật sư bào chữa đều kêu oan, không nhận hành vi gây rối trật tự công cộng và cho rằng lỗi là do cơ quan nhà nước không giải quyết thỏa đáng quyền lợi về đất đai của các bị cáo và hành vi gây rối trật tự công cộng chỉ dừng lại ở mức bị xử phạt vi phạm hành chính, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên các bị cáo không phạm tội.

*\* Kinh nghiệm giải quyết tình huống của Kiểm sát viên:* Dự liệu được các tình huống phát sinh tại phiên tòa, Kiểm sát viên chuẩn bị nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án, trích cứu chứng cứ thể hiện hành vi phạm tội của các bị cáo, đồng thời tại phiên tòa xét hỏi công khai, làm rõ lời khai của người làm chứng, đề nghị Hội đồng xét xử cho chiếu công khai đoạn camera ghi lại toàn bộ diễn biến, hành vi gây rối trật tự công cộng của các bị cáo. Kiểm sát viênnêu lên các quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các bị cáo để chứng minh hành vi các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội phạm theo quy định tại Điều 318 Bộ luật Hình sự. Đây là một trong những ứng dụng việc chứng minh hành vi phạm tội bằng hình ảnh tại phiên tòa đối với các vụ án có tính chất phức tạp, bị cáo quanh co, chối tội, làm tiền đề cho việc số hóa hồ sơ vụ án phục vụ cho công tác đấu tranh, xử lý tội phạm, người phạm tội. [↑](#footnote-ref-11)
12. *Ví dụ điển hình vụ án cố ý gây thương tích:* Khoảng 15 giờ 30 phút, ngày 06/02/2019, Nguyễn Văn Được đến nhà của Huỳnh Bảo Anh và Huỳnh Bảo Em ở ấp Vĩnh Thành, xã Vĩnh Hòa Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang để uống bia. Vừa uống được một lúc thìĐược cảm thấy mệt nên xin nghỉ và đi về nhà. Khi đi về, Được đi đường cửa sau thì gặp ông Lê Văn Non ở nhà cạnh bên nhà của Bảo Anh đi qua. Được hỏi ông Non đi đâu thì ông Non trả lời đi tìm con gà bay sang nhà Bảo Anh. Được nói rằng con gà bay sangnhà Bảo Anh là con gà của Được thì 02 người xảy ra mâu thuẫn, cự cãi. Được dùng tay đẩy ông Non té xuống đất.Thấy vậy Bảo Anh liền chạy đến can ngăn, đỡ ông Non lên. Cùng lúc này có Lê Minh Đông (là con ruột của ông Non) từ trong nhà đi ra, nghe ông Non bị đánh liền chạy sang lấy một vỏ chai bia Sài Gòn đỏ nơi mọi người đang uống bia cầm trên tay. Đến nơi, Đông nhìn thấy Bảo Anh đang ôm ông Non, liền cầm vỏ chai bia đánh một cái trúng vào đầu của Bảo Anh làm chai bia bị vỡ nhiều mảnh, trên tay Đông chỉ còn lại phần cổ chai bị vỡ có nhiều mũi sắc nhọn.Lúc này, Được xông vào đánh Đông thì bị Đông dùng phần cổ chai còn lại đâm một cái trúng vào phần vai trái của Được gây thương tích chảy máu(qua giám định tỷ lệ thương tích là 11%) thì được mọi người can ngăn. Sau khi bị Lê Minh Đông gây thương tích, Huỳnh Bảo Anh và Nguyễn Văn Được được gia đình đưa đi điều trị, riêng Huỳnh Bảo Anh từ chối giám định thương tích.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lê Minh Đông về tội Cố ý gây thương tích theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Minh Đông từ 12 tháng đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 36 tháng.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Minh Đông hoàn thống nhất về tội danh đề nghị của Viện Kiểm sát theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự và các tình tiết khác. Tuy nhiên, luật sư phân tích cho thấy bị hại là người có lỗi trước dẫn đến làm cho tinh thần của bị cáo bị kích động mạnh nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra” quy định tại điểm e khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tranh luận đối đáp với quan điểm của người bào chữa: Nhận thấy việc Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra quy định tại điểm e khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là chưa phù hợp. Bởi lẽ, khi nghe tin cha bị cáo (ông Non) bị đánh, bị cáo không xác định được người nào đánh và đánh như thế nào đã nhanh chóng đến nơi xảy ra vụ việc, lấy một vỏ chai bia cầm sẵn, khi có mặt tại nơi xảy ra vụ án thì lúc đó bị hại không có hành vi gì tác động đến cha bị cáo. Bị cáo chỉ nhìn thấy Bảo Anh (là người can ngăn) đang ôm ông Non thì không hỏi rõ đã nhận định Bảo Anh là người có hành vi đánh ông Non và lập tức có hành vi tấn công làm Bảo Anh bị thương. Sau khi bị được xông vào đánh, Đông mới tiếp tục đâm vào vai của Được một nhát gây thương tích. Tại thời điểm này, Đông vẫn nhận thức rằng, chính Bảo Anh mới là người đã có hành vi đánh ông Non chứ không phải là Được. Đây là một hành vi độc lập khác. Sau phát biểu của Kiểm sát viên, Luật sư không tranh luận gì thêm, Hội đồng xét xử sau khi nghị án đã thống nhất với đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát, không chấp nhận đề nghị của người bào chữa. [↑](#footnote-ref-12)